

TÀI LIỆU

**800 câu trắc nghiệm
môn Thị Trường Chứng Khoán
(có đáp án)**

CÂU HỎI PHẦN CƠ BẢN VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Câu 1: Người sở hữu cổ phiếu và trái phiếu đều được hưởng:

- a. Lãi suất cố định
- b. Thu nhập phụ thuộc vào hoạt động của công ty
- c. Được quyền bầu cử tại Đại hội cổ đông
- d. Lãi suất từ vốn mà mình đầu tư vào công ty**

Câu 2: Nhà đầu tư mua 10 trái phiếu có mệnh giá 100 USD, có lãi suất danh nghĩa 6%/năm với giá 900 USD. Vậy hàng năm nhà đầu tư sẽ nhận được tiền lãi là:

- a. 60 USD**
- b. 600 USD
- c. 570 USD
- d. 500 USD

Câu 3: Cổ phiếu quỹ:

- a. Được chia cổ tức.
- b. Là loại cổ phiếu được phát hành và được tổ chức phát hành mua lại trên thị trường.**
- c. Người sở hữu có quyền biểu quyết.
- d. Là một phần cổ phiếu chưa được phép phát hành.

Câu 4: Các câu nào sau đây đúng với thị trường sơ cấp

- a. Làm tăng lượng vốn đầu tư cho nền kinh tế**
- b. Làm tăng lượng tiền trong lưu thông.
- c. Không làm tăng lượng tiền trong lưu thông.
- d. Giá phát hành do quan hệ cung cầu quyết định

Câu 5: Thị trường thứ cấp

- a. Là nơi các doanh nghiệp hy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu.
- b. Là nơi mua bán các loại chứng khoán kém chất lượng
- c. Là nơi mua bán các chứng khoán đã phát hành**
- d. Là thị trường chứng khoán kém phát triển

Câu 6: Hình thức bảo lãnh mà trong đó các nhà bảo lãnh phát hành cam kết sẽ mua toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành cho dù họ có thể bán hết hay không được gọi là:

- a. Bảo lãnh tất cả hoặc không
- b. Bảo lãnh với cố gắng tối đa
- c. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn.**
- d. Bảo lãnh với hạn mức tối thiểu

Câu 7: Đối với công chúng đầu tư, tài liệu nào quan trọng nhất trong hồ sơ đăng ký phát hành ra công chúng:

- a. Bản sao giấy phép thành lập và đăng ký kinh doanh
- b. Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc.
- c. Đơn xin phép phát hành.
- d. Bản cáo bạch**

Câu 8: Trật tự ưu tiên lệnh theo phương thức khớp lệnh là:

- a. Thời gian, giá, số lượng
- b. Giá, thời gian, số lượng**
- c. Số lượng, thời gian, giá
- d. Thời gian, số lượng, giá

Câu 9: Lệnh giới hạn là lệnh:

- a. Được ưu tiên thực hiện trước các loại lệnh khác
- b. Được thực hiện tại mức giá mà người đặt lệnh chỉ định**
- c. Được thực hiện tại mức giá khớp lệnh
- d. Người đặt bán và người đặt mua đều có ưu tiên giống nhau.

- Câu 10:** Lệnh dùng để bán được đưa ra
- Với giá cao hơn giá thị trường hiện hành
 - Với giá thấp hơn giá thị trường hiện hành**
 - Hoặc cao hơn hoặc thấp hơn giá thị trường hiện hành
 - Ngay tại giá trị trường hiện hành.
- Câu 11:** Lý do nào sau đây đúng với bán khống chứng khoán:
- Ngăn chặn sự thua lỗ
 - Hưởng lợi từ sụt giá chứng khoán**
 - Hưởng lợi từ việc tăng giá chứng khoán
 - Hạn chế rủi ro
- Câu 12:** Các chỉ tiêu nào sau đây không phải là chỉ tiêu của phân tích cơ bản:
- Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của công ty
 - Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của công ty
 - Tỷ số P/E
 - Chỉ số giá của thị trường chứng khoán**
- Câu 13:** Giao dịch theo phương pháp khớp lệnh ở Việt Nam quy định đơn vị yết giá đối với những cổ phiếu có mức giá từ 50.000 đồng đến 99.500 đồng là:
- 100đ
 - 200đ
 - 300đ
 - 500đ**
- Câu 14:** Ông X vừa bán 100 cổ phiếu của công ty A với giá 40 USD/cổ phiếu. Ông ta mua cổ phiếu đó một năm trước đây với giá 30 USD/cổ phiếu, năm vừa qua ông ta có nhận cổ tức 2 USD/cổ phiếu. Vậy thu nhập trước thuế của ông từ 100 cổ phiếu A là:
- 1000 USD
 - 1200 USD**
 - 1300 USD
 - Tất cả đều sai
- Câu 15:** Mệnh giá trái phiếu phát hành ra công chúng ở Việt Nam là:
- Tối thiểu là 100.000 đồng và bội số của 100.000 đồng**
 - 100.000 đồng
 - 10.000 đồng
 - 200.000 đồng
- Câu 16:** Nếu một trái phiếu được bán với giá thấp hơn mệnh giá thì:
- Lãi suất hiện hành của trái phiếu < lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
 - Lãi suất hiện hành của trái phiếu = lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
 - Lãi suất hiện hành của trái phiếu > lãi suất danh nghĩa của trái phiếu**
 - Không có cơ sở để so sánh
- Câu 17:** Nhà phát hành định phát hành 2 loại trái phiếu: trái phiếu X có thời hạn 5 năm và trái phiếu Y có thời hạn 20 năm. Như vậy, nhà phát hành phải định mức lãi suất cho 2 trái phiếu trên như thế nào?
- Lãi suất trái phiếu X > lãi suất trái phiếu Y
 - Lãi suất trái phiếu X = lãi suất trái phiếu Y
 - Lãi suất trái phiếu X < lãi suất trái phiếu Y**
 - Còn tùy trường hợp cụ thể.
- Câu 18:** Người bán khống chứng khoán thực hiện hành động bán khống khi họ dự đoán giá của cổ phiếu:
- Tăng lên
 - Giảm đi**
 - Không thay đổi
 - Không câu nào đúng.
- Câu 19:** Giả sử cổ phiếu A có giá đóng cửa ở phiên giao dịch trước là: 101.000 đồng, theo quy chế giao dịch ở Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (Hose) hiện nay, mức giá nào sẽ là mức đặt lệnh hợp lệ trong các mức giá sau:

- a. 107.500 đồng
- b. 100.000 đồng
- c. 106.050 đồng**
- d. 95.000 đồng

Câu 20: Lệnh dừng để mua được đưa ra:

- a. Hoặc cao hơn hoặc thấp hơn giá thị trường hiện hành
- b. Với giá thấp hơn giá thị trường hiện hành
- c. Với giá cao hơn giá thị trường hiện hành**
- d. Ngay tại giá thị trường hiện hành.

Câu 21: Thị trường vốn là thị trường giao dịch.

- a. Các công cụ tài chính ngắn hạn
- b. Các công cụ tài chính trung và dài hạn**
- c. Kỳ phiếu
- d. Tiền tệ

Câu 22: Thị trường chứng khoán là một bộ phận của:

- a. Thị trường tín dụng
- b. Thị trường liên ngân hàng
- c. Thị trường vốn**
- d. Thị trường mở

Câu 23: Thặng dư vốn phát sinh khi:

- a. Công ty làm ăn có lãi
- b. Chênh lệch giá khi phát hành cổ phiếu mới
- c. Tất cả các trường hợp trên.**

Câu 24: Công ty cổ phần bắt buộc phải có

- a. Cổ phiếu phổ thông**
- b. Cổ phiếu ưu đãi
- c. Trái phiếu công ty
- d. Tất cả các loại chứng khoán trên

Câu 25: Quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở là quỹ:

- a. Có chứng chỉ được niêm yết trên thị trường chứng khoán
- b. Liên tục phát hành chứng chỉ quỹ**
- c. Không mua lại chứng chỉ quỹ
- d. Chỉ phát hành chứng chỉ quỹ một lần

Câu 26: Quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng là quỹ:

- a. Phát hành chứng chỉ quỹ nhiều lần
- b. Có thể được niêm yết chứng chỉ quỹ trên thị trường chứng khoán**
- c. Được quyền mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư
- d. Được quyền phát hành bổ sung ra công chúng

Câu 27: Mục đích phân biệt phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng là:

- a. Để dễ dàng quản lý
- b. Để bảo vệ công chúng đầu tư**
- c. Để thu phí phát hành
- d. Để dễ dàng huy động vốn

Câu 28: Năm N, Công ty ABC có thu nhập ròng là 800 triệu đồng, số cổ phiếu đã phát hành là 600.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 40.000, không có cổ phiếu ưu đãi. Hội đồng quản trị quyết định trả 560 triệu cổ tức. Như vậy mỗi cổ phiếu được trả cổ tức là:

- a. 1500 đ
- b. 2000 đ
- c. 1000 đ**
- d. 1300 đ

Câu 29: Trong trường hợp phá sản, giải thể doanh nghiệp, các cổ đông sẽ:

- a. Là chủ nợ chung

- b. Mất toàn bộ số tiền đầu tư
- c. Được ưu tiên trả lại cổ phần đã góp trước
- d. Là người cuối cùng được thanh toán**

Câu 30: Khi phá sản, giải thể công ty, người nắm giữ trái phiếu sẽ được hoàn trả:

- a. Trước các khoản vay có thế chấp và các khoản phải trả
- b. Trước thuế
- c. Sau các khoản vay có thế chấp và các khoản phải trả
- d. Trước các cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu phổ thông**

Câu 31: Một trong những điều kiện phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ở Việt Nam là:

- a. Có vốn tối thiểu là 10 tỷ VND, hoạt động kinh doanh của 2 năm liền trước năm đăng ký phải có lãi.
- b. Có vốn tối thiểu là 10 tỷ USD, hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký phát hành phải có lãi.**
- c. Có vốn tối thiểu là 5 tỷ VND, hoạt động kinh doanh của 2 năm liền trước năm đăng ký phải có lãi.
- d. Có vốn tối thiểu là 5 tỷ VND, hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký phát hành phải có lãi.

Câu 32: Tỷ lệ nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của một tổ chức niêm yết được quy định theo pháp luật Việt Nam là:

- a. 25% tổng số cổ phiếu
- b. 49% tổng số cổ phiếu**
- c. 30% tổng số cổ phiếu
- d. 27% tổng số cổ phiếu

Câu 33: Một trong những điều kiện để niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là:

- a. Là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm xin phép niêm yết từ 10 tỷ VND trở lên.**
- b. Là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm xin phép niêm yết từ 5 tỷ VND trở lên.
- c. Là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm xin phép niêm yết từ 5 tỷ VND trở lên.
- d. Không câu nào đúng.

Câu 34: Quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của Việt Nam là quỹ:

- a. Đầu tư tối thiểu 40% giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán.
- b. Đầu tư tối thiểu 50% giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán.
- c. Đầu tư tối thiểu 60% giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán.**
- d. Đầu tư tối thiểu 70% giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán.

Câu 35: Tổ chức phát hành phải hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong vòng:

- a. 60 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực.
- b. 70 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực.
- c. 80 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực.
- d. 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực.**

Câu 36: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty niêm yết phải nắm giữ:

- a. Ít nhất 20% vốn cổ phần của Công ty.
- b. Ít nhất 20% vốn cổ phiếu do mình sở hữu trong 3 năm kể từ ngày niêm yết.
- c. Ít nhất 50% số cổ phiếu do mình sở hữu trong 3 năm kể từ ngày niêm yết.**
- d. Ít nhất 30% số cổ phiếu do mình sở hữu trong 3 năm kể từ ngày niêm yết.

Câu 37: Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố báo cáo tài chính năm trên:

- a. 3 số báo liên tiếp của một tờ báo**
- b. 4 số báo liên tiếp của một tờ báo
- c. 5 số báo liên tiếp của một tờ báo
- d. 6 số báo liên tiếp của một tờ báo

Câu 38: Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết phải công bố thông tin bất thường trong thời gian:

- a. 10 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra
- b. 24 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra**

- c. 30 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra
- d. 14 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra

Câu 39: Người hành nghề kinh doanh chứng khoán được:

- a. Được tự do mua, bán cổ phiếu ở mọi nơi.
- b. Chỉ được mở tài khoản giao dịch cho mình tại công ty chứng khoán nơi làm việc.**
- c. Sở hữu không hạn chế số cổ phiếu biểu quyết của một tổ chức phát hành
- d. Làm giám đốc một công ty niêm yết.

Câu 40: Giao dịch theo phương pháp khớp lệnh ở Việt Nam quy định đơn vị yết giá đối với những cổ phiếu có mức giá dưới 50.000đồng là

- a. 100 đ**
- b. 200 đ
- c. 300 đ
- d. 500 đ

Câu 41: Doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa thực hiện bán đấu giá cổ phiếu lần đầu ra công chúng bắt buộc phải thực hiện đấu giá qua trung tâm giao dịch chứng khoán nếu khối lượng cổ phần bán ra công chúng có giá trị:

- a. 10 tỷ đồng trở lên**
- b. Từ 1 đến 10 tỷ
- c. 5 tỷ đồng trở lên
- d. Tùy doanh nghiệp có muốn thực hiện đấu giá qua trung tâm hay không

Câu 42: Khi nhà đầu tư mua cổ phần qua đấu giá tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nhà đầu tư phải đặt cọc:

- a. 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- b. 15% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- c. 5% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- d. Không phải đặt cọc.

Câu 43: Khi thực hiện bán cổ phần của doanh nghiệp nhà nước, cổ đông chiến lược được phép mua:

- a. Tối đa 20% tổng số cổ phần bán ra bên ngoài với giá giảm 20% so với giá đấu bình quân.**
- b. Tối đa 25% tổng số cổ phần bán ra bên ngoài với giá giảm 20% so với giá đấu bình quân.
- c. Tối đa 25% tổng số cổ phần bán ra bên ngoài với giá giảm 25% so với giá đấu bình quân.
- c. Tối đa 20% tổng số cổ phần bán ra bên ngoài với giá giảm 25% so với giá đấu bình quân.

Câu 44: Biên độ dao động giá trên thị trường chứng khoán Việt Nam do:

- a. Bộ trưởng Bộ tài chính quy định.
- b. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định.
- c. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định
- d. Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán quy định

Câu 45: Đối tượng công bố thông tin thị trường chứng khoán gồm:

- a. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết.
- b. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ.
- c. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán.
- d. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, trung tâm giao dịch.**

Câu 46: Tại một thời điểm nhất định, nếu tất cả các trái phiếu có thể chuyển đổi đều được trái chủ đổi thành cổ phiếu phổ thông thì:

- a. EPS tăng
- b. EPS không bị ảnh hưởng
- c. EPS giảm**
- d. P/E bị ảnh hưởng còn EPS không bị ảnh hưởng

Câu 47: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát của công ty niêm yết phải nắm giữ:

- a. Ít nhất 20% vốn cổ phần của Công ty
- b. Ít nhất 20% vốn cổ phần trong vòng 3 năm kể từ ngày niêm yết
- c. Ít nhất 50% số cổ phiếu do mình sở hữu trong 3 năm kể từ ngày niêm yết

d. Ít nhất 30% số cổ phiếu do mình sở hữu trong 3 năm kể từ ngày niêm yết (Câu 159).

Câu 48: Việc phân phối cổ phiếu niêm yết phải:

- a. Theo giá bán được xác định trong bản cáo bạch đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- b. Theo giá thỏa thuận với nhà đầu tư.
- c. Theo giá thị trường qua đấu giá.
- d. Theo giá ưu đãi do Hội đồng quản trị của công ty phát hành quyết định.

Câu 49: Thị trường tài chính là nơi huy động vốn:

- a. Ngắn hạn.
- b. Trung hạn.
- c. Dài hạn

d. Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

Câu 50: Nhà đầu tư đặt lệnh mua bán chứng khoán niêm yết tại:

- a. Ủy ban Chứng khoán
- b. Trung tâm Giao dịch chứng khoán
- c. Công ty chứng khoán.

Câu 51: Hình thức bảo lãnh phát hành trong đó đợt phát hành sẽ bị hủy bỏ nếu toàn bộ chứng khoán không bán được hết, gọi là:

- a. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
- b. Bảo lãnh với cố gắng tối đa.
- c. Bảo lãnh tất cả hoặc không
- d. Tất cả các hình thức trên.

Câu 52: Trong các nhận định sau đây, nhận định nào sai về thị trường chứng khoán thứ cấp.

- a) Thị trường thứ cấp là nơi giao dịch các chứng khoán kém phẩm chất
- b) Thị trường thứ cấp tạo tính thanh khoản cho các cổ phiếu đang lưu hành.
- c) Thị trường thứ cấp tạo cho người sở hữu chứng khoán cơ hội để rút vốn đầu tư của họ.
- d) Thị trường thứ cấp tạo cho mọi người đầu tư cơ hội cơ cấu lại danh mục đầu tư của mình.

Câu 53: Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi cổ tức ở Việt Nam có quyền:

I. Nhận cổ tức với mức ưu đãi.

II. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

III. Khi công ty giải thể, được nhận lại một phần tài sản tương ứng với số cổ phần góp vào công ty.

IV. Được nhận cổ tức ưu đãi như lãi suất trái phiếu kể cả khi công ty làm ăn thua lỗ.

- a. I
- b. I và II
- c. I và III
- d. Chỉ IV
- e. I. III. IV
- f. Tất cả

Câu 54: Công ty XYZ có 10.000 cổ phiếu đang lưu hành và tuyên bố trả cổ tức bằng cổ phiếu với mức 30%. Khách hàng của bạn có 100 cổ phiếu XYZ. Sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cổ phần của ông ta trong công ty XYZ là bao nhiêu?

- a. 1% với số cổ tức nhận làm tăng tỉ lệ tương ứng số cổ phiếu đang lưu hành → tỷ lệ k đổi
- b. 1.3%
- c. 1.5%
- d. 1.1%

Câu 55: Việc đăng ký lưu ký chứng khoán tại TTGDCK được thực hiện bởi:

- a) Người sở hữu chứng khoán
- b) Tổ chức phát hành
- c) Tổ chức bảo lãnh phát hành
- d) Thành viên lưu ký

Câu 56: Công ty SAM được phép phát hành 7.000.000 cổ phiếu theo Điều lệ công ty. Công ty phát hành được 6.000.000 cổ phiếu, trong đó có 1.000.000 cổ phiếu ngân quỹ. Vậy Công ty SAM có bao nhiêu cổ phiếu đang lưu hành?

- a. 7.000.000 cổ phiếu
- b. 6.000.000 cổ phiếu
- c. 5.000.000 cổ phiếu**
- d. 4.000.000 cổ phiếu
- e. 3.000.000 cổ phiếu
- c. Tiêu chuẩn giao dịch;
- d. Cơ chế xác lập giá;

Phương án:

- I. a, b và c;
- II. a, b, c và d;
- III. b, c và d;
- IV. c và d;
- V. Chỉ c.

Câu 57: Để giao dịch chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán cần phải có các bước:

I. Trung tâm giao dịch chứng khoán thực hiện ghép lệnh và thông báo kết quả giao dịch cho công ty chứng khoán.

II. Nhà đầu tư mở tài khoản, đặt lệnh mua bán chứng khoán.

III. Công ty chứng khoán nhập lệnh vào hệ thống giao dịch của Trung tâm.

IV. Nhà đầu tư nhận được chứng khoán (nếu là người mua) hoặc tiền (nếu là người bán) trên tài khoản của mình tại Công ty chứng khoán sau 3 ngày làm việc kể từ ngày mua bán.

V. Công ty chứng khoán thông báo kết quả giao dịch cho nhà đầu tư.

Anh (chị) hãy chỉ ra trình tự các bước giao dịch chứng khoán theo các phương án sau:

- a. I, II, III, IV, V
- b. I, III, V, II, IV
- c. II, I, V, IV, III
- d. II, III, I, V, IV**
- e. Không có phương án nào đúng.

Câu 58: Số lệnh của cổ phiếu XXX với giá đóng cửa trước đó là 30,5 như sau:

Mua	Giá	Bán
1.100 (H)	30,9	200 (B)
500 (A)	30,8	-
300 (C)	30,6	500 (I)
-	30,5	1000 (E)
600 (D)	30,4	700 (F)
500 (G)	30,3	-
	ATO	500 (J)

Hãy xác định giá và khối lượng giao dịch: **30,4**

Câu 59: Giả sử giá đóng cửa của chứng khoán A trong phiên giao dịch trước là 10200 đồng, đơn vị yết giá là 100 đồng, biên độ dao động giá là 22%. Các mức giá mà nhà đầu tư có thể đặt lệnh trong phiên giao dịch tới là:

- a. 9998, 10998, 10608
- b. 9900, 10000, 10100, 10300, 10300
- c. 9900, 1000, 10100, 10500, 10600
- d. 10000, 10100, 10200, 10300, 10400
- c. Không phương án nào đúng.

Câu 60: Phiến đóng cửa tuần n của thị trường chứng khoán Việt Nam, VN.Index là 237,78 điểm, tăng 2,64 điểm so với phiến đóng của tuần n-1, tức là mức tăng tương đương với:

- a. 1,12%
- b. 1,11%**
- c. 1%
- d. 1,2%

Câu 61: Đối với các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa và niêm yết ngay trên thị trường chứng khoán, điều kiện niêm yết cổ phiếu nào sau đây sẽ được giảm nhẹ:

- a) Vốn điều lệ
- b) Thời gian hoạt động có lãi**
- c) Thời gian cam kết nắm giữ cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.
- d) Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông ngoài tổ chức phát hành

Câu 62: Trả cổ tức bằng cổ phiếu, sẽ làm:

- a. Làm tăng quyền lợi theo tỷ lệ của cổ đông trong công ty.**
- b. Không làm thay đổi tỷ lệ quyền lợi của cổ đông
- c. Làm giảm quyền lợi theo tỷ lệ của cổ đông trong công ty
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 63: Nêu khái niệm Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) và cách xác định Giá trị tài sản ròng của chứng chỉ đầu tư của quỹ (NAV_{CPCCD1}).

Giá sử một quỹ có các khoản mục như sau:

Đơn vị tính: đồng

- 1. Tiền mặt và các công cụ tài chính tương đương tiền mặt: 1.500.000.000
- 2. Các cổ phiếu nắm giữ và thị giá:

Tên cổ phiếu	Số lượng	Thị giá
RÊ	200.000	29.000
AGF	100.000	39.500
SGH	50.000	16.000
HAP	20.000	42.000
GMD	80.000	51.000
BBC	180.000	22.500

- 3. Tổng nợ: 3.020.000.000

Hãy xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng của mỗi cổ phần của quỹ nếu tổng số cổ phần hiện đang lưu hành của quỹ là 1 triệu cổ phần.

Câu 64: Chức năng thị trường chứng khoán thứ cấp của Trung tâm giao dịch chứng khoán được thể hiện, bởi:

- a. Đấu giá cổ phần doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa;
- b. Đấu thầu trái phiếu Chính phủ và các tài sản chính;
- c. Giao dịch chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch.**

Câu 65: Môi giới chứng khoán là một nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, trong đó một công ty chứng khoán đại diện cho khách hàng tiến hành giao dịch chứng khoán thông qua:

- a) Cơ chế giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc thị trường OTC, trong đó Sở giao dịch CK / Thị trường OTC cùng chia sẻ trách nhiệm về kết quả kinh tế của giao dịch đó với khách hàng.
- b) Cơ chế giao dịch tại Sở giao dịch trong đó khách hàng chịu trách nhiệm về kết quả kinh tế của giao dịch đó.
- c) Cơ chế giao dịch tại thị trường OTC trong đó khách hàng chịu trách nhiệm về kết quả kinh tế của giao dịch đó;
- d) b và c

Câu 66: Trong tháng 7 chúng ta không có ngày nghỉ lễ, giả sử bạn là người đầu tư bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung và đã được báo là bán thành công vào phiên giao dịch ngày 16 tháng 7 (thứ 6). Thời gian thanh toán theo quy định hiện hành là T+3. Thời gian tiền được chuyển vào tài khoản của bạn là:

- a) Chủ nhật 18/7

b) Thứ hai 19/7

c) Thứ ba 20/7

d) Thứ tư 21/7

c) Các phương án trên đều sai.

Câu 67: Việc quản lý chứng khoán tại Hệ thống lưu ký chứng khoán tập trung có thể được thực hiện

a) Thông qua Hệ thống tài khoản lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán đối với chứng khoán ghi sổ.

b) Lưu giữ đặc biệt - lưu giữ chứng chỉ chứng khoán trong kho Trung tâm lưu ký chứng khoán đứng tên người gửi:

c) Do tổ chức phát hành quản lý

d) a và b

Câu 68: Khi lưu giữ chứng khoán tập trung tại một Trung tâm lưu ký chứng khoán, người đầu tư được quyền:

a) Rút chứng khoán ra bằng chứng chỉ;

b) Chuyển khoản chứng khoán thông qua hệ thống tài khoản mở tại Trung tâm lưu ký;

c) a và b

Câu 69: Theo quy định của pháp luật Việt Nam, phát hành chứng khoán ra công chúng là:

a. Phát hành qua tổ chức trung gian;

b. Phát hành để niêm yết;

c. Có ít nhất 50 nhà đầu tư ngoài tổ chức phát hành;

d. Có ít nhất 50 nhà đầu tư.

Phương án:

I: a, b và c

II: a và c;

III: a, b và d;

IV: b và d

Câu 70: Mục tiêu chính của công tác thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật chứng kiến khoán và thị trường chứng khoán là:

a) Bảo vệ quyền lợi của người đầu tư.

b) Góp phần đảm bảo cho hoạt động thị trường chứng khoán công bằng, công khai, hiệu quả.

c) Giảm thiểu rủi ro hệ thống

d) Để người đầu tư ngày càng có lãi.

e) a), b) và c)

f) Cả a), b), c) và d)

Câu 71: Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:

I. Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

II. Cổ đông chịu trách nhiệm hữu hạn về nghĩa vụ nợ

III. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng tất cả các loại cổ phần của mình.

IV. Không hạn chế số lượng cổ đông tối đa

a. I và II

b. I, II và III

c. I, II và IV

d. I, III và IV

e. Tất cả đều sai

Câu 72: Lệnh thị trường là lệnh:

a) Mua, bán theo giá thị trường

b) Lưu giữ ở sổ lệnh đến khi mua bán được mới thôi

c) Lệnh đặt mua, bán chứng khoán ở một giá nhất định để thị trường chấp nhận.

d) Không có đáp án nào trên đúng.

Câu 73: Loại hình niêm yết nào sau đây mang tính chất thâm tóm, sáp nhập công ty:

a. Niêm yết lần đầu;

b. Niêm yết lại;

c. Niêm yết bổ sung;

d. Niêm yết cửa sau;

c. Niêm yết tách, gộp cổ phiếu.

Câu 74: Thị trường tài chính bao gồm:

a) Thị trường tiền tệ và thị trường vốn

b) Thị trường hối đoái và thị trường vốn

c) Thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ

d) Thị trường thuê mua và thị trường bảo hiểm

Câu 75: Thị trường chứng khoán bao gồm

a) Thị trường vốn và thị trường thuê mua

b) Thị trường cổ phiếu và thị trường trái phiếu

c) Thị trường hối đoái và thị trường cho vay ngắn hạn

d) Tất cả các câu trên

Câu 76: Căn cứ và sự luân chuyển của các nguồn vốn, TTCK chia làm

a) Thị trường nợ và thị trường trái phiếu

b) Thị trường tập trung và thị trường OTC

c) Thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp

d) Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 77: Căn cứ vào phương thức hoạt động, TTCK bao gồm:

a) Thị trường thứ 3 và thị trường OTC

b) Thị trường tập trung và thị trường phi tập trung

c) Cả a & b đều đúng

d) Cả a & b đều sai.

Câu 78: 1 công ty XYZ thông báo sẽ tiến hành gộp cổ phiếu, điều này sẽ làm

a) Không thay đổi gì

b) Tăng mệnh giá và giảm số lượng cổ phần

c) Giảm mệnh giá và tăng số lượng cổ phần

d) Tăng mệnh giá tương đương với chỉ số gộp.

Câu 79: 1 Công ty XYZ thông báo sẽ tiến hành tách cổ phiếu, điều này sẽ làm

a) Tăng mệnh giá tương đương với chỉ số tách

b) Không thay đổi gì

c) Giảm mệnh giá và tăng số lượng cổ phần

d) Tăng mệnh giá và giảm số lượng cổ phần

Câu 80: Ai trong số những người sau đây là chủ sở hữu công ty

I. Những người nắm giữ trái phiếu

II. Những cổ đông có giấy bảo đảm quyền mua cổ phiếu mới

III. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu thường

IV. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi

a) I & II

b) II & III

c) Chỉ có I

d) II, III & IV

Câu 81: Thị trường mua bán lần đầu các chứng khoán mới phát hành là

a) Thị trường tiền tệ

b) Thị trường sơ cấp

c) Thị trường thứ cấp

d) Thị trường chính thức

Câu 82: Loại chứng khoán nào sau đây được phép phát hành kèm theo trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi, cho phép người nắm giữ nó được quyền mua 1 khối lượng cổ phiếu phổ thông nhất định theo 1 giá đã được xác định trước trong 1 thời kỳ nhất định.

a) Cổ phiếu ưu đãi

b) Trái phiếu

c) Chứng quyền

d) Quyền mua cổ phần

Câu 83: Phương thức phát hành qua đấu giá là

- a) Nhận bán chứng khoán cho tổ chức phát hành trên cơ sở thỏa thuận về giá.
- b) Tổ chức phát hành trực tiếp bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu
- c) Nhận bán lại chứng khoán của tổ chức phát hành

d) Chào bán chứng khoán dựa trên cơ sở cạnh tranh hình thành giá và khối lượng trúng thầu

Câu 84: Quy trình giao dịch chứng khoán là như sau:

- I. Khách hàng đặt lệnh.
- II. Công ty chứng khoán nhận và kiểm tra lệnh
- III. Lệnh đăng ký tại quầy giao dịch hoặc máy chủ
- IV. Lệnh được chuyển đến trung tâm giao dịch

a) I, II, III & IV

b) I, II, IV & III

c) I, III, II & IV

d) I, III, IV & II

Câu 85: SGDCK là

- I. Thị trường giao dịch tập trung
- II. Giao dịch CK niêm yết
- III. Thị trường thương lượng

a) I & II

b) I, II & III

c) II & III

d) Tất cả đều đúng

Câu 86: Những điều này sau đây đúng với phạm trù thị trường thứ cấp

- I. Thị trường giao dịch chứng khoán mua đi bán lại
- II. Tạo tính thanh khoản cho vốn đầu tư
- III. Tạo ra người đầu cơ
- IV. Tạo ra vốn cho tổ chức phát hành

a) I & II

b) I, II & III

c) I, III & IV

d) Tất cả

Câu 87: Quỹ đầu tư theo nghị định 144 là

- I. Hình thành từ vốn góp của người đầu tư
- II. Được công ty quản lý quỹ quản lý
- III. Dành tối thiểu 60% giá trị tài sản để đầu tư vào chứng khoán
- IV. Chỉ được đầu tư vào chứng khoán.

a) I, II & IV

b) I, II & III

c) II, III & IV

d) Tất cả đều sai

Câu 88: Trên TTCK, hành vi có tiêu cực là:

- a) Giao dịch của nhà đầu tư lớn
- b) Mua bán cổ phiếu của cổ đông và lãnh đạo các công ty niêm yết
- c) Mua bán nội gián**
- d) Mua bán lại chính cổ phiếu của công ty niêm yết.

Câu 89: Sự tách biệt giữa phòng môi giới và phòng tự doanh của công ty chứng khoán sẽ làm cho:

- a) Tăng chi phí giao dịch
- b) Tăng chi phí nghiên cứu
- c) Gây khó khăn cho công ty trong công việc

d) Khách hàng yên tâm và tin tưởng vào công ty

Câu 90: Phát hành thêm cổ phiếu mới ra công chúng để niêm yết phải theo các quy định dưới đây, ngoại trừ:

- a) Lần phát hành thêm cách lần phát hành trước ít nhất 1 năm
- b) Có kế hoạch và đăng ký trước với UBCK 3 tháng
- c) Giá trị cổ phiếu phát hành thêm không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành
- d) Tất cả

Câu 91: Đại diện giao dịch tại TTGDCK

- a) Là người được thành viên của TTGDCK cử làm đại diện
- b) Là công ty chứng khoán được UBCK cấp giấy phép hoạt động
- c) Là công ty chứng khoán thành viên của TTGDCK

Câu 92: TTGDCK tạm ngừng giao dịch của 1 loại chứng khoán khi

- a) Khi chứng khoán không còn thuộc diện bị kiểm soát
- b) Khi chứng khoán bị rơi vào tình trạng bị kiểm soát
- c) Tách, gộp cổ phiếu của công ty niêm yết.
- d) Tất cả đều đúng.

Câu 93: Theo quy định tại thông tư 01/UBCK, bảo lãnh phát hành ở Việt Nam được thực hiện dưới hình thức:

- a) Cố gắng cao nhất
- b) Tối thiểu - tối đa
- c) Cam kết chắc chắn
- d) Tất cả hoặc không

Câu 94: Bản cáo bạch tóm tắt là tài liệu mà tổ chức phát hành

- a) Cung cấp cho các nhà đầu tư
- b) Cung cấp cho nhân viên của tổ chức phát hành
- c) Nộp cho UBCKNN trong hồ sơ xin phép phát hành CK
- d) Dùng để thăm dò thị trường trong thời gian chờ UBCKNN xem xét hồ sơ xin phép phát hành.

Câu 95: Chức năng chính của tổ chức bảo lãnh phát hành là

- a) Tư vấn
- b) Bao tiêu chứng khoán
- c) Định giá CK phát hành
- d) Chuẩn bị hồ sơ xin phép phát hành

Câu 96: Trong các nhận định sau đây, nhận định nào sai về thị trường thứ cấp

- a) Là nơi chào bán các CK mới phát hành
- b) Tạo tính thanh khoản cho CK
- c) Tạo cho người sở hữu CK cơ hội rút vốn
- d) Cho phép các nhà đầu tư sắp xếp lại danh mục đầu tư

Câu 97: Ý nghĩa của việc phân biệt phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng là

- a) Phân biệt quy mô huy động vốn
- b) Phân biệt đối tượng và phạm vi cần quản lý
- c) Phân biệt loại CK được phát hành
- d) Phân biệt hình thức bán buôn hay bán lẻ

Câu 98: Trong các điều kiện để quản lý DN được phát hành CK ra công chúng, điều kiện nào là quan trọng nhất

- a) Có ban Giám đốc điều hành tốt
- b) Có sản phẩm nổi tiếng
- c) Có tỷ lệ nợ trên vốn hợp lý
- d) Quy mô vốn và kết quả hoạt động trước khi phát hành

Câu 99: Hiện nay ở Việt Nam trong quy định về phát hành CK ra công chúng thì tỷ lệ CK phát hành ra bên ngoài tối thiểu phải đạt

- a) 30%
- b) 20%
- c) 25%
- d) 15%

Câu 100: Những CK nào được phép niêm yết tại TTGD

- a) Trái phiếu chính phủ

- b) Cổ phiếu của các DN thực hiện cổ phần hóa
- c) CK của các DN đã được UBCKNN cấp giấy phép phát hành ra công chúng
- d) Cả a & c

Câu 101: Một công ty có cổ phiếu ưu đãi không tích lũy đang lưu hành được trả cổ tức hàng năm là 7USD. Năm trước do hoạt động kinh doanh không có lãi, công ty không trả cổ tức. Năm nay nếu công ty tuyên bố trả cổ tức, cổ đông ưu đãi nắm giữ cổ phiếu sẽ được nhận bao nhiêu.

- a) 7 USD
- b) 10 USD
- c) 14 USD
- d) Tất cả đều sai

Câu 102: Nghĩa vụ nào sau đây không thuộc nghĩa vụ của thành viên giao dịch

- a) Nộp BCTC 6 tháng
- b) Đóng góp lập quỹ hỗ trợ thanh toán
- c) Nộp phí thành viên, phí giao dịch, phí sử dụng hệ thống giao dịch
- d) Tất cả đều đúng

Câu 103: Người có giấy phép kinh doanh hành nghề CK được phép

- a) Cùng làm việc hoặc góp vốn vào 2 hay nhiều công ty CK
- b) Làm GD 1 tổ chức niêm yết
- c) Tham gia kinh doanh hoạt động CK
- d) Cho mượn giấy phép hành nghề

Câu 104: Các nhà phân tích kỹ thuật ít quan tâm đến chỉ tiêu nào trong số các chỉ tiêu sau đây

- a) Số lượng CK giao dịch
- b) Tỷ lệ nợ trên vốn cổ phần
- c) Xu hướng giá
- d) Giá mở cửa, đóng cửa

Câu 105: Theo quy định của VN, công ty CK là loại hình DN

- I. DNNN
 - II. Công ty liên doanh
 - III. Công ty TNHH
 - IV. Công ty CP
 - V. Công ty hợp danh
- a) Chỉ có I & II
 - b) Chỉ có II & III
 - c) II, III & IV
 - d) Tất cả

Câu 106: Căn cứ vào đặc điểm và tính chất, công ty CK là

- I. Công ty chuyên doanh
 - II. Công ty đa năng
 - III. Công ty đa năng toàn phần
 - IV. Công ty đa năng một phần
- a) Chỉ số I
 - b) II & III
 - c) I & IV
 - d) Tất cả

Câu 107: Trong khi thực hiện tự doanh, công ty CK phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- I. Tách bạch tài khoản giữa công ty và khách hàng
 - II. Bình ổn thị trường
 - III. Tuân thủ về giới hạn đầu tư, lĩnh vực đầu tư
- a) I & II
 - b) II & III
 - c) I, II, III
 - d) Tất cả đều sai

- Câu 108:** Chức năng của hệ thống đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ CK
- I. Quản lý các CK lưu lý của khách hàng
 - II. Ghi nhận quyền sở hữu
 - III. Cung cấp các thông tin về CK bị giả mạo, mất cắp
 - IV. Phân phối lãi, trả vốn gốc và cổ tức bằng tiền cho người sở hữu CK
- a) I, II
 - b) I, II, III
 - c) II, III, IV
 - d) Tất cả
- Câu 109:** Quy trình đăng ký làm thành viên lưu ý của TTGDCK
- I. Nộp hồ sơ đăng ký
 - II. Kiểm tra hồ sơ
 - III. Đóng quỹ hỗ trợ thanh toán và phí thành viên
 - IV. Quyết định chấp nhận
- a) I, II, III, IV
 - b) II, III, IV, I
 - c) III, II, I, IV
 - d) IV, III, II, I
- Câu 110:** Mở tài khoản lưu ký CK
- I. Tài khoản CK giao dịch
 - II. Tài khoản CK cầm cố
 - III. Tài khoản CK chờ niêm yết, chờ rút
 - IV. Tài khoản thanh toán bù trừ
- a) I, II
 - b) I, II, III
 - c) I, III, IV
 - d) Tất cả
- Câu 111:** Tiêu chuẩn bản chất đạo đức nghề nghiệp bao gồm
- I. Có trình độ năng lực
 - II. Làm việc có tiêu chuẩn tay nghề
 - III. Có đạo đức tốt
 - IV. Có niềm tự hào.
- a) I, II
 - b) II, III
 - c) I, II, III
 - d) Tất cả
- Câu 112:** Chức năng của chỉ số thị trường chứng khoán là
- I. Phong vũ biểu phản ánh nền kinh tế
 - II. Là cơ sở để đánh giá hoạt động của từng doanh nghiệp
 - III. Là cơ sở để nhà đầu tư tạo lập danh mục đầu tư có hiệu quả
- a) I
 - b) II
 - c) I, III
 - d) I, II, III
- Câu 113:** Lý do nào sau đây đúng với bản không chứng khoán
- a) Ngăn chặn sự thua lỗ
 - b) Hưởng lợi từ sự sụt giá CK
 - c) Hưởng lợi từ sự tăng giá CK
 - d) Hạn chế rủi ro
- Câu 114:** Công ty Cổ phần bắt buộc phải có
- a) Cổ phiếu phổ thông
 - b) Cổ phiếu ưu đãi

- c) Trái phiếu công ty
- d) Tất cả các loại chứng khoán trên

Câu 115: Đối với công chúng đầu tư, tài liệu nào quan trọng nhất trong hồ sơ đăng ký phát hành ra công chúng:

- a) Bản sao giấy phép thành lập và đăng ký kinh doanh
- b) Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT và BGD
- c) Đơn xin phép phát hành
- d) Bản cáo bạch

Câu 116: Nếu 1 trái phiếu được bán ra thấp hơn mệnh giá thì:

- a) Lãi suất hiện hành của trái phiếu < lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
- b) Lãi suất hiện hành của trái phiếu > lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
- c) Lãi suất hiện hành của trái phiếu = lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
- d) Không có cơ sở để so sánh.

Câu 117: Nhà phát hành định phát hành 2 loại trái phiếu: trái phiếu X có thời hạn 5 năm và trái phiếu Y có thời hạn 20 năm. Như vậy, NPH phải định mức lãi suất cho 2 trái phiếu như thế nào?

- a) Lãi suất trái phiếu X > lãi suất trái phiếu Y
- b) Lãi suất trái phiếu X = lãi suất trái phiếu Y
- c) Lãi suất trái phiếu X < lãi suất trái phiếu Y
- d) Còn tùy trường hợp cụ thể

Câu 118: DNNN thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng bắt buộc phải thực hiện đấu giá qua TTGDCK nếu khối lượng cổ phần bán ra công chúng có giá trị:

- a) 10 tỷ đồng trở nên
- b) Từ 1 đến 10 tỷ đồng
- c) 5 tỷ đồng trở nên
- d) Tùy DN có muốn thực hiện đấu giá qua trung tâm hay không

Câu 119: Khi thực hiện bán CP của DNNN, cổ đông chiến lược được phép mua

- a) Tối đa 20% tổng số CP bán ra bên ngoài với giá giảm 20% so với giá đấu bình quân
- b) Tối đa 25% tổng số CP bán ra bên ngoài với giá giảm 20% so với giá đấu bình quân
- c) Tối đa 25% tổng số CP bán ra bên ngoài với giá giảm 25% so với giá đấu bình quân
- d) Tối đa 20% tổng số CP bán ra bên ngoài với giá giảm 25% so với giá đấu bình quân

Câu 120: Nhà đầu tư đặt lệnh mua bán chứng khoán tại:

- a) UBCK
- b) TTGDCK
- c) Công ty chứng khoán
- d) Tất cả các nơi trên

Câu 121: Kha lãi suất thị trường tăng hoặc giảm, giá của các loại CK nào sau đây sẽ biến động mạnh nhất.

- a) Trái phiếu trung hạn
- b) Trái phiếu dài hạn
- c) Cổ phiếu
- d) Cổ phiếu ưu đãi

Câu 122: Tỷ lệ nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của một tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam là:

- a) 25%
- b) 27%
- c) 35%
- d) 49%

Câu 121: Trong trường hợp phá sản, giải thể doanh nghiệp, các cổ đông sẽ:

- a) Là chủ nợ chung
- b) Mất toàn bộ số tiền đầu tư
- c) Được ưu tiên trả lại cổ phần đã góp trước
- d) Là người cuối cùng được thanh toán

Câu 122: Thị trường tài chính là nơi huy động vốn:

- a) Ngắn hạn
- b) Trung hạn
- c) Dài hạn
- d) Cả 3 yếu tố trên

Câu 123: Sở giao dịch chứng khoán là:

- a) Thị trường giao dịch CK tập trung
- b) Thị trường giao dịch CK phi tập trung
- c) 1 trong các hoạt động của TTCK thứ cấp
- d) Cả a & c

Câu 124: CK xác định người sở hữu nó có:

- a) Quyền sở hữu đối với 1 công ty
- b) Quyền chủ nợ đối với 1 công ty
- c) Quyền chủ nợ đối với chính phủ hay chính quyền địa phương
- d) Tất cả các quyền trên

Câu 125: Cổ phiếu trái phiếu có cùng đặc trưng là:

- a) Có lãi suất cố định
- b) Có thu nhập theo hoạt động của công ty
- c) Được quyền bầu cử tại HĐQT
- d) Không có câu nào đúng

Câu 126: Chính phủ phát hành trái phiếu nhằm các mục đích ngoại trừ:

- a) Bù đắp thâm hụt ngân sách
- b) Tài trợ các công trình công cộng
- c) Giúp đỡ các công ty
- d) Điều tiết tiền tệ

Câu 127: Trong các điều kiện để quản lý DN được phát hành CK ra công chúng, điều kiện nào là quan trọng nhất.

- a) Có ban giám đốc điều hành tốt
- b) Có sản phẩm nổi tiếng
- c) Có tỷ lệ nợ trên vốn hợp lý
- d) Quy mô vốn và kết quả hoạt động trước khi phát hành

Câu 128: Khi lãi suất thị trường tăng lên giá trái phiếu sẽ:

- a) Tăng
- b) Giảm
- c) Không thay đổi

Câu 129: Một nhà đầu tư muốn thu được lợi vốn thì khi nào là thời điểm để mua trái phiếu:

- a) Khi lãi suất cao và dự kiến sẽ giảm xuống
- b) Khi lãi suất thấp và dự kiến sẽ tăng lên
- c) Khi lãi suất ổn định và dự kiến không thay đổi
- d) Khi trái phiếu thấp và lãi suất dự kiến sẽ tăng

Câu 130: Chức năng chính của tổ chức bảo lãnh phát hành là:

- a) Tư vấn.
- b) Chuẩn bị hồ sơ xin phép phát hành
- c) Định giá CK phát hành
- d) Bao tiêu một phần hoặc toàn bộ số CK đã phát hành

Câu 131: Giả sử chỉ số DowJones công nghiệp ngày giao dịch là 120% phiếu và tổng giá của 30 loại CK hợp thành là 3015. Tính hệ số chia của ngày giao dịch:

- a) 4
- b) 0.15
- c) 100.5
- d) 0.25

Câu 132: Giả sử giá đóng cửa chứng khoán A trong phiên giao dịch trước là 9800đ. Đơn vị yết giá 100đ, biên độ dao động giá là 5% các mức giá mà nhà đầu tư CK có thể đặt lệnh trong phiên giao dịch tới là:

- a) 9310, 9810, 10000, 10290
- b) 9300, 9700, 9800, 10200
- c) 9500, 9700, 9900, 10000, 10400
- d) 9400, 9500, 9600, 9700, 10200

Câu 132: Xác định giá mở cửa theo các lệnh sau đây. Biết rằng giá đóng cửa của ngày hôm trước là 10500đ

STT	Cộng dồn bán		Bán	Giá	Mua		Cộng dồn mua
1	1000	A	1000	1000		M	3200
2	1200	B	200	10100	100	N	3200
3	1500	C	300	10200	500	O	3100
4	1900	D	400	10500	800	P	2600
5	2000	E	100	10600	700	Q	1800
6	3300	F	1300	10700	300	R	800
7	4200	G	900	10800	100	S	1100
8	4200	H		10900	200	T	800
9	4400	I	200	11100		U	700
10	4400	K		11300	500	V	500
11	4600	L	200	11400		Z	500

- A Bán V500, T200, S100, R200
- B bán R100, Q100
- C bán Q 300
- E bán P100
- F bán P700
- Như vậy giá mở cửa là 10.700đ

Câu 133: Một trong những điều kiện nào dưới đây chưa phải là điều kiện tối thiểu của việc phát hành lần đầu ra công chúng ở Việt Nam

- a) Mức vốn tối thiểu là 10 tỷ VND
- b) Kinh doanh có lãi trong năm gần nhất
- c) Đội ngũ lãnh đạo của công ty có năng lực quản lý tốt
- d) Tối thiểu 20% vốn cổ phần phát hành ra công chúng

Câu 134: Các tổ chức có thể tham gia hoạt động tại trung tâm chứng khoán tập trung là:

- I. Các nhà đầu tư có tổ chức.
- II. Các nhà đầu tư cá thể
- III. Các công ty chứng khoán
- IV. Các ngân hàng thương mại được UBCK cấp phê
- a. Chỉ có I
- b. Chỉ có II
- c. Chỉ có III
- d. Không có câu nào đúng

Câu 135: Khi công ty có lãi nó sẽ:

- a. Trả cổ tức cho cổ phiếu thường
- b. Trả lãi trái phiếu
- c. Trả cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi
- d. Không phải trả lãi và cổ tức

Câu 136: Việc tách cổ phiếu trong sổ đại diện để tính chỉ số chứng khoán theo phương pháp DownJones sẽ làm cho hệ số chia:

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không đổi

Câu 137: Đại hội cổ đông sẽ điều:

- a. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- b. Hội đồng quản trị, để Hội đồng quản trị chọn giám đốc và ban kiểm soát
- c. Hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- d. Cả 3 đều sai

Câu 138: Hãy xác định ngày giao dịch chứng khoán có cổ tức tại sơ đồ dưới đây. Biết rằng ngày kết thúc năm tài chính là T + 3

27/6 28/6 29/6 30/5 04/7
-----*-----*-----*-----*-----*-----

Câu 139: Theo luật pháp Việt Nam các tổ chức được phát hành cổ phiếu là:

- a. Công ty TNHH
- b. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa
- c. Công ty CP và DN nhà nước thực hiện cổ phần hóa
- d. Công ty CP

Câu 140: Việc phát hành cổ phiếu làm tăng:

- a. Nợ của công ty
- b. Tài sản của công ty
- c. Vốn cổ phần của công ty
- d. Cả b và c

Câu 141: Một cổ phiếu bán theo quyền mua cổ phiếu mới với giá 90.000đ/CP nhưng hiện nay giá trị thị trường là 100.000đ/CP. Theo điều lệ của công ty cứ 05 cổ phiếu cũ được mua CP mới. Vậy giá của quyền là:

- a. 3.000
- b. 2.000
- c. 20.000
- d. 10.000

Câu 142: Theo luật pháp Việt Nam hiện hành, các tổ chức được phép phát hành trái phiếu là:

- a. Doanh nghiệp tư nhân
- b. Công ty CP và DN nhà nước
- c. Công ty TNHH, công ty CP và DN Nhà nước
- d. Công ty Cổ phần

Câu 143: Theo luật pháp Việt Nam hiện hành, các tổ chức được phép phát hành trái phiếu là:

- a. Doanh nghiệp tư nhân
- b. Công ty cổ phần và doanh nghiệp Nhà nước
- c. Công ty TNHH, Công ty CP và DN Nhà nước
- d. Công ty Cổ phần

Câu 144: Hiện nay ở Việt Nam, trong quy định về việc phát hành chứng khoán ra công chúng thì tỷ lệ chứng khoán phát hành ra bên ngoài tối thiểu phải đạt là:

- a. 30%
- b. 20% hoặc

Câu 145: Một cổ phiếu bán theo quyền mua cổ phiếu với giá 90.000đ/CP nhưng hiện nay giá thị trường là 100.000đ/CP theo điều lệ của công ty cứ 06 cổ phiếu cũ được mua CP mới. Vậy giá quyền là:

- a. 3.000
- b. 2.000
- c. 20.000
- d. 10.000

Câu 146: Xác định các lệnh mua bán khớp lệnh với nhau

STT	Cộng dồn bán		Mua	Giá	Bán		Cộng dồn mua
1	-	A	-	11.400	200	M	4.600
2	5000	B	500	11.300	-	N	4.400

3	500	C	-	11.100	200	O	4.400
4	700	D	200	10.900	-	P	4.200
5	800	E	100	10.800	900	Q	4.200
6	1,100	F	300	10.700	1.300	R	3.300
7	1,800	G	700	10.600	100	S	2.000
8	2,600	H	800	10.500	400	T	1.900
9	3,100	I	500	10.200	300	U	1.500
10	3,200	K	100	10.100	200	R	1.200
11	3,200	L	-	10.000	1.000	S	1.000

A mua 0
 B mua S: 500
 D mua S: 200
 E mua S: 200 R: 100
 G mua R: 100 U: 300 T: 300
 H mua T: 100
 Tổng 1.900

Câu 147: Xác định giá mở cửa:

STT	Cộng dồn bán		Mua	Giá	Bán		Cộng dồn mua
1	1.000	A	1.000	10.000	-	M	3.200
2	1.200	B	200	10.00	100	N	3.200
3	1.500	C	300	10.200	500	O	3.100
4	1.900	D	400	10.500	8000	P	3.600
5	2.000	E	100	10.600	7000	Q	1.800
6	3.300	F	1.300	10.700	300	R	1.100
7	4.200	G	900	10.800	100	S	800
8	4.200	H	-	10.900	200	T	700
9	4.400	I	200	11.100	-	U	500
10	4.400	K	-	11.300	500	V	500
11	4.600	L	200	11.400	-	Z	-

A bán V: 500 T: 200 S: 100 R: 200
 B bán R: 100 Q: 100
 C bán Q: 300
 E bán P: 100
 F bán P: 700

Như vậy giá mở cửa là: 10.700 đồng

Câu 148: Lệnh dừng để bán sẽ đặt tại mức giá:

- Thấp hơn giá thị trường
- Cao hơn giá thị trường
- Bằng giá thị trường
- Tùy vào quyết định của nhà đầu tư

Câu 149: Lệnh dừng để mua đặt tại giá:

- Thấp hơn giá thị trường
- Cao hơn giá thị trường
- Bằng giá thị trường
- Tùy thuộc vào quyết định của nhà đầu tư

Câu 150: Mục đích của lệ AQT là:

- Tăng giá khớp lệnh
- Tăng khối lượng giao dịch
- Giảm giá khớp lệnh

d. Giảm khối lượng giao dịch

Câu 151: Lệnh ATO là lệnh được thực hiện:

- a. Trước lệnh giới hạn
- b. Sau lệnh giới hạn

Câu 152: Vào ngày 1.1.2005, một nhà đầu tư mua 100 cổ phiếu ABC với giá 40.000/CP. Tỷ lệ ký quỹ là 50%. Đến ngày 1.50.2005, giá cổ phiếu ABC tăng lên 47.000đ/CP. Giả sử nhà đầu tư này bán toàn bộ số cổ phiếu ABC đang có và trong thời gian này công ty ABC không chi trả cổ tức. Vậy tỷ suất sinh lời cho nhà đầu tư này là:

- a. 40%
- b. 35%
- c. 17.50%
- d. 8.75%

Câu 153: Theo cơ chế hoạt động của quỹ đầu tư mở thì:

- I. Nhà đầu tư không được quyền bán lại chứng chỉ cho quỹ đầu tư đã phát hành ra nó.
 - II. Nhà đầu tư được quyền bán lại cho quỹ đầu tư mở đã phát hành ra nó.
 - III. Quỹ có chiến lược đầu tư dài hạn
 - IV. Quỹ có chiến lược đầu tư ngắn hạn
- a. I và IV đúng
 - b. II và IV đúng
 - c. I đúng
 - d. II và III đúng

Câu 154: Vào ngày 31.12.2005, 1 quỹ đầu tư đóng có tình trạng như sau:

- Tổng số chứng chỉ quỹ đang giao dịch trên thị trường: 2 triệu chứng chỉ quỹ.
- Tiền mặt tại quỹ: 3.300.000đ
- Các loại chứng khoán đang nắm giữ:

Chứng khoán	Số lượng	Giá thị trường
AGF	1.000	35.000
REE	20.500	34.800
TMS	14.000	44.000
VTC	4.200	31.500

- Các khoản nợ hiện tại của công ty: 500 triệu đồng
- Hãy xác định giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ đầu tư và giá trị trên 1 chứng chỉ quỹ.

Câu 155: Công ty XYZ định phát hành thêm 2 triệu cổ phiếu thường. Nếu điều này xảy ra thực sự thì:

- I. Không ảnh hưởng đến tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của các cổ đông hiện có
 - II. Tài sản của Công ty sẽ giảm đi
 - III. Vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ tăng lên.
- a. I và IV đúng
 - b. II và III đúng
 - c. II và IV đúng
 - d. III và IV đúng

Câu 156: Giá tham chiếu của cổ phiếu BBC đang ở mức 21.000. Với biên độ dao động là 3% thì các nhà đầu tư có thể đặt:

- a. 11 mức giá
- b. 12 mức giá
- c. 13 mức giá
- d. 14 mức giá

Câu 157: Nếu giá tham chiếu của cổ phiếu IBM đang ở mức 101.000 với biên độ giao động 10% thì theo quy định của Việt Nam, nhà đầu tư có thể đặt được mức giá:

- a. 90.900
- b. 100.000
- c. 101.500
- d. 111.100

Câu 158: Nếu giá tham chiếu của cổ phiếu GMD đang ở mức 50.500 với biên độ giao động 5% thì theo quy định của Việt Nam, nhà đầu tư có thể đặt được mức giá:

- a. 51.100
- b. 51.500
- c. 53.100
- d. 53.500

Câu 159: Các nhà đầu tư lựa chọn giao dịch bán bán khi họ dự đoán rằng:

- a. Giá CKhoán có xu hướng tăng trong tương lai
- b. Giá CKhoán có xu hướng giảm trong tương lai
- c. Giá CKhoán có thể là bất kỳ theo xu hướng nào
- d. Giá CKhoán không thay đổi

Câu 160: Một nhà đầu tư đến công ty CK của mình và vay 7.500 cổ phiếu VIH. Ông ta bán toàn bộ số cổ phiếu này với giá là 21.000. Sau đó 2 tuần, giá cổ phiếu VIH giảm xuống còn 20.100. Ông ta quyết định mua vào 7.500 cổ Phiếu với mức giá này để trả lại công ty CK. Giả thiết rằng tỷ lệ ký quỹ cho giao dịch bán không là 40%, bỏ qua phí môi giới và tiền lãi vay phải trả cho công ty, tỷ lệ lợi nhuận mà nhà đầu tư thu được sẽ là:

- a. 7.14%
- b. 10.71%
- c. 10.14%
- d. 71.71%

Câu 162: Chức năng của chỉ số là:

- I. Là phòng vũ biểu phản ánh nền kinh tế
 - II. Là cơ sở để đánh giá hoạt động của doanh nghiệp
 - III. Là cơ sở để người đầu tư lập danh mục đầu tư có hiệu quả
- a. Chỉ I
 - b. Chỉ II
 - c. II, II và III

Câu 163: Chỉ số bình quân DowJones bao gồm:

- I. 30 cổ phiếu của ngành công nghiệp.
 - II. 20 cổ phiếu của ngành giao thông vận tải
 - III. 15 cổ phiếu của ngành dịch vụ công cộng
 - IV. 20 cổ phiếu của ngành nông nghiệp
- a. I và II
 - b. II và III
 - c. I, II và III
 - d. II, III và IV

Câu 164: Trên thị trường chứng khoán có tiêu cực là:

- a. Giao dịch của các nhà đầu tư lớn
- b. Mua bán cổ phiếu của cổ đông và lãnh đạo công ty niêm yết
- c. Mua báo nội gián
- d. Mua bán lại cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết

Câu 165: Người có thẩm quyền xử phạt đối với các vi phạm về chứng khoán và thị trường chứng khoán là:

- a. Chánh thanh tra Ủy ban CK nhà nước
- b. Giám đốc TTâm GDCK, Sở GDCK
- c. Thanh tra viên chuyên ngành UBCK
- d. Chủ tịch UB nhân dân cấp huyện, Quận

Câu 166: Những nội dung chính về đạo đức trong kinh doanh chứng khoán:

- I. Phải trung thực, công bằng và công khai
 - II. Cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời
 - III. Phải bảo vệ bí mật khách hàng.
 - IV. Mọi quan hệ với cơ quan quản lý (chấp hành đúng luật)
- a. I và II
 - b. II và III

- c. I, II và III
- d. Tất cả

Câu 167: Mở tài khoản lưu ký chứng khoán:

- I. Tài khoản chứng khoán giao dịch
- II. Tài khoản chứng khoán cầm cố
- III. Tài khoản chứng khoán chờ niêm yết, chờ rút
- IV. Tài khoản chứng khoán đã giao dịch

- a. I và II
- b. I, II và III
- c. II, III và IV
- d. Tất cả

Câu 168: Quy trình đăng ký làm thành viên lưu ký của TT GDCK

- I. Tổ chức hoạt động lưu ký nộp hồ sơ đăng ký
- II. Bộ phận lưu ký kiểm tra hồ sơ
- III. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán và phí thành viên
- IV. Ban giám đốc quyết định chấp nhận

- a. I, II, III và IV
- b. II, III, IV và I
- c. III, IV, II và I
- d. IV, III, II và I

Câu 169: Chức năng của hệ thống đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ chứng khoán

- I. Quản lý các chứng khoán lưu ký của khách hàng
- II. Ghi nhận quyền sở hữu
- III. Cung cấp các thông tin về chứng khoán giả mạo, bị mất cắp
- IV. Phân phối lãi, trả vốn gốc, và cổ tức bằng tiền cho người sở hữu chứng khoán.

- a. I và II
- b. I, II và III
- c. II, III và IV
- d. Tất cả

Câu 170: Trong khi thực hiện nghiệp vụ tự doanh. Công ty chứng khoán phải tuân thủ các nguyên tắc nghề nghiệp sau.

- I. Tách bạch tài khoản của công ty với tài khoản của khách hàng và ưu tiên khách hàng.
- II. Bình ổn thị trường
- III. Tuân thủ về giới hạn đầu tư, lĩnh vực đầu tư.

- a. I và II
- b. II và III
- c. Tất cả

Câu 171: Công ty CK bao gồm các nghiệp vụ sau:

- I. Môi giới
- II. Tự doanh
- III. Bảo lãnh phát hành
- IV. Quản lý danh mục đầu tư
- V. Tư vấn đầu tư

- a. I và II
- b. I, II và III
- c. II, III và IV
- d. Tất cả

Câu 172: Sổ lệnh của cổ phiếu XXX với giá đóng cửa trước đó là 30.500 như sau:

Mua	Giá	Bán
200 (H)	30.900	400 (B)
300 (A)	30.800	

500 (C)	30.600	1.100 (I)
	30.500	800 (E)
500 (D)	30.400	500 (F)
600 (G)	30.300	
700	ATO	

Hãy xác định giá và khối lượng giao dịch đối với mỗi nhà đầu tư.

Câu 173: Theo quy định của Việt Nam, công ty CK là loại hình doanh nghiệp nào

- I. DN nhà nước
- II. Cty LDoanh
- III. Cty TNHH
- IV. Cty CPhân
- V. Cty hợp danh
- a. Chỉ có I và II
- b. Chỉ có II và III
- c. II, III và IV
- d. Tất cả

Câu 174: Những lợi ích khi đầu tư qua quỹ

- I. Đa dạng hóa danh mục đầu tư, phân tán rủi ro
- II. Đảm bảo đầu tư có hiệu quả hơn
- III. Giảm chi phí giao dịch và nghiên cứu
- a. I và II
- b. II và III
- c. Tất cả

Câu 175: Quỹ đầu tư dạng mở là:

- I. Phát hành chứng chỉ ra công chúng một lần
- II. Phát hành chứng chỉ nhiều lần ra công chúng
- III. Sẵn sàng mua lại khi người nắm giữ chứng chỉ đề nghị
- IV. Không thực hiện mua lại khi người nắm giữ chứng chỉ đề nghị
- V. Chứng chỉ được niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán
- VI. Chứng chỉ không được niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán
- a. I, III và V
- b. II, III và VI
- c. II, IV và V
- d. II, IV và VI

Câu 176: Quỹ đầu tư theo nghị quyết 114 là:

- I. Quỹ hình thành từ vốn góp của người đầu tư
- II. Quỹ được ủy thác cho công ty quản lý quỹ quản lý
- III. Quỹ phải dành tối thiểu 605 giá trị tài sản để đầu tư và CKhoán
- IV. Quỹ chỉ được đầu tư vào Ckhoán và không được phép đầu tư vào các lĩnh vực khác.
- a. I, II và IV
- b. I, II và III
- c. II, III và IV
- d. Tất cả đều sai
- e. Tất cả đều đúng

Câu 177: Những điều nào sau đây đúng với phạm trù thứ cấp:

- I. Thị trường GDCK mua đi bán lại
- II. Tạo tính thanh khoản cho vốn đầu tư
- III. Tạo ra người đầu cơ
- IV. Tạo vốn đầu tư cho tổ chức phát hành
- a. I và II
- b. I, II và III

- c. I, III và IV
- d. Tất cả

Câu 178: Sở GDCK là:

- I. Thị trường giao dịch tập trung
- II. Giao dịch CK niêm yết
- III. Thị trường thương lượng
- a. I và II
- b. I, II và III
- c. II và III

Câu 179: Quy trình giao dịch của Sở GD CK là:

- I. Khách hàng đặt lệnh
- II. Công ty CK nhận và kiểm tra lệnh
- III. Lệnh đăng ký tại quầy giao dịch hoặc máy chủ
- IV. Lệnh được chuyển đến Sở giao dịch.
- a. I, II, III và IV
- b. I, II, IV và III
- c. I, III, II và IV
- d. I, III, IV và II

Câu 180: Kho bạc nhà nước phát hành trái phiếu với các nội dung sau:

- Mệnh giá: 100.000đ/tp
- Kỳ hạn: 5 năm
- Khối lượng phát hành: 200 tỷ đồng
- Hình thức đấu thầu cạnh tranh lãi suất

Ta có khối lượng đặt thầu của ccthành viên đấu thầu như sau:

Đơn vị đấu thầu	Khối lượng trái phiếu (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
A	110	8.7
	50	8.8
B	100	8.75
	100	8.8
C	50	8.75
	60	9.0

Lãi suất chỉ đạo của Bộ tài chính là: 8,75% năm

Hãy xác định khối lượng và lãi suất trúng thầu của từng đơn vị đấu thầu:

- a. 110 tỷ lãi suất 8.75%
- b. 60 tỷ lãi suất 8.75%
- c. 30 tỷ lãi suất 8.75%

Câu 181: Phương thức phát hành qua đấu giá là:

- a. Nhận bán chứng khoán cho tổ chức phát hành trên cơ sở thỏa thuận về giá
- b. Tổ chức phát hành trực tiếp bán cổ phiếu cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.
- c. Nhận bán lại chứng khoán của tổ chức phát hành để mua lại
- d. Chào bán chứng khoán dựa trên cơ sở cạnh tranh hình thành giá và khối lượng trúng thầu

Câu 182: Loại chứng khoán nào sau đây được phép phát hành kèm theo trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi, cho phép người nắm giữ nó được quyền mua một khối lượng cổ phiếu phổ thông nhất định theo một giá đã được xác định trước trong một thời hạn nhất định.

- a. Cổ phiếu ưu đãi
- b. Trái phiếu
- c. Chứng quyền
- d. Quyền mua cổ phần

Câu 183: Thị trường mua bán lần đầu và chứng khoán mới phát hành là:

- a. Thị trường tiền tệ.
- b. Thị trường sơ cấp

- c. Thị trường thứ cấp
- d. Thị trường chính thức

Câu 184: Ai trong số những người sau đây là chủ sở hữu công ty

- a. Những người nắm giữ trái phiếu
- b. Những cổ đông có giấy đảm bảo quyền mua cổ phần mới
- c. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu thường
- d. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi

Câu 185: Năm N, công ty ABC có thu nhập ròng là 800 triệu đồng, số cổ phiếu đã phát hành là 600.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là: 40.000, không có cổ phiếu ưu đãi, HĐQT quyết định trả 560 triệu đồng cổ tức. Như vậy mỗi cổ phần được trả cổ tức là:

- a. 1.000đ
- b. 1.300đ
- c. 1.500đ
- d. 2.000đ

Câu 186: Tại một thời điểm nhất định, nếu tất cả các trái phiếu có thể chuyển đổi đều được trả chủ đổi thành cổ phiếu phổ thông thì:

- a. EPS tăng
- b. EPS giảm
- c. EPS không bị ảnh hưởng
- d. P/E bị ảnh hưởng còn EPS không bị ảnh hưởng.

Câu 187: Người nào sau đây được coi là chủ sở hữu chung của doanh nghiệp:

- a. Người nắm giữ giấy tờ
- b. Người nắm giữ trái phiếu thế chấp
- c. Người sở hữu cổ phiếu phổ thông
- d. Tất cả các trường hợp trên

Câu 188: Người sở hữu cổ phiếu phổ thông

- a. Là chủ sở hữu công ty
- b. Là chủ nợ công ty
- c. Không có quyền sở hữu công ty
- d. Là chủ nợ của công ty nhưng không có quyền sở hữu công ty

Câu 189: Người sở hữu cổ phần phổ thông:

- a. Được bỏ phiếu để bầu ra Hội đồng quản trị
- b. Được nhận lại vốn góp khi cổ phiếu đó đáo hạn
- a, b đều đúng
- a, b đều sai

Câu 190: Khi công ty hoạt động có lãi, cổ đông phổ thông:

- a. Được chia cổ tức trước thuế
- b. Được chia cổ tức sau thuế
- c. Được chia cổ tức sau khi chia cổ tức cổ phiếu ưu đãi
- d. Được chia cổ tức sau thuế sau khi đã chia cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi

Câu 191: Một cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phiếu thường của chính công ty đó thì được gọi là:

- a. Cổ phiếu ưu đãi tích lũy
- b. Cổ phiếu ưu đãi có thể hoán lại
- c. Cổ phiếu ưu đãi tham dự chia phần
- d. Cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi

Câu 192: Trong trường hợp phá sản, giải thể doanh nghiệp, các cổ đông sẽ:

- a. Là chủ nợ chung
- b. Mất toàn bộ số tiền đầu tư
- c. Được ưu tiên trả lại cổ phần đã đóng góp trước
- d. Là người cuối cùng được thanh toán

Câu 193: Khi công ty không có lãi, công ty vẫn phải:

- a. Trả cổ tức cho cổ đông phổ thông

- b. Trả lãi cho trái chủ
- c. Trả cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi
- d. Không trả lãi và cổ tức

Câu 194: Cổ đông phổ thông có quyền được trong các trường hợp sau:

- a. Giải thể và hợp nhất công ty
- b. Lựa chọn ban giám đốc
- c. Sửa đổi quy định và điều lệ công ty
- d. Chỉ a và c

Câu 195: Người sở hữu cổ phiếu và trái phiếu đều được hưởng:

- a. Lãi suất cố định.
- b. Thu nhập phụ thuộc vào hoạt động của công ty
- c. Được quyền bầu cử tại Đại hội cổ đông
- d. Không câu nào đúng

Câu 196: Cổ phiếu quỹ:

- a. Được chia cổ tức
- b. Là loại cổ phiếu đã phát hành và được tổ chức phát hành mua lại trên thị trường.
- c. Cho phép người sở hữu chúng có quyền biểu quyết
- d. Là một phần cổ phiếu chưa được phát hành

Câu 197: Khi phá sản, giải thể công ty, người nắm giữ trái phiếu sẽ được hoàn trả:

- a. Trước các khoản vay có thể chấp và các khoản phải trả
- b. Trước thuế
- c. Sau các khoản vay có thể chấp và các khoản phải trả
- d. Trước các cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu phổ thông

Câu 198: Trái phiếu chuyển đổi có đặc tính sau:

- a. Trái chủ có quyền đổi thành cổ phiếu phổ thông sau một thời gian nhất định.
- b. Trái chủ có quyền đổi lấy một trái phiếu khác nếu như trái phiếu chuyển đổi đó không trả lãi đúng

thời hạn.

Cả a, b đều đúng.

- c. Không có phương án nào đúng

Câu 199: Số chi trả tiền lãi dựa trên:

- a. Mệnh giá
- b. Giá trị chiết khấu
- c. Thị giá
- d. Tùy từng trường hợp cụ thể.

Câu 201: Câu nào sau đây đúng với hợp đồng quyền chọn:

- a. Hợp đồng quyền chọn là hợp đồng bắt buộc phải thực hiện
- b. Hợp đồng quyền chọn giống như hợp đồng tương lai
- c. Mua quyền chọn là mua quyền được mua hoặc được bán chứ không có nghĩa vụ phải thực hiện.
- d. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 202: Các câu nào sau đây không đúng với chính quyền:

- a. Chứng quyền có thời hạn hiệu lực ngắn
- b. Chứng quyền có thời hạn hiệu lực dài
- c. Chứng quyền được phát hành trước khi phát hành một đợt cổ phiếu mới
- d. Chứng quyền được phát hành đi kèm với chứng khoán kèm hấp dẫn

Câu 203: Chức năng của thị trường sơ cấp là:

- a. Huy động vốn
- b. Kiếm lợi nhuận do kinh doanh chênh lệch giá.
- c. Tăng tính thanh khoản của chứng khoán

Câu 204: Các câu nào sau đây đúng với thị trường sơ cấp

- a. Làm tăng lượng vốn đầu tư cho nền kinh tế
- b. Không làm tăng lượng tiền trong lưu thông.

c. Giá phát hành do quan hệ cung cầu quyết định

Câu 205: Các câu nào sau đây đúng với thị trường sơ cấp:

- a. Tập trung vốn
- b. Luân chuyển vốn
- c. Điều hòa vốn
- d. Tất cả

Câu 206: Chức năng của thị trường thứ cấp là:

- a. Huy động vốn
- b. Xác định giá chứng khoán phát hành ở thị trường sơ cấp
- c. Tập trung vốn
- d. Tất cả các ý trên

Câu 207: Thị trường thứ cấp:

a. Là nơi các doanh nghiệp huy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu.v

- b. Là nơi mua bán các loại chứng khoán kém lượng
- c. Là nơi mua bán các chứng khoán đã phát hành
- d. Là thị trường chứng khoán kém phát triển

Câu 208: Hình thức bảo lãnh phát hành trong đó đợt phát hành sẽ bị hủy bỏ nếu toàn bộ chứng khoán không bán được hết gọi là:

- a. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
- b. Bảo lãnh với cố gắng tối đa
- c. Bảo lãnh tất cả hoặc không
- d. Tất cả các hình thức trên.

Câu 209: Hình thức chào bán mà trong đó có nhà bảo lãnh phát hành cam kết sẽ mua toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành cho dù họ có thể bán hết hay không được gọi là:

- a. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
- b. Bảo lãnh với cố gắng tối đa
- c. Bảo lãnh tất cả hoặc không
- d. Bảo lãnh với hạn mức tối thiểu

Câu 210: Hình thức chào bán trong đó lượng chứng khoán không bán được sẽ được trả lại cho tổ chức phát hành được gọi là:

- a. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
- b. Bảo lãnh với cố gắng tối đa
- c. Bảo lãnh tất cả hoặc không
- d. Bảo lãnh với hạn mức tối thiểu

Câu 211: Mục đích chủ yếu của phát hành chứng khoán ra công chúng là:

- a. Để chứng tỏ công ty hoạt động có hiệu quả
- b. Huy động vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực sản xuất
- c. Tăng số lượng cổ đông của công ty.
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 212: Trật tự ưu tiên lệnh theo phương thức khớp lệnh là:

- a. Giá, thời gian, số lượng.
- b. Thời gian, giá, số lượng.
- c. Số lượng, thời gian, giá
- d. Thời gian, số lượng, giá

Câu 213: Lệnh giới hạn là:

- a. Lệnh cho phép người mua mua ở mức giá đã định hoặc tốt hơn.
- b. Lệnh cho phép người bán, bán ở mức giá đã định hoặc tốt hơn.
- c. Cả a, b đều đúng.
- d. Cả a, b đều sai

Câu 214: Lệnh thị trường:

- a. Lệnh sẽ luôn thực hiện ở mức giá tốt nhất có trên thị trường.

- b. Lệnh cho phép người bán, bán toàn bộ chứng khoán mình đang có trong tài khoản ở mức giá được quy định trước.
- c. Lệnh cho phép người mua, mua chứng khoán theo mức giá đã định hoặc thấp hơn
- d. a, b, c đều đúng
- Câu 215:** Lệnh dừng để bán được đưa ra.
- a. Với giá cao hơn giá thị trường hiện hành
- b. Với giá thấp hơn giá thị trường hiện hành
- c. Hoặc cao hơn, hoặc thấp hơn giá thị trường hiện hành
- d. a, b, c đều đúng
- Câu 216:** Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:
- a. Tự động nhận cổ tức hàng quý khi công ty có lời
- b. Nhận một tỷ lệ cố định số lợi nhuận của công ty bằng tiền mặt
- c. Chỉ nhận cổ tức khi nào hội đồng quản trị tuyên bố chi trả cổ tức
- d. Tất cả các câu trên.
- Câu 217:** Cổ tức trả bằng cổ phiếu
- a. Làm tăng quyền lợi theo tỷ lệ của cổ đông trong công ty
- b. Không làm thay đổi tỷ lệ quyền lợi của cổ đông
- c. Làm giảm quyền lợi theo tỷ lệ của cổ đông trong công ty
- d. Không có câu nào đúng
- Câu 218:** Biên độ giao động cho phép trên thị trường chứng khoán Việt Nam là:
- a. + - 7%
- b. + - 5%
- c. + - 5% đối với cổ phiếu và không giới hạn đối với trái phiếu
- d. Không có câu nào đúng
- Câu 219:** Công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam chỉ được thực hiện các nghiệp vụ sau:
- a. Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán.
- b. Môi giới tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo hành phát hành.
- c. Quản lý doanh mục và tự doanh
- d. Cả b và c có đủ vốn pháp định theo từng loại hình kinh doanh
- Câu 220:** Mệnh giá trái phiếu phát hành ra công chúng ở Việt Nam là:
- a. 10.000 đồng
- b. Tối thiểu là 100.000 đồng và bội số của 100.000 đồng
- c. 100.000 đồng
- d. 200.000 đồng
- Câu 221:** Mệnh giá trái phiếu phát hành ra công chúng ở Việt Nam là:
- a. Tối thiểu là 100.000 đồng và bội số của 100.000 đồng
- b. 100.000 đồng
- c. 10.000 đồng
- d. 20.000 đồng
- Câu 222:** Những đối tượng nào sau đây được phép phát hành trái phiếu
- a. Công ty cổ phần
- b. Công ty TNHH
- c. Doanh nghiệp tư nhân
- d. Cả a và b
- Câu 223:** Giá cổ phiếu A trên bảng giao dịch điện tử của công ty chứng khoán có màu đỏ có nghĩa là:
- a. Biểu thị cổ phiếu A giảm giá
- b. Biểu thị cổ phiếu A tăng giá
- c. Biểu thị cổ phiếu A vẫn giữ nguyên giá.
- d. Không câu nào đúng
- Câu 224:** Nhà phát hành định phát hành 2 loại trái phiếu: trái phiếu X có thời hạn và 5 năm và trái phiếu Y có thời hạn 20 năm. Như vậy, nhà phát hành phải định mức lãi suất cho 2 trái phiếu như thế nào?
- a. Lãi suất trái phiếu X > lãi suất trái phiếu Y

- b. Lãi suất trái phiếu X = lãi suất trái phiếu Y
- c. Lãi suất trái phiếu X < lãi suất trái phiếu Y
- d. Còn tùy trường hợp cụ thể.

Câu 225: Thời hạn thanh toán giao dịch chứng khoán được quy định trên thị trường chứng khoán Việt Nam là:

- a. T + 1
- b. T + 2
- c. T + 3
- d. T + 0

Câu 226: Các phiên giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được thực hiện vào:

- a. Buổi sáng các ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ.
- b. Tất cả các ngày trong tuần trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ.
- c. Buổi chiều các ngày trong tuần trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ.
- d. Tất cả các ngày trong tuần.

Câu 227: Ủy ban chứng khoán nhà nước thuộc:

- a. Quốc hội
- b. Chính phủ
- c. Bộ tài chính
- d. Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Câu 228: Văn bản pháp luật cao nhất điều chỉnh các hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay là:

- a. Luật chứng khoán.
- b. Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ
- c. Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 27/11/2003 của Chính phủ
- d. Tất cả các câu trên.

Câu 229: Ưu tiên trong giao dịch chứng khoán treo phương thức khớp lệnh ở thị trường chứng khoán Việt Nam là:

- a. Giá
- b. Thời gian
- c. Số lượng
- d. Chỉ có a và b

Câu 230: Giá của trái phiếu giảm khi:

- a. Lãi suất thị trường tăng
- b. Lãi suất thị trường giảm
- c. Lãi suất thị trường không thay đổi
- d. Giá của trái phiếu không phụ thuộc vào lãi suất của thị trường

Câu 231: Lệnh dừng để mua được đưa ra:

- a. Với giá cao hơn giá thị trường hiện hành
- b. Với giá thấp hơn giá thị trường hiện hành

Câu 232: Một trái phiếu có mệnh giá 1.000 USD, có lãi suất danh nghĩa là 8%/năm, đang được bán với giá 950 USD. Lãi suất hiện hành của trái phiếu này là:

- a. 8%
- b. 8,42%
- c. 10,37%
- d. 10%

Câu 233: Công ty X phát hành thêm đợt cổ phiếu phổ thông mới để tăng vốn bằng cách cung ứng các đặc quyền ngắn hạn với tỷ lệ 4 quyền được mua một cổ phiếu mới theo giá 75 USD, giá tham chiếu của cổ phiếu X sau khi tăng vốn là 90 USD. Vậy giá của quyền là:

- a. 2.5 USD
- b. 3 USD
- c. 3.75 USD
- d. 15 USD

Câu 234: Công ty X phát hành cổ phiếu mới giá thực hiện theo quyền là 30 USD. Giá tham chiếu của cổ phiếu đó sau đợt phát hành trên thị trường là 40 USD. Giá trị của một quyền là 2 USD. Vậy số quyền cần có để mua một cổ phiếu là:

- a. 5
- b. 3
- c. 4
- d. 6

Câu 235: Công ty A cung ứng 300.000 cổ phiếu ra công chúng với giá 15 USD/ cổ phiếu, lệ phí cho nhà quản lý là 0,15 USD / cổ phiếu, lệ phí cho nhà bao tiêu 0,2 USD / cổ phiếu, hoa hồng cho nhóm bán là 0,65 USD / cổ phiếu. Vậy tổng số tiền mà công ty phát hành nhận được là:

- a. 4.000.000 USD
- b. 4.200.000 USD
- c. 4.500.000 USD
- d. 5.000.000 USD

Câu 236: Một trái phiếu có lãi suất 5%/năm được phát hành theo mệnh giá là 1000 USD. Hiện tại trái phiếu đang được bán với giá là 900 USD và có thể được thu hồi theo mệnh giá. Vậy số lãi hàng năm mà nhà đầu tư thu được là:

- a. 20 USD
- b. 50 USD
- c. 500 USD
- d. 5.000 USD

Câu 237: Khi chào bán ra công chúng với giá 12 USD một cổ phiếu, chênh lệch bảo lãnh là 2 USD. Vậy tổ chức phát hành nhận được bao nhiêu USD cho 10.000 cổ phiếu.

- a. 100.000 USD
- b. 120.000 USD
- c. 140.000 USD
- d. 20.000 USD

Câu 238: Nếu giá cổ phiếu X trên thị trường là 23.800 đ. Với số tiền là 24 triệu, phí môi giới là 0,5% nhà đầu tư có thể mua tối đa bao nhiêu cổ phiếu X:

- a. 1003
- b. 1000
- c. 1010
- d. 1005

Câu 239: Ông X vừa bán 10 cổ phiếu của công ty A với giá 40 USD / cổ phiếu. Ông ta mua cổ phiếu đó một năm trước đây với giá 30 USD / cổ phiếu, năm vừa qua ông ta có nhận cổ tức 2 USD / cổ phiếu. Vậy thu nhập trước thuế của ông từ 100 cổ phiếu A là:

- a. 1000 USD
- b. 1200 USD
- c. 1300 USD
- d. Tất cả đều sai.

Câu 240: Một trái phiếu có mệnh giá là 1000 USD, lãi suất hiện hành là 12% năm, đang được mua bán với giá 1600 USD. Vậy lãi suất danh nghĩa của nó là bao nhiêu.

- a. 13%
- b. 15%
- c. 19,2%
- d. 19%

Câu 241: Một trái phiếu có thể chuyển đổi được mua theo mệnh giá là 1000 USD, giá chuyển đổi là 125 USD. Vậy tỷ lệ chuyển đổi là:

- a. 2
- b. 8
- c. 12
- d. 20

Câu 242: Hiện tại giá cổ phiếu KHA trên thị trường chứng khoán Việt Nam là 45.700 đồng/ cổ phiếu, biên độ giao động đối với cổ phiếu quy định là + - 5%, đơn vị yết giá là 100 đồng. Trong phiên giao dịch tiếp theo, giá nào mà nhà đầu tư đưa ra dưới đây là hợp lệ.

- a. 43.415 đồng
- b. 47.100 đồng
- c. 46.150 đồng
- d. 48.100 đồng

Câu 243: Công ty X được phép phát hành 1 triệu cổ phiếu thường, công ty đã phát hành được 600.000 cổ phiếu, vừa qua công ty đã mua lại 40.000 cổ phiếu thường. Như vậy công ty X có bao nhiêu cổ phiếu thường đang lưu hành.

- a. 40.000
- b. 560.000
- c. 600.000
- d. 1.000.000

Câu 244: Phiên đóng cửa tuần n của thị trường chứng khoán Việt Nam, VN - Index là 237.78 điểm, tăng 2,64 điểm so với phiên đóng cửa tuần n -1, tức là mức tăng tương đương với:

- a. 1,12%
- b. 1,11%
- c. 1%
- d. 1,2%

Câu 245: Tại sở giao dịch, trong phiên giao dịch sau khi tập hợp được các lệnh mua và bán cổ phiếu X nhận thấy như sau:

- I. Ở mức giá 275 có: khối lượng đặt mua là 720 cổ phiếu, và khối lượng đặt là bán 1.560 cổ phiếu.
- II. Ở mức giá 274 có: khối lượng đặt mua là 900 cổ phiếu, và khối lượng đặt là bán 1440 cổ phiếu.
- III. Ở mức giá 273 có: Khối lượng đặt mua là 1200 cổ phiếu, và khối lượng đặt mua là bán 1300 cổ phiếu.
- IV. Ở mức giá 272 có: Khối lượng đặt mua là 1400 cổ phiếu, và khối lượng đặt là bán 640 cổ phiếu.

Vậy giá được xác định cho phiên giao dịch này của cổ phiếu X sẽ là:

- a. 272
- b. 273
- c. 274
- d. 275

Câu 246: Tại sở giao dịch, trong phiên giao dịch sau khi tập hợp được các lệnh mua và bán cổ phiếu X nhận thấy như sau:

- I. Ở mức giá 275 có: khối lượng đặt mua là 720 cổ phiếu, và khối lượng đặt là bán 1.560 cổ phiếu.
- II. Ở mức giá 274 có: khối lượng đặt mua là 900 cổ phiếu, và khối lượng đặt là bán 1.440 cổ phiếu.
- III. Ở mức giá 273 có: Khối lượng đặt mua là 1200 cổ phiếu, và khối lượng đặt là bán 900 cổ phiếu.
- IV. Ở mức giá 272 có: Khối lượng đặt mua là 1400 cổ phiếu, và khối lượng đặt là bán 640 cổ phiếu.

Giá phiên dịch trước đó của cổ phiếu X là 273.5. Vậy giá được xác định cho phiên giao dịch này của cổ phiếu X sẽ là:

- a. 272
- b. 273
- c. 274
- d. 275

Câu 247: Cổ phiếu X có mức tăng trưởng $g = 0$, cổ tức nhận được hàng năm là 2.000 đồng. Với mức tỷ suất lợi nhuận yêu cầu là 10%/năm thì giá cổ phiếu X được xác định là:

- a. 20.000 đồng
- b. 10.000 đồng
- c. 15.000 đồng
- d. 21.000 đồng

Câu 248: Cổ phiếu X có mức tăng trưởng không đổi $g = 5\%/năm$, cổ tức vừa được chia trước đó là 2.000 đồng/cổ phiếu, với mức tỷ suất lợi nhuận yêu cầu là 10%/năm, giá cổ phiếu X được xác định là:

- a. 42.000 đồng
- b. 40.000 đồng
- c. 41.500 đồng
- d. 40.500 đồng

Câu 249: Một trái phiếu có mệnh giá 500.000 đồng, lãi suất 5%/năm, thời hạn trái phiếu 3 năm, thanh toán theo mệnh giá vào cuối kỳ hạn. Nếu lãi suất yêu cầu là 6% thì giá trái phiếu sẽ là:

- a. 500.000 đồng
- b. 490.000 đồng
- c. 486.634,9 đồng
- d. 499.602,6 đồng

Câu 250: Giá của cổ phiếu X được xác định trong phiên giao dịch là 155 như bảng dưới đây

Mua			Giá	Bán		
Lệnh mua	SL Mua	Cộng dồn		Cộng dồn	SL bán	Lệnh bán
M1	600	600	Thị trường			
M2	300	900	156	1600	500	B2
M3	400	1300	155	1.100	300	B3
M4	500	1800	154	800	200	B4
M5	100	1900	153	600	400	B5
M6	200	2100	152	200	100	B6
			Thị trường	100	100	B1

Hãy cho biết lệnh mua nào được thực hiện:

- a. M1: 600, M2: 300, M3: 400
- b. M1: 600, M2: 300, M3: 200
- c. M3: 300, M4: 500, M5: 400, M6: 200
- d. M2: 300, M3: 400, M4: 400

Câu 251: Giá của cổ phiếu X được xác định trong phiên giao dịch là: 155 như bảng dưới đây:

Mua			Giá	Bán		
Lệnh mua	SL Mua	Cộng dồn		Cộng dồn	SL bán	Lệnh bán
M1	600	600	Thị trường			
M2	300	900	156	1600	500	B2
M3	400	1300	155	1.100	300	B3
M4	500	1800	154	800	200	B4
M5	100	1900	153	600	400	B5
M6	200	2100	152	200	100	B6
			Thị trường	100	100	B1

Hãy cho biết lệnh bán nào được thực hiện:

- a. B1: 100, B2: 500, B3: 200
- b. B1: 100, B3: 300, B4: 200, B5: 400, B6: 100
- c. B2: 100, B3: 300, B4: 200, B5: 400, B6: 100
- d. B1: 100, B2: 100, B6: 100, B5: 400 < B4: 200, B3: 300

- Câu 252:** Một nhà đầu tư bán 100 cổ phiếu X với giá 24.000 đồng/cổ phiếu. Phí môi giới là 0,5% trên giá trị giao dịch. Vậy số tiền nhà đầu tư đó thu được là:
- 2.400.000 đồng
 - 2.412.000 đồng
 - 2.388.000 đồng
 - 2.410.000 đồng
- Câu 253:** Một nhà đầu tư mua được 200 cổ phiếu Y với giá 50.000đ/cổ phiếu. Phí môi giới là 0,5% trên giá trị giao dịch. Vậy số tiền mà nhà đầu tư phải trả là:
- 10.000.000 đồng
 - 10.050.000 đồng
 - 9.950.000 đồng
 - 10.500.000 đồng
- Câu 254:** Giả sử cổ phiếu A đang có giá ở phiên giao dịch trước là 101.000 đồng, theo quy định yết giá của Việt Nam hiện nay, giá mà bạn trả trong phiên giao dịch này như thế nào là hợp lệ:
- 101.500 đồng
 - 100.000 đồng
 - 106.050 đồng
 - 95.000 đồng
- Câu 255:** Công ty X đang cung ứng 300.000 cổ phiếu ra công chúng với giá 15 USD/ cổ phiếu. Lệ phí cho nhà quản lý là 0,15 USD/ cổ phiếu, lệ phí cho nhà bảo lãnh là 0,2 USD/ cổ phiếu, hoa hồng cho nhóm bán là 0,65 USD / cổ phiếu, như vậy, giá mà công chúng phải trả khi mua một cổ phiếu là:
- 13,75 USD
 - 14 USD
 - 15 USD
 - 14,5 USD
- Câu 256:** Nhà đầu tư có tổ chức là:
- Công chúng đầu tư
 - Các tổ chức kinh tế
 - Quỹ đầu tư
 - Các công ty
- Câu 257:** Cổ phiếu ưu đãi cổ tức được trả cổ tức theo:
- Tỷ lệ cố định
 - Mức cổ tức cao hơn cổ tức cổ phiếu phổ thông
 - Tỷ lệ cố định cao hơn trái tức
 - Tỷ lệ tuyệt đối tối đa
- Câu 258:** Một trong những điều kiện công ty trả cổ tức là:
- Có lãi trong kỳ
 - Có lãi tích lũy lại
 - Có thặng dư vốn
 - Tất cả các trường hợp trên
- Câu 259:** Nguồn lợi tức tiềm năng của trái phiếu là:
- Tiền lãi định kỳ
 - Chênh lệch giá mua, bán trái phiếu
 - Lãi của lãi trái phiếu
 - Tất cả các phương án trên
- Câu 260:** Quỹ đầu tư chứng khoán của Việt Nam là quỹ:
- Đầu tư tối thiểu 40% giá trị tài sản vào quỹ
 - Đầu tư tối thiểu 50% giá trị tài sản vào quỹ
 - Đầu tư tối thiểu 60% giá trị tài sản vào quỹ
 - Đầu tư tối thiểu 70% giá trị tài sản vào quỹ
- Câu 261:** Phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật Việt Nam là:
- Chào bán cho ít nhất 50 nhà đầu tư ngoài tổ chức phát hành

- b. Chào bán chứng khoán có thể chuyển nhượng được
- c. Chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp
- d. Cả a và b

Câu 262: Chào bán ở cấp là:

- a. Đợt phát hành cổ phiếu bổ sung của công ty đại chúng cho rộng rãi công chúng.
- b. Phát hành trái phiếu ra công chúng
- c. Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng
- d. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 263: Tổ chức bảo lãnh phát hành ở Việt Nam chỉ được bảo lãnh cho một đợt phát hành với tổng giá trị cổ phiếu không vượt quá:

- a. 20% vốn có của tổ chức bảo lãnh phát hành.
- b. 25% vốn có của tổ chức bảo lãnh phát hành
- c. 30% vốn có của tổ chức bảo lãnh phát hành
- d. 35% vốn có của tổ chức bảo lãnh phát hành

Câu 264: Tổ chức phát hành phải hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong vòng:

- a. 60 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực
- b. 70 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực
- c. 80 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực
- d. 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực

Câu 265: Chứng nhận đăng ký phát hành chứng khoán bị thu hồi trong trường hợp sau:

- a. Sai sót trong bản cáo bạch gây thiệt hại cho nhà đầu tư
- b. Phát hành chỉ đạt 85% số lượng chứng khoán được phát hành
- c. Chỉ đạt được 50 nhà đầu tư
- d. Tất cả các câu trên.

Câu 266: Một trái phiếu có mệnh giá 10.000 USD, thời hạn 2 năm, lãi suất 5%/năm. Nếu lãi suất yêu cầu là 10%/năm thì giá của trái phiếu sẽ là:

- a. .223 USD
- b. 9.005 USD
- c. 10.005 USD
- d. 10.132 USD

Câu 267: Cổ phiếu X có tỷ lệ tăng trưởng kỳ vọng không đổi theo các nhà phân tích chứng khoán là 8%/năm. Cổ tức được trả trong lần gần nhất là 2 USD. Nếu nhà đầu tư có ý định bán cổ phiếu đi sau khi đã nhận cổ tức của năm thì phải bán với giá bao nhiêu biết rằng tỷ lệ sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư là 12%/năm:

- a. 58,32 USD
- b. 54 USD
- c. 55 USD
- d. 58 USD

Câu 268: Sau khi có quyết định hồi chứng nhận đăng ký phát hành, tổ chức phát hành phải hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong vòng:

- a. 15 ngày
- b. 30 ngày
- c. 45 ngày
- d. 60 ngày

Câu 269: Hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát của công ty niêm yết phải nắm giữ:

- a. Ít nhất 20% vốn cổ phần của công ty kể từ ngày niêm yết
- b. Ít nhất 20% vốn cổ phần trong vòng 3 năm kể từ ngày niêm yết
- c. Ít nhất 50% vốn cổ phiếu do mình sở hữu trong vòng 3 năm kể từ ngày niêm yết.
- d. Tất cả các câu trên.

Câu 270: Biên độ giao động giá trên thị trường chứng khoán Việt Nam do:

- a. Bộ trưởng bộ tài chính quy định.
- b. Chủ tịch ủy ban chứng khoán nhà nước quy định
- c. Thống đốc ngân hàng Nhà nước quy định

d. Giám đốc trung tâm giao dịch chứng khoán quy định

Câu 271: Thời hạn công bố thông tin về báo cáo tài chính năm của tổ chức niêm yết chậm nhất là:

- a. 5 ngày kể từ ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm
- b. 10 ngày kể từ ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm
- c. 15 ngày kể từ ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm
- d. 20 ngày kể từ ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm

Câu 272: Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết phải công bố thông tin bất thường trong thời gian:

- a. 10 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra
- b. 24 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra
- c. 30 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra
- d. 20 tiếng kể từ khi sự kiện xảy ra

Câu 273: Công ty chứng khoán có thể chỉ hoạt động tối đa

- a. 30 ngày
- b. 45 ngày
- c. 60 ngày
- d. 90 ngày

Câu 274: Khi tiến hành tự doanh chứng khoán, công ty chứng khoán không được:

- a. Đầu tư trên 20% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức niêm yết
- b. Đầu tư vào cổ phiếu của công ty đang có sở hữu 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán.
- c. Đầu tư 15% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức không niêm yết.
- d. Tất cả đều đúng.

Câu 275: Công ty chứng khoán phải duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu trên tổng vốn nợ điều chỉnh là:

- a. 3%
- b. 5%
- c. 6%
- d. 8%

Câu 276: Công ty chứng khoán phải báo cáo ủy ban chứng khoán khi vốn khả dụng thấp hơn quy định trong vòng:

- a. 24 giờ kể từ khi phát hiện
- b. 32 giờ kể từ khi phát hiện
- c. 40 giờ kể từ khi phát hiện
- d. 48 giờ kể từ khi phát hiện

Câu 278: Công ty quản lý quỹ được phép

- a. Dùng tài sản quỹ để cho vay
- b. Dùng vốn của quỹ để bảo lãnh các khoản vay
- c. Vay để tài trợ cho hoạt động quỹ
- d. Tất cả đều sai

Câu 279: Một công ty có lợi nhuận sau thuế là 12.000.000.000 đồng. Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 5.000.000 cổ phiếu, tổng số cổ phiếu ưu đãi trị giá 1.000.000.000 đồng phải trả lãi hàng năm là 50%. Vay cổ tức của mỗi cổ phiếu phổ thông là:

- a. 2.000 đồng
- b. 2.500 đồng
- c. 2.300 đồng
- d. 2.400 đồng

Câu 280: Năm N, công ty ABC có thu nhập ròng là 800 triệu đồng, số cổ phiếu đã phát hành là 600.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 40.000, không có cổ phiếu ưu đãi. Hội đồng quản trị quyết định trả 560 triệu cổ tức. Như vậy mỗi cổ phần được trả cổ tức là:

- a. 1500 đồng
- b. 2000 đồng
- c. 1000 đồng
- d. 1300 đồng

- Câu 281:** Nhà đầu tư A vừa mua được 100 cổ phiếu phổ thông X với giá 24.000 đồng/cổ phiếu, phí môi giới là 0,5% tổng giá trị giao dịch. Vậy số tiền mà nhà đầu tư A đã bỏ ra là:
- 24.000.000 đồng
 - 24.150.000 đồng
 - 23.878.000 đồng
 - 24.120.000 đồng
- Câu 282:** Một công ty có cổ phiếu đang được bán với giá 20 USD / cổ phiếu. Nếu tất cả các trái chủ của công ty đều chuyển đổi thành cổ phiếu thường (Đối với trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu thường) thì:
- EPS giảm
 - EPS tăng
 - EPS không bị ảnh hưởng
 - P/E bị ảnh hưởng còn EPS không bị ảnh hưởng
- Câu 283:** Các câu nào sau đây không chắc chắn với quyền mua cổ phiếu (rights)
- Giá trị nội tại của quyền mua trước.
 - Bằng 0 nếu hết thời hạn hiệu lực của quyền
 - $2 > 0$ nếu quyền còn hiệu lực.
 - Một quyền cho phép mua một cổ phiếu mới
 - Trong thời hạn hiệu lực của quyền, người sở hữu quyền có thể sử dụng quyền để mua cổ phiếu mới hoặc bán nó trên thị trường.
 - Trước khi phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn, công ty bắt buộc phải phát hành quyền mua trước.
- Câu 284:** Chức năng chính của nhà bảo lãnh phát hành là:
- Phân phối chứng khoán ra công và cung cấp thị trường cấp 2.
 - Phân phối chứng khoán ra công chúng và tư vấn cho tổ chức phát hành các thủ tục pháp lý liên quan đến đợt phát hành.
 - Cung cấp thị trường cấp 2 và cung cấp tài chính cá nhân.
 - Cung cấp thị trường cấp 2 và tư vấn cho tổ chức phát hành các thủ tục pháp lý liên quan đến đợt phát hành.
- Câu 285:** Tài liệu nào quan trọng nhất trong hồ sơ đăng ký phát hành ra công chúng:
- Bản sao giấy phép thành lập và đăng ký kinh doanh
 - Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên HDDQT và ban Giám đốc.
 - Đơn xin phép phát hành.
 - Bản cáo bạch
- Câu 286:** Nếu một cổ phiếu đang được mua bán ở mức 35USD nhưng bạn chỉ có để mua cổ phiếu đó với giá là 30 USD, bạn nên đặt lệnh.
- Thị trường
 - Giới hạn
 - a và b đều đúng
 - a và b đều sai
- Câu 287:** Lý do nào sau đây đúng với bán khống chứng khoán.
- Hưởng lợi từ việc tăng giá chứng khoán
 - Hạn chế rủi ro.
- Câu 288:** Các chỉ tiêu sau đây không phải là chỉ tiêu của phân tích cơ bản:
- Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của công ty
 - Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của công ty
 - Tỷ số P/E.
 - Chỉ số giá của thị trường chứng khoán.
- Câu 289:** Để dự đoán xem việc tăng, giảm giá chứng khoán nào đó có phải là khởi đầu một xu hướng biến động lớn hay không, nhà phân tích kỹ thuật sẽ:
- Xem xét kỹ các báo cáo tài chính.
 - Đi thu nhập các tin đồn
 - Sử dụng biểu đồ
 - Tất cả các câu trên

Câu 290: Công ty ABA có 10.000 cổ phần đang lưu hành và tuyên bố trả cổ tức 30% cổ phiếu khách hàng của bạn có 100 cổ phần ABA, sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ sở hữu công ty của ông ta là bao nhiêu:

- a. 1%
- b. 1,3%
- c. 1,5%
- d. 1,1%

Câu 291: Một trái phiếu có lãi suất cao đang bán với giá cao hơn mệnh giá và được thu hồi theo mệnh giá. Bên nào sẽ hưởng lợi về điều khoản bảo vệ về lệnh thu hồi:

- a. Nhà đầu tư.
- b. Tổ chức phát hành
- c. Người ủy thác
- d. Công ty môi giới chứng khoán

Câu 292: Giao dịch theo phương thức khớp lệnh ở Việt Nam quy định đơn vị yết giá đối với những cổ phiếu có mức giá từ 50.000 đồng đến 99.500 đồng là:

- a. 100 đồng
- b. 200 đồng
- c. 300 đồng
- d. 500 đồng

Câu 293: Một trong những điều kiện phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ở Việt Nam là:

- a. Có vốn tối thiểu là 10 tỷ VNĐ, hoạt động kinh doanh của 2 năm liền trước năm đăng ký phải có lãi.
- b. Có vốn tối thiểu là 10 tỷ VNĐ, hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký phát hành phải có lãi.
- c. Có vốn tối thiểu là 5 tỷ VNĐ, hoạt động kinh doanh của 2 năm liền trước năm đăng ký phải có lãi.
- d. Có vốn tối thiểu là 5 tỷ VNĐ, hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký phát hành phải có lãi.

Câu 294: Tỷ lệ nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của một tổ chức niên yết được quy định theo pháp luật Việt Nam là:

- a. 25% Tổng số cổ phiếu
- b. 49% Tổng số cổ phiếu
- c. 30% Tổng số cổ phiếu
- d. 27% Tổng số cổ phiếu

Câu 295: Một trong những điều kiện đề niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là:

- a. Là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm xin phép niêm yết từ 10 tỷ VNĐ trở lên.
- b. Là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm xin phép niêm yết từ 5 tỷ VNĐ trở lên.
- c. Là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm xin phép niêm yết từ 5 tỷ VNĐ trở lên.
- d. Không câu nào đúng.

Câu 296: Một trong các điều kiện niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là:

- a. Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục 2 năm liền trước năm xin phép niêm yết và có tình hình tài chính lành mạnh.
- b. Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục 3 năm liền trước năm xin phép niêm yết và có tình hình tài chính lành mạnh.
- c. Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục năm liền trước năm xin phép niêm yết và có tình hình tài chính lành mạnh.
- d. Không câu nào đúng.

Câu 297: Nếu một trái phiếu được bán đúng bằng mệnh giá của nó thì:

- a. Lãi suất hiện hành của trái phiếu < lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
- b. Lãi suất hiện hành của trái phiếu = lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
- c. Lãi suất hiện hành của trái phiếu > lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
- d. Không có câu nào đúng.

- Câu 298:** Nếu một trái phiếu được bán với giá thấp hơn mệnh giá thì:
- Lãi suất hiện hành của trái phiếu < lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
 - Lãi suất hiện hành của trái phiếu = lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
 - Lãi suất hiện hành của trái phiếu > lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
 - Không có cơ sở để so sánh.
- Câu 299:** Nếu một trái phiếu được bán với giá cao hơn mệnh giá thì:
- Lãi suất hiện hành của trái phiếu < lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
 - Lãi suất hiện hành của trái phiếu = lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
 - Lãi suất hiện hành của trái phiếu > lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
 - Không có câu nào đúng.
- Câu 300:** Nhà đầu tư sẽ yêu cầu một lãi suất như thế nào nếu mua trái phiếu có điều khoản cho phép nhà phát hành có thể mua lại:
- Cao hơn lãi suất các trái phiếu khác có cùng kỳ hạn
 - Thấp hơn lãi suất các trái phiếu khác có cùng kỳ hạn.
 - Bằng lãi suất các trái phiếu khác có cùng kỳ hạn.
 - Tùy nhà phát hành.
- Câu 301:** Trong phiên giao dịch giá cổ phiếu X được xác định là 32.500 đồng, như vậy những lệnh mua sau sẽ được thực hiện.
- Lệnh đặt mua > 32.500 đồng
 - Lệnh đặt mua = 32.500 đồng
 - Lệnh đặt mua < 32.500 đồng
 - Trường hợp (a) chắc chắn được thực hiện và trường hợp (b) có thể được thực hiện tùy trường hợp cụ thể.
- Câu 302:** Trong phiên giao dịch giá cổ phiếu X được xác định là 52.000 đồng, như vậy những lệnh bán sau sẽ được thực hiện:
- Lệnh đặt bán > 52.000 đồng
 - Lệnh đặt bán = 52.000 đồng
 - Lệnh đặt bán < 52.000 đồng
- Câu 303:** Thị trường OTC là:
- Thị trường giao dịch theo phương thức khớp lệnh
 - Thị trường giao dịch theo phương thức thỏa thuận
 - Thị trường giao dịch theo phương thức khớp lệnh và phương thức thỏa thuận.
 - Không có câu nào đúng.
- Câu 304:** Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội là:
- Nơi giao dịch những chứng khoán đã niêm yết.
 - Nơi giao dịch những chứng khoán chưa niêm yết
 - Cả a và b
 - Chỉ mua bán trái phiếu của các công ty
- Câu 305:** Chỉ số VN - Index thời điểm cao nhất tính cho tới hiện nay là:
- 300 điểm
 - 400 điểm
 - Trên 500 điểm
 - Không câu nào đúng.
- Câu 306:** Người bán khống chứng khoán thực hiện hành động bán khống khi họ đi đoán giá của cổ phiếu sẽ:
- Tăng lên
 - Giảm đi
 - Không thay đổi
 - Không câu nào đúng
- Câu 307:** Lợi nhuận mà người bán chứng khoán không nhận được là:
- (Giá cuối kỳ + Cổ tức) - giá ban đầu
 - Giá ban đầu - (cổ tức + giá cuối kỳ)
 - Giá ban đầu - Giá cuối kỳ

d. Giá cuối kỳ - giá ban đầu

Câu 308: Trái phiếu có thời gian đáo hạn dài sẽ cho nhà đầu tư:

- a. Lãi suất ổn định và giá trị thị trường ổn định.
- b. Lãi suất ổn định và giá trị thị trường biến động
- c. Lãi suất biến động và giá trị thị trường ổn định
- d. Lãi suất biến động và giá trị thị trường biến động.

Câu 309: Cái gì sau đây không bị ảnh hưởng bởi việc phát hành trái phiếu dài hạn:

- a. Tài sản
- b. Tổng số nợ
- c. Vốn lưu động
- d. Vốn cổ phần

Câu 310: Trong trường hợp nào vốn cổ đông sẽ bị pha loãng:

- a. Trả cổ tức bằng chứng khoán
- b. Tách cổ phiếu
- c. Trái phiếu có thể chuyển đổi được chuyển sang cổ phiếu thường
- d. Tất cả các trường hợp trên.

Câu 311: Chức năng của thị trường tài chính là:

- a. Dẫn vốn từ nơi thừa vốn sang nơi thiếu vốn
- b. Hình thành giá các tài sản, tài chính
- c. Tạo tính thanh khoản cho tài sản tài chính
- d. Tất cả các chức năng trên.

Câu 312: Kênh tài chính gián tiếp là:

- a. Thị trường chứng khoán
- b. Thị trường trái phiếu.
- d. Sở giao dịch chứng khoán

Câu 313: Thị trường vốn là thị trường giao dịch:

- a. Các công cụ tài chính ngắn hạn
- b. Các công cụ tài chính trung và dài hạn
- c. Kỳ phiếu
- d. Tiền tệ

Câu 314: Thị trường chứng khoán là một bộ phận của:

- a. Thị trường tín dụng.
- b. Thị trường liên ngân hàng
- c. Thị trường vốn
- d. Thị trường mở

Câu 315: Thị trường chứng khoán không phải là:

- a. Nơi tập trung và phân phối các nguồn vốn tiết kiệm
- b. Định chế tài chính trực tiếp.
- c. Nơi giao dịch cổ phiếu
- d. Nơi đấu thầu các tín phiếu

Câu 316: Đối tượng tham gia mua - bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán có thể là:

- a. Chính phủ
- b. Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- c. Quỹ đầu tư chứng khoán
- d. Sở giao dịch chứng khoán.

Câu 317: Tổ chức nào không được phát hành trái phiếu:

- a. Công ty trách nhiệm hữu hạn
- b. Công ty hợp danh
- c. Doanh nghiệp Nhà nước
- d. Công ty cổ phần

Câu 318: Cơ quan quản lý Nhà nước đối với TTCK là:

- a. Sở giao dịch chứng khoán

- b. Hiệp hội kinh doanh chứng khoán.
- c. Ủy ban chứng khoán
- d. Ủy ban nhân dân thành phố

Câu 319: Các nguyên tắc hoạt động của TTCK tập trung

- a. Mua bán trực tiếp
- b. Công khai thông tin
- c. Giao dịch thỏa thuận
- d. Tất cả đều đúng

Câu 320: Công khai thông tin về TTCK phải thỏa mãn các yêu cầu ngoại trừ

- a. Chính xác
- b. Kịp thời
- c. Dễ tiếp cận
- d. Ưu tiên khách hàng

Câu 321: Thị trường chứng khoán thứ cấp là:

- a. Thị trường huy động vốn
- b. Thị trường tạo hàng hóa chứng khoán
- c. Thị trường tạo tính thanh khoản cho chứng khoán
- d. Tất cả đều đúng

Câu 322: Thị trường chứng khoán tập trung là thị trường.

- a. Giao dịch thỏa thuận diễn ra đồng thời với giao dịch khớp lệnh
- b. Giao dịch khớp lệnh
- c. Giao dịch tất cả các loại chứng khoán
- d. Giao dịch chứng khoán của công ty vừa và nhỏ

Câu 323: Nhận định nào là sai về thị trường thứ cấp

- a. Là nơi giao dịch các chứng khoán kém phẩm chất
- b. Là nơi luân chuyển vốn đầu tư
- c. Là nơi tạo cơ hội đầu tư cho công chúng.
- d. Là nơi chuyển đổi sở hữu về chứng khoán

Câu 324: Những cổ phiếu nào được tự do chuyển nhượng:

- a. Cổ phiếu ưu đãi cổ tức
- b. Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết
- c. Cổ phiếu phổ thông
- d. Cổ phiếu quỹ

Câu 325: Cổ đông phổ thông có quyền:

- a. Nhận cổ tức trước trái tức
- b. Nhận thanh lý tài sản đầu tiên khi công ty phá sản
- c. Bỏ phiếu
- d. Nhận thu nhập cố định

Câu 326: Thặng dư vốn phát sinh khi

- a. Công ty làm ăn có lãi
- b. Chênh lệch giá khi phát hành cổ phiếu mới
- c. Công ty tăng vốn khi phát hành thêm chứng khoán
- d. Tất cả các trường hợp trên.

Câu 327: Giá trái phiếu vận động

- a. Ngược chiều với lãi suất thị trường
- b. Cùng chiều với lãi suất thị trường
- c. Không chịu ảnh hưởng của lãi suất thị trường
- d. Tất cả đều sai.

Câu 328: Khi mua cổ phiếu nhà đầu tư quan tâm nhất đến:

- a. Giá cổ phiếu
- b. Tình hình hoạt động của công ty
- c. Quan hệ cung cầu của cổ phiếu trên thị trường

- Câu 329:** Khi mua trái phiếu nhà đầu tư quan tâm nhất đến gì:
- Mệnh giá trái phiếu
 - Lãi suất trái phiếu
 - Thời hạn đáo hạn của trái phiếu
 - Cách thức trả lãi trái phiếu
- Câu 330:** Công ty cổ phần là doanh nghiệp trong đó
- Cổ đông chịu trách nhiệm hữu hạn về nghĩa vụ nợ
 - Cổ đông có quyền tự do chuyển đổi tất cả các loại cổ phiếu của mình
 - Hạn chế số lượng cổ đông tối đa
 - Tất cả đều đúng.
- Câu 331:** Công ty cổ phần bắt buộc phải có
- Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi
 - Trái phiếu công ty
 - Tất cả các loại chứng khoán trên
- Câu 332:** Mục đích phân biệt phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng là:
- Để dễ dàng quản lý
 - Để bảo vệ công chúng đầu tư
 - Để thu hút phát hành
 - Để dễ dàng huy động vốn.
- Câu 333:** Ở Việt Nam, muốn phát hành cổ phiếu ra công chúng phải:
- Được ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp phép
 - Được ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký
 - Xin phép bộ tài chính
 - Xin phép trung tâm giao dịch
- Câu 334:** Nghị định 144/2003/NĐ-CP của Chính phủ điều chỉnh.
- Phát hành cổ phiếu của các tổ chức tín dụng
 - Phát hành cổ phiếu của các doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa
 - Phát hành cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần.
 - Phát hành cổ phiếu của công ty cổ phần.
- Câu 335:** Phát hành cổ phiếu ra công chúng bao gồm các hình thức:
- Chào bán sơ cấp lần đầu.
 - Chào bán thứ cấp lần đầu
 - Phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng
 - Tất cả các hình thức trên.
- Câu 336:** Phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng bao gồm:
- Chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ
 - Chào bán thêm cổ phiếu để trả cổ tức
 - Chào bán thêm cổ phiếu thưởng
 - Tất cả các câu trên.
- Câu 337:** Ủy ban chứng khoán cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành ra công chúng kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ trong thời hạn:
- 30 ngày.
 - 30 ngày làm việc
 - 45 ngày.
 - 45 ngày làm việc.
- Câu 338:** Trông thời hạn UBCKNN xem xét hồ sơ đăng ký phát hành đối tượng có liên quan được phép:
- Quảng cáo chào mời mua cổ phiếu.
 - Thăm dò thị trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.
 - Được phép sử dụng các thông tin trong bản cáo bạch để thăm dò thị trường.
 - Tất cả các phương án trên.

- Câu 339:** Những tổ chức được phép làm đại lý phát hành chứng khoán.
- Công ty chứng khoán.
 - Tổ chức tín dụng
 - Tổ chức tín dụng phi Ngân hàng
 - Tất cả các phương án trên
- Câu 340:** Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc tổ chức bảo lãnh giúp tổ chức phát hành thực hiện:
- Các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán.
 - Nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành.
 - Tổ chức phân phối chứng khoán.
 - Tất cả các việc trên.
- Câu 341:** Phân phối cổ phiếu phải:
- Theo giá bán được xác định trong bản cáo bạch đã đăng ký với UBCKNN
 - Theo giá thỏa thuận với nhà đầu tư.
 - Theo giá trị trường qua đấu giá
 - Theo giá ưu đãi do Hội đồng quản trị của công ty phát hành quyết định
- Câu 342:** Tổ chức bảo lãnh phát hành phải:
- Có liên quan với tổ chức phát hành.
 - Phải có giấy phép hoạt động bảo lãnh
 - Phải là công ty chứng khoán.
 - Phải là công ty tài chính.
- Câu 343:** Điều kiện niêm yết cổ phiếu
- Vốn điều lệ 5 tỷ đồng trở lên.
 - Kinh doanh có lãi 2 năm liên tiếp
 - Tối thiểu 20% cổ phiếu bán ít nhất 50 cổ đông ngoài tổ chức phát hành
 - Tất cả các điều kiện trên.
- Câu 344:** Giao dịch nội bộ phải thông báo cho trung tâm giao dịch chứng khoán trước khi thực hiện ít nhất.
- 10 ngày làm việc
 - 10 ngày
 - 15 ngày làm việc
 - 15 ngày
- Câu 345:** Tổ chức niêm yết được phép mua bán cổ phiếu quỹ trong vòng:
- 60 ngày làm việc
 - 60 ngày
 - 90 ngày
 - 90 ngày làm việc
- Câu 346:** Tổ chức niêm yết chỉ được bán cổ phiếu quỹ sau khi trả lại tối thiểu
- 3 tháng
 - 4 tháng
 - 5 tháng
 - 6 tháng
- Câu 347:** Tổ chức nào sau đây có thể là thành viên của trung tâm giao dịch chứng khoán:
- Công ty chứng khoán
 - Công ty quản lý quỹ
 - Quỹ đầu tư chứng khoán
 - Ngân hàng chỉ định chứng khoán
- Câu 348:** Tổ chức nào sau đây có thể là thành viên của trung tâm giao dịch chứng khoán phải có:
- Giấy phép hoạt động môi giới chứng khoán.
 - Giấy phép tự doanh chứng khoán.
 - Có cơ sở vật chất đảm bảo giao dịch.
 - Tất cả các điều kiện trên.
- Câu 349:** Nhà đầu tư có quyền bán cổ phiếu niêm yết lô lẻ tại:
- Trung tâm giao dịch chứng khoán

- b. Công ty chứng khoán.
- c. Thị trường tự do
- d. Các Ngân hàng thương mại

Câu 350: Đổi tên phân bổ thị trường chứng khoán gồm:

- a. Tổ chức phát hành tổ chức niêm yết.
- b. Tổ chức phát hành tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ.
- c. Tổ chức phát hành tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán.
- d. Tổ chức phát hành tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán trung tâm phát hành.

Câu 351: Tự doanh chứng khoán là việc:

- a. Công ty chứng khoán mua bán chứng khoán cho khách hàng
- b. Công ty chứng khoán mua bán chứng khoán cho chính mình
- c. Công ty chứng khoán quản lý vốn của khách hàng qua việc và nắm giữ chứng khoán vì quyền lợi khách hàng.

d. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 352: Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố báo cáo tài chính năm trên

- a. 3 số báo liên tiếp của một tờ báo.
- b. 4 số báo liên tiếp của một tờ báo.
- c. 5 số báo liên tiếp của một tờ báo.
- d. 6 số báo liên tiếp của một tờ báo.

Câu 353: Công ty chứng khoán là gì:

- a. Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn
- b. Doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp doanh
- c. Doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn
- d. Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần

Câu 354: Các loại hình kinh doanh chứng khoán chính là:

- a. Môi giới phát hành chứng khoán
- b. Bảo lãnh phát hành, quản lý doanh mục đầu tư
- c. Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Câu 355: Thời hạn cấp giấy phép kinh doanh chứng khoán là:

- a. 60 ngày kể từ khi UBCK nhận được hồ sơ hợp lệ
- b. 60 này làm việc kể từ khi UBCK nhận được hồ sơ hợp lệ
- c. 45 ngày kể từ khi UBCK nhận được hồ sơ hợp lệ
- d. 45 ngày làm việc kể từ khi UBCK nhận được hồ sơ hợp lệ

Câu 356: Các công ty chứng khoán nhận lệnh qua:

- a. Mạng Internet
- b. Chi nhánh
- c. Phòng giao dịch
- d. Đại lý nhận lệnh

Câu 357: Điều kiện để nhân viên công ty chứng khoán được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán là:

- a. Có chứng chỉ nguyên môn về chứng khoán do UBCK cấp.
- b. Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự
- c. Đủ tiêu chuẩn trình độ chuyên môn
- d. Tất cả các điều kiện trên

Câu 358:

- a. Được tự do mua, bán cổ phiếu ở mọi nơi
- b. Chỉ được mở tài khoản giao dịch cho mình tại công ty chứng khoán nơi làm việc.
- c. Sở hữu không hạn chế số cổ phiếu biểu quyết của một tổ chức phát hành.
- d. Làm giám đốc một công ty niêm yết.

Câu 359: Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán có thời hạn:

- a. 2 năm
- b. 3 năm

- c. 4 năm
- d. 5 năm

Câu 360: Quỹ đầu tư chứng khoán có vốn điều lệ tối thiểu là:

- a. 5 tỷ đồng
- b. 10 tỷ đồng
- c. 15 tỷ đồng
- d. 20 tỷ đồng

Câu 361: Cơ cấu tổ chức của công ty chứng khoán phải đảm bảo:

- a. Tách biệt giữa hoạt động kinh doanh của chủ sở hữu công ty chứng khoán với hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán.
- b. Tách biệt hoạt động môi giới với hoạt động tự doanh
- c. Tách biệt hoạt động tự doanh với hoạt động quản lý danh mục đầu tư
- d. Tất cả những điều trên.

Câu 362: Nghiệp vụ u vắn tài chính bao gồm:

- a. Tư vấn kết cấu tài chính.
- b. Tư vấn phát triển và niêm yết chứng khoán.
- d. Các ngân hàng thương mại

Câu 363: Đối tượng công bố thông tin thị trường chứng khoán gồm:

- a. Tổ chức phát hành tổ chức niêm yết
- b. Tổ chức phát hành tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ.
- c. Tổ chức phát hành tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán.
- d. Tổ chức phát hành tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, trung tâm giao dịch.

Câu 364: Tự doanh chứng khoán là việc

- a. Công ty chứng khoán mua bán chứng khoán cho khách hàng.
- b. Công ty chứng khoán mua bán chứng khoán cho chính mình
- c. Công ty chứng khoán quản lý vốn của khách hàng qua việc và nắm giữ chứng khoán vì quyền lợi của khách hàng.
- d. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 365: Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố báo cáo tài chính năm trên:

- a. 3 số báo liên tiếp của một tờ báo.
- b. 4 số báo liên tiếp của một tờ báo
- c. 5 số báo liên tiếp của một tờ báo
- d. 6 số báo liên tiếp của một tờ báo

Câu 366: Công ty chứng khoán phải là:

- a. Công ty cổ phần công ty trách nhiệm hữu hạn
- b. Doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh
- c. Doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn
- d. Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần

Câu 367: Các loại hình kinh doanh chứng khoán chính là:

- a. Môi giới, tự doanh chứng khoán
- b. Bảo lãnh phát hành, quản lý danh mục đầu tư
- c. Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.
- d. Tất cả các loại hình trên.

Câu 368: Thời hạn cấp giấy phép kinh doanh chứng khoán tối đa là:

- a. 60 ngày kể từ khi UBCK nhận được hồ sơ hợp lệ
- b. 60 ngày làm việc kể từ khi UBCK nhận được hồ sơ hợp lệ.
- c. 45 ngày kể từ khi UBCK nhận được hồ sơ hợp lệ
- d. 45 ngày làm việc kể từ khi UBCK nhận được hồ sơ hợp lệ

Câu 369: Công ty chứng khoán được phép:

- a. Làm đại lý phát hành chứng khoán niêm yết
- b. Làm đại lý phát hành chứng khoán chưa niêm yết
- c. Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp

d. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 370: Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán chỉ được cấp cho:

- a. Công ty chứng khoán
- b. Cá nhân có đủ chứng chỉ chuyên môn về thị trường chứng khoán.
- c. Cá nhân đang làm việc tại một công ty chứng khoán.
- d. Tất cả đều đúng.

Câu 371: Giao dịch theo phương thức khớp lệnh ở Việt Nam quy định đơn vị yết giá đối với những cổ phiếu có mức giá dưới 50.000 đồng là:

- a. 100 đ
- b. 200 đ
- c. 300 đ
- d. 500 đ

Câu 372: Giao dịch theo phương thức khớp lệnh ở Việt Nam quy định đơn vị yết giá đối với những cổ phiếu có mức giá từ 100.000 đồng trở lên là:

- a. 100 đ
- b. 1000 đ
- c. 300 đ
- d. 500 đ

Câu 373: Công ty A là một doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa, công ty A sẽ tiến hành bán cổ phần bằng cách:

- a. Đấu giá công khai
- b. Chỉ bán trong nội bộ công ty
- c. Bán theo giá sẵn cho người ld
- d. Chỉ có b và c

Câu 374: Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa thực hiện bán đấu giá cổ phiếu lần đầu ra công chúng bắt buộc phải thực hiện đấu giá qua trung gian giao dịch chứng khoán nếu khối lượng cổ phần bán ra công chúng có giá trị.

- a. 10 tỷ đồng trở lên
- b. Từ 1 đến 10 tỷ đồng
- c. 5 tỷ đồng trở lên
- d. Tùy doanh nghiệp có muốn thực hiện đấu giá qua trung tâm hay không.

Câu 375: Điều kiện được đăng ký giao dịch tại TTGDCK Hà Nội đối với cổ phiếu là:

- a. Doanh nghiệp cổ phần có vòn 5tỷ trở lên có ít nhất 50 cổ đông, có tình hình tài chính lành mạnh, báo cáo tài chính 1 năm được kiểm toán.
- b. Doanh nghiệp cổ phần có vốn từ 5 tỷ trở lên có ít nhất 50 cổ đông trong tổ chức phát hành, có tình hình tài chính lành mạnh, báo cáo tài chính 1 năm được kiểm toán.
- c. Doanh nghiệp cổ phần có vốn từ 5 tỷ trở lên có ít nhất 50 cổ đông ngoài tổ chức phát hành, có tình hình tài chính lành mạnh, báo cáo tài chính 1 năm được kiểm toán.
- d. Không câu nào đúng.

Câu 376: Khi thực hiện bán cổ phần của DNNN, cổ đông chiến lược được phép mua:

- a. Tối đa 20% tổng số cổ phần bán ra bên ngoài với giá giảm 20% so với giá đấu bình quân.
- b. Tối đa 25% tổng số cổ phần bán ra bên ngoài với giá giảm 20% so với giá đấu bình quân.
- c. Tối đa 25% tổng số cổ phần bán ra bên ngoài với giá giảm 25% so với giá đấu bình quân.
- d. Tối đa 20% tổng số cổ phần bán ra bên ngoài với giá giảm 25% so với giá đấu bình quân.

Câu 377: Khi nhà đầu tư mua cổ phần qua đấu giá tại trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, nhà đầu tư phải đặt cọc:

- a. 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- b. 15% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- c. 5% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
- d. Không phải đặt cọc.

Câu 378: Công ty cổ phần ABC phát hành trái phiếu trị giá 10 tỷ đồng, mệnh giá trái phiếu là 100.000 đồng. Đợt phát hành này ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán của công ty như sau:

- a. Tăng vốn lưu động.
- b. Tăng vốn lưu động và tăng tổng nợ
- c. Tăng vốn lưu động, tăng tổng nợ và tăng tổng tài sản
- d. Tăng vốn lưu động, tăng tổng nợ, tăng tổng tài sản và tăng vốn chủ sở hữu.

Câu 379: Năm N, công ty ABC có thu nhập ròng là 800 triệu đồng, số cổ phiếu đã phát hành là 600.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là: 40.000, không có cổ phiếu ưu đãi. HĐQT quyết định trả 560 triệu đồng cổ tức. Như vậy mỗi cổ phần được trả cổ tức là:

- a) 1500đ
- b) 2000đ
- c) 1000đ

Câu 380: Loại hình niêm yết nào sau đây mang tính chất thâm tóm, sát nhập công ty

- a) Niêm yết lần đầu
- b) Niêm yết lại
- c) Niêm yết bổ sung
- d) Niêm yết cửa sau
- e) Niêm yết tách, gộp cổ phiếu

Câu 381: Quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng góp là quỹ:

- a) Phát hành chứng chỉ quỹ nhiều lần
- b) Có thể được niêm yết chứng chỉ quỹ trên TTCK
- c) Được quyền mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư
- d) Được quyền phát hành bổ sung ra công chúng

Câu 382: Ông X vừa bán 100 cổ phiếu của công ty A với giá 40 USD/cổ phiếu. Ông ta mua cổ phiếu đó 1 năm trước đây với giá 30 USD/cổ phiếu, năm vừa qua ông ta có nhận cổ tức 2USD/cổ phiếu. Vậy thu nhập trước thuế của ông từ 100 cổ phiếu A là:

- a) 1000USD
- b) 1200USD
- c) 1300USD
- d) Tất cả đều sai

Câu 383: Thị trường chứng khoán đang lên cổ phiếu REE đã tăng giá liên tục mấy phiên, là nhà tư vấn đầu tư, bạn sẽ khuyên khách hàng của mình:

- a) Mua chứng khoán này vào vì tôi dự báo nó còn lên
- b) Bán chứng khoán này vì tôi suy nghĩ đã lên mấy hôm rồi nó sẽ xuống
- c) Không mua không bán gì cả vì thị trường chưa ổn định
- d) Chỉ cung cấp đầy đủ thông tin cho khách hàng và để họ tự quyết định mua bán

Câu 384: Tại thời điểm trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu thường

- I. Quyền sở hữu của cổ đông hiện hữu bị pha loãng
 - II. Thuế thu nhập của công ty giảm
 - III. Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được nhận lại vốn gốc
 - IV. Thu nhập trên vốn cổ phần giảm
- a) I và II
 - b) I, II và III
 - c) I và IV
 - d) I, II, III và IV

Câu 385: Cổ phiếu nào sau đây không được phép chuyển nhượng:

- a) Cổ phiếu phổ thông
- b) Cổ phiếu ưu đãi cổ tức
- c) Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết
- d) Tất cả các loại trên

Câu 386: Công ty cổ phần bắt buộc phải có

- a) Cổ phiếu phổ thông
- b) Cổ phiếu ưu đãi
- c) Trái phiếu công ty

d) Tất cả các loại chứng khoán trên

Câu 387: Mục tiêu chính của công tác thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán là:

- I. Bảo vệ quyền lợi của người đầu tư
 - II. Góp phần đảm bảo cho hoạt động thị trường chứng khoán công bằng công khai và hiệu quả
 - III. Giảm thiểu rủi ro hệ thống
 - IV. Để người đầu tư ngày càng có lãi
- a) I, II, III
b) Tất cả

Câu 388: Việc quản lý chứng khoán tại hệ thống lưu ký chứng khoán tập trung có thể được thực hiện:

- a) Thông qua hệ thống tài khoản lưu ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán đối với chứng khoán ghi sổ
- b) Lưu giữ đặc biệt - lưu giữ chứng chỉ chứng khoán trong kho trung tâm lưu ký chứng khoán đứng tên người gửi
- c) Do tổ chức phát hành quản lý
- d) a và b

Câu 389: Một công ty XYZ thông báo sẽ tách cổ phiếu, điều này sẽ làm:

- a) Tăng mệnh giá tương đương với chỉ số tách
- b) Không thay đổi
- c) Giảm mệnh giá và tăng số lượng cổ phần
- d) Tăng mệnh giá và giảm số lượng cổ phần

Câu 390: Khi thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán công ty chứng khoán đại diện cho khách hàng tiến hành giao dịch chứng khoán thông qua:

- a) Cơ chế giao dịch tại SGD CK hoặc thị trường OTC trong đó SGDCK/Thị trường OTC cùng chia sẻ trách nhiệm về kết quả kinh tế của giao dịch đó với khách hàng.
- b) Cơ chế giao dịch tại SGD trong đó khách hàng chịu trách nhiệm về kết quả kinh tế của giao dịch đó.
- c) Cơ chế giao dịch tại thị trường OTC trong đó khách hàng chịu trách nhiệm về kết quả kinh tế của giao dịch đó
- d) B và C

Câu 391: Trong tháng 7 chúng ta không có ngày nghỉ lễ, giả sử lệnh bán chứng khoán của bạn đã được thực hiện thành công vào phiên giao dịch ngày 16 tháng 7 (thứ 6). Trong thời gian thanh toán theo quy định hiện hành là T + 3. Thời gian tiền được chuyển vào tài khoản của bạn là:

- a) Chủ nhật 18/7
- b) Thứ hai 19/7
- c) Thứ ba 20/7
- d) Thứ tư 21/7

Câu 392: Giả sử bạn bán khống 100 cổ phiếu phổ thông với giá 50\$/cổ phiếu. Với mức ký quỹ ban đầu là 50%. Tỷ lệ lãi suất là bao nhiêu nếu bạn mua lại cổ phiếu này với giá 40\$/cổ phiếu? Cổ phiếu này không trả cổ tức trong thời gian này và bạn không chuyển một khoản tiền nào ra khỏi tài khoản trước khi thực hiện giao dịch nói trên.

- a) 20%
- b) 25%
- c) 40%
- d) 50%

Câu 393: Lý do nào sau đây đúng với bán khống chứng khoán

- a) Ngăn chặn sự thua lỗ
- b) Hưởng lợi từ sự sụt giá
- c) Hưởng lợi từ việc tăng giá chứng khoán
- d) Hạn chế rủi ro

Câu 394: Một công ty XYZ thông báo sẽ gộp cổ phiếu, Điều này sẽ làm:

- a) Không thay đổi
- b) Tăng mệnh giá và giảm số cổ phần

- c) Giảm mệnh giá và tăng số cổ phần
- d) Tăng mệnh tương đương với chỉ số tách

Câu 395: Lệnh ATO là lệnh:

- a) Được thực hiện tại mức giá cao nhất
- b) Được ưu tiên trước lệnh thị trường
- c) Được sử dụng với mục tích làm tăng khối lượng giao dịch
- d) Không làm ảnh hưởng đến mức giá khớp lệnh và khối lượng giao dịch

Câu 396: Giả sử, pptk quỹ có các khoản mục như sau:

- 1. Tiền mặt và các công cụ tài chính tương đương tiền mặt

1.500.000.000đ

- 2. Các cổ phiếu nắm giữ và thị giá:

Tên CP	Số lượng	Thị giá
REE	200.000	29.000
AGF	100.000	39.000
SGH	50.000	16.000
HAP	20.000	42.000
GMD	80.000	51.000
BBC	180.000	22.500

- 3. Tổng nợ

Hãy xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị đơn vị quỹ biết rằng tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 1 triệu chứng chỉ.

Tài sản 18.000.000

Câu 397: Quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở là quỹ đầu tư

- I. Phát hành liên tục
- II. Không niêm yết
- III. Ít hấp dẫn đầu người đầu tư
- IV. Phải mua lại chứng chỉ khi người sở hữu yêu cầu
- V. Chính sách đầu tư dài hạn

Phương án

- a) I, II, V
- b) I, II và III
- c) I, II, III và IV
- d) I, II, IV
- e) IV và V

Câu 398: Đối với các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa và niêm yết ngay trên thị trường chứng khoán, điều kiện niêm yết cổ phiếu nào sau đây sẽ được giảm nhẹ:

- a) Vốn điều lệ
- b) Thời gian hoạt động có lãi
- c) Thời gian cam kết nắm giữ cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát.
- d) Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông ngoài tổ chức phát hành

Câu 399: Trả cổ tức bằng cổ phiếu, sẽ:

- a) Làm tăng quyền lợi theo tỷ lệ của cổ đông trong công ty
- b) Không làm thay đổi tỷ lệ quyền lợi của cổ đông
- c) Làm giảm quyền lợi theo tỷ lệ của cổ đông trong công ty
- d) Không có câu nào đúng

Câu 400: Giả sử giá đóng cửa của chứng khoán A trong phiên giao dịch trước là 10200 đồng, đơn vị yết giá là 100 đồng, biên độ giao động giá là $\pm 5\%$. Các mức giá mà nhà đầu tư có thể đặt lệnh trong phiên giao dịch tới là:

- a) 9600, 10998, 10608
- b) 9600, 10000, 10100, 10300, 10400, 10500, 10600, 10700
- c) 9700, 10000, 10100, 10500, 10600, 10700, 10800

d) 9600, 10000, 10100, 10200, 10300, 10400, 10500, 10600, 10700

e) Không phương án nào đúng

Câu 401: Thị trường tài chính bao gồm:

a) Thị trường tiền tệ và thị trường vốn

b) Thị trường hối đoái và thị trường vốn

c) Thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ

d) Thị trường thuê mua và thị trường bảo hiểm

Câu 402: Để giao dịch chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán cần phải có các bước:

I. Trung tâm giao dịch chứng khoán thực hiện ghép lệnh và thông báo kết quả giao dịch cho công ty chứng khoán

II. Nhà đầu tư mở tài khoản, đặt lệnh mua bán chứng khoán

III. Công ty chứng khoán nhập lệnh vào hệ thống giao dịch của trung tâm

IV. Nhà đầu tư nhận được chứng khoán (nếu là người mua) hoặc tiền (nếu là người bán) trên tài khoản của mình tại công ty chứng khoán sau 3 ngày làm việc kể từ ngày mua bán.

V. Công ty chứng khoán thông báo kết quả giao dịch cho nhà đầu tư

Anh (chị) hãy chỉ ra trình tự trình tự các bước giao dịch chứng khoán theo các phương án sau:

a) I, II, III, IV, V

b) I, III, V, II, IV

c) II, I, V, IV, III

d) II, III, I, V, IV

e) Không có phương án nào đúng

Câu 403: Số lệnh của cổ phiếu XXX với giá đóng cửa trước đó là 30,5 như sau:

Mua	Giá	Bán
200 (H)	30.9	400 (B)
300 (A)	30.8	-
500 â	30.6	1100 (I)
-	30.5	800 (E)
500 (D)	30.4	500 (F)
600 (G)	30.3	
700	ATO	

Hãy xác định giá và khối lượng giao dịch đối với mỗi nhà đầu tư

Câu 404:

I. Nhận cổ tức với mức ưu đãi

II. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền

III. Khi công ty giải thể, nhận được lại một phần tài sản tương ứng với số vốn cổ phần góp vào công ty.

IV. Được nhận cổ tức ưu đãi như lãi suất trái phiếu kể cả khi công ty làm ăn thua lỗ

Phương án:

a) I

b) I và II

c) I và II

d) Chỉ IV

e) I, III và IV

f) Tất cả

Câu 405: Qua thông báo về đợt phát trái phiếu Chính phủ Việt Nam tại thị trường chứng khoán Hoa Kỳ vừa qua chúng ta biết vốn huy động của Việt Nam là 750 triệu US\$. Mệnh giá là 100\$, lãi suất coupon là 6,785%.

Thời gian đáo hạn là 10 năm. Trái phiếu đã được bán ở giá 98,233 US\$. Vì trái phiếu bán dưới mệnh giá nên chúng ta không huy động đủ 750 triệu US\$.

- a) Đúng
- b) Sai
- c) Không thể xác định

Câu 406: Hình thức bảo lãnh phát hành trong đó đợt phát hành sẽ bị hủy bỏ nếu toàn bộ chứng khoán không bán được hết, gọi là:

- a) Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
- b) Bảo lãnh với cố gắng tối đa
- c) Bảo lãnh tất cả hoặc không
- d) Tất cả các hình thức trên

Câu 407: Lệnh dừng để bán được đưa ra

- a) Với giá cao hơn giá thị trường hiện hành
- b) Với giá thấp hơn giá thị trường hiện hành
- c) Hoặc cao hơn hoặc thấp hơn giá thị trường hiện hành

Câu 408: Thị trường tài chính là nơi huy động vốn

- a) Ngắn hạn
- b) Trung hạn
- c) Dài hạn
- d) Cả ba yếu tố trên

Câu 409: Sở Giao dịch chứng khoán là:

- a) Thị trường giao dịch chứng khoán tập trung
- b) Thị trường giao dịch chứng khoán phi tập trung
- c) Một trong các hình thức hoạt động của thị trường chứng khoán thứ cấp

Câu 410: Chứng khoán xác định người sở hữu nó có

- a) Quyền sở hữu đối với một công ty
- b) Quyền chủ nợ đối với một công ty
- c) Quyền chủ nợ đối với Chính phủ hay chính quyền địa phương
- d) Tất cả các quyền trên

Câu 411: Cổ phiếu và trái phiếu có cùng đặc trưng là:

- a) Có lãi suất cố định
- b) Có thu nhập theo hoạt động của công ty
- c) Được quyền bầu cử tại đại hội cổ đông
- d) Không có câu nào đúng

Câu 412: Xác định giá mở cửa theo các lệnh sau đây:

Bên bán		Giá	Bên mua	
Số lượng	Lũy kế		Lũy kế	Số lượng
1.000		Thị trường		
200		20.100		
300		20.200		
400		20.500		
100		20.600		700
1.300		20.700		300
900		20.800		100
		20.900		200

200		21.100		
		21.300		500
200		21.400		
400		21.500		100
		21.600		700
		21.700		900
		21.800		500
		21.900		200
		22.000		800
		Thị trường		500

Khi:

- a) Giá đóng cửa phiên giao dịch trước là 20.600:
- b) Giá đóng cửa phiên giao dịch trước là 21.000:
- c) Giá đóng cửa phiên giao dịch trước là 21.500:

Câu 413: Một lệnh dừng bán được đưa ra:

- a) Với giá cao hơn giá thị trường hiện hành
- b) Hoặc là cao hơn hay thấp hơn giá thị trường hiện hành
- c) Ngay tại giá thị trường hiện hành
- d) Với giá thấp hơn giá thị trường hiện hành

Câu 414: Công ty ABC được phép phát hành 5.000.000 cổ phiếu theo điều lệ Công ty 3.000.000 cổ phiếu đã được phát hành, trong đó có 2.000.000 cổ phiếu là cổ phiếu quỹ, Công ty ABC có bao nhiêu cổ phiếu đang lưu hành?

- a) 1.000.000
- b) 2.000.000
- c) 3.000.000
- d) 5.000.000

Câu 415: Một Công ty chứng khoán thiếu sót xác nhận với khách hàng về một việc mua 100 cổ phiếu của công ty ABC với giá thị trường $34 \frac{3}{8}$. Sau đó công ty nhận thấy rằng việc mua này thực sự được thực hiện ở giá $34 \frac{5}{8}$. Như vậy khách hàng:

- a) Phải trả $34 \frac{3}{8}$
- b) Phải trả $34 \frac{5}{8}$
- c) Có thể hủy bỏ lệnh
- d) Có thể chấp nhận giá $34 \frac{3}{8}$ hoặc hủy bỏ lệnh

Câu 416: Điều kiện cần thiết để thành lập Công ty cổ phần là:

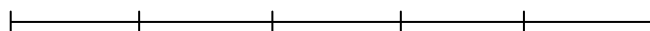
- a) Thu nhập do Công ty cổ phần mang lại cho những người góp vốn phải có lãi suất lớn hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.
- b) Phải có sự nhất trí cao về mục tiêu kinh doanh và các hoạt động khác giữa các thành viên sáng lập công ty.
- c) Nhà nước đã ban hành đầy đủ các luật về Công ty cổ phần, luật thương mại, luật phá sản, luật cầm cố... và có nền kinh tế hàng hóa khá phát triển.
- d) Cả a, b và c đều đúng

Câu 417: Đối với người kinh doanh chứng khoán, nếu dự đoán được mức trần (mức chống đỡ) thì tại thời điểm đạt mức đó nên:

- a) Bán chứng khoán
- b) Mua chứng khoán

Câu 418: Hãy xác định ngày giao dịch chứng khoán không có cổ tức tại sơ đồ dưới đây. Biết rằng ngày đăng ký danh sách cổ đông cuối cùng 30/6 và thời gian thanh toán là T + 2

27/6 28/6 29/6 30/6 1/7



- b) 27/6
- c) 30/6
- d) 28/6

Ngày đ-ký ds cổ đưng cuối cùng Ngày đưng số cổ đưng Đại hội đưng cổ đưng hợp

Câu 419: Thị trường chứng khoán nước A áp dụng phương thức ghép lệnh từng đợt trên sổ lệnh vào thời điểm ghép lệnh có các thông tin sau: (giá tham chiếu: 20.300)

Bên bán		Giá	Bên mua	
Số lượng	Cộng dồn		Cộng dồn	Số lượng
		20.600		200
200		20.500		1.00
700		20.400		200(a); 200(b); 300(c); 300(d)
400		20.300		500
700		20.200		100
		20.100		200
		20.000		300

- Khách hàng a là công ty chứng khoán đặt lệnh lúc 8h15
 - Khách hàng b, c, d đặt lệnh lúc 8h20. Trong đó b là cá nhân; c, d là công ty chứng khoán.
- Kết quả thực hiện như sau:
- a) Khách hàng (a): 200; (b): 200; (c): 200
 - b) Khách hàng (a): 200; (b): 200; (c): 100; (d): 100
 - c) Khách hàng (a): 200; (b): 100; (c): 150; (d): 150

Câu 420: Trong các điều kiện để doanh nghiệp được phát hành chứng khoán ra công chúng, điều kiện nào quan trọng nhất?

- a) Có sản phẩm nổi tiếng trên thị trường
- b) Tình hình tài chính lành mạnh, ổn định và kết quả kinh doanh có hiệu quả trước khi phát hành.
- c) Có bộ máy nhân sự tốt
- d) Có cơ sở vật chất (máy móc thiết bị) hiện đại

Câu 421: Một Công ty có một loại cổ phiếu ưu đãi không cộng dồn cổ tức đang lưu hành với số cổ tức được trả mỗi năm là 7USD. Nếu vào năm trước, số cổ tức trả cho cổ phiếu ưu đãi không được trả cổ đông mà lại được trả vào đầu năm nay thì cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi này sẽ nhận cổ tức là bao nhiêu:

- a) 7 USD
- b) 10 USD
- c) 14 USD
- d) 20 USD

Câu 422: Các tổ chức tham gia hoạt động trực tiếp trên thị trường chứng khoán tập trung là:

- I. Các nhà đầu tư cá thể
 - II. Các Công ty chứng khoán
 - III. Các nhà đầu tư có tổ chức
 - IV. Các ngân hàng thương mại được UBCKNN cấp phép hoạt động
- a) Chỉ I
 - b) Chỉ có II
 - c) Chỉ I & III

d) Chi II và IV

Câu 423: Trong trường hợp xảy ra việc thanh lý tài sản công ty các cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi:

- a) Là chủ nợ nói chung
- b) Mất toàn bộ vốn đầu tư ban đầu
- c) Là những người có độ ưu tiên sau cùng trong việc trả nợ của công ty
- d) Chỉ là người có độ ưu tiên trước cổ đông nắm giữ cổ phiếu thường trong việc chia phần tài sản còn lại của công ty sau khi công ty đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ nợ.

Câu 424: Ai là người chia quyền sở hữu trong công ty :

- I. Cổ đông ưu đãi
 - II. Cổ đông thường
 - III. Người nắm giữ trái phiếu
- a) Chi I
 - b) Chi I và II
 - c) Cả I, II và III

Câu 425: Thị trường ngoài danh mục (OTC: Over - The - Counter) là một

- a) Cả a, b, c đều sai
- b) Thị trường đấu giá
- c) Thị trường chuyên giao
- d) Thị trường theo thương lượng

Câu 426: Một công ty phát hành 1.000.000 cổ phiếu với giá 10,5 đô la (đã bán hết trong đợt phát hành). Một thời gian sau, giá cổ phiếu thị trường là 11 đô la. Tại ngày này vốn cổ đông của công ty sẽ:

- a) Không thay đổi
- b) Tăng 500.000 đô la
- c) Giảm 500.000 đô la
- d) Chuyển 500.000 đô la từ nợ sang vốn

Câu 427: Ý nghĩa của việc phân biệt giữa phát hành riêng rẽ (nội bộ) và phát hành ra công chúng là:

- a) Để phân biệt quy mô hoạt động vốn
- b) Để phân biệt loại chứng khoán được phát hành
- c) Để phân biệt đối tượng và phạm vi cần quản lý
- d) Cả a, b, c đều đúng

Câu 428: Nếu một khách hàng đưa ra một lệnh có hiệu lực cho đến khi hủy bỏ để bán 100 cổ phiếu của công ty ABC ở giá giới hạn dừng là 37, thì:

- a) Lệnh trở thành một lệnh thị trường khi cổ phiếu đạt tới giá 37
- b) Đây là một lệnh có hiệu lực trong ngày
- c) Đây là một lệnh mở
- d) Cả a, b, c đều sai

Câu 429: Chỉ số nào sau đây sẽ được nhà phân tích sử dụng để dự đoán triển vọng của Công ty:

- a) Chỉ số TSLĐ
- b) Chỉ số thử nhanh
- c) Chỉ số giá trên thu nhập
- d) Chỉ số nợ trên vốn cổ phiếu

Câu 430: Công ty cổ phần ABC phát hành trái phiếu trị giá 100.000.000 đô la, mệnh giá trái phiếu là 1.000đô la, sự ảnh hưởng của đợt phát hành này đối với bản cân đối tài sản công ty thể hiện như sau:

- I. Tăng vốn cổ đông
 - II. Tăng tổng cộng nợ
 - III. Tăng vốn lưu động
 - IV. Tăng tổng cộng tài sản có
- a) Chi I
 - b) I, II và III
 - c) II, III và IV
 - d) I, II, III và IV

Câu 431: Vào thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:

- I. Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi nhận lại vốn
- II. Quyền sở hữu của cổ đông hiện tại bị "pha loãng"
- III. Công ty A phải trả thuế nhiều hơn, nhưng cơ cấu bảng tổng kết tài sản tốt hơn
- a) I và II
- b) II và III
- c) I và III

Câu 432: Một trong các nhược điểm trong hoạt động của công ty cổ phần là:

- I. Tách rời quyền sở hữu và quyền điều hành
- II. Tương đối ít được tín nhiệm trong cấp tín dụng
- III. Thiếu động lực và sự quan tâm cá nhân, vì trách nhiệm chung trong thua lỗ
- IV. Không giữ được bí mật trong kinh doanh và tài chính
- a) Chỉ có I và IV
- b) Chỉ có I và III
- c) Chỉ có I, III và IV
- d) Tất cả I, II, III, IV

Câu 433: Một khách hàng vào một lệnh bán đứng với giá 53 1/2. Lô chứng khoán sau cùng trước khi lệnh được đưa vào được bán với giá 54. Các lô chứng khoán sau khi lệnh được đưa vào bán với giá 53 3/4, 53 3/8, 53 1/2 và 53 5/8. Lô chứng khoán sẽ làm kích hoạt lệnh ở giá:

- a) 53 3/4
- b) 53 5/8
- c) 53 1/2
- d) 53 3/8

Câu 434: Đại hội cổ đông sẽ bầu:

- a) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- b) Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát
- c) Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị chọn Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
- d) Cả a, b, c đều sai

Câu 435: Tại sao việc phát hành chứng khoán ra công chúng phải được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép?

- a) Để việc quản lý các công ty phát hành được tốt hơn
- b) Để bảo vệ các nhà đầu tư lớn
- c) Để đảm bảo chỉ những công ty làm ăn tốt và nghiêm chỉnh mới được huy động vốn qua công chúng và bảo vệ quyền lợi người đầu tư nhỏ
- d) Để Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước giám sát hoạt động của công ty

Câu 436: Căn cứ vào phân tích kỹ thuật mô hình đầu và hai vai hướng xuống, xác định xu hướng

- a) Khó dự đoán
- b) Thị trường đi lên
- c) Thị trường bình quân
- d) Thị trường đi xuống

Câu 437: Chính phủ phát hành trái phiếu nhằm các mục đích:

- a) Bù đắp thâm hụt ngân sách
- b) Tài trợ các công trình công cộng
- c) Giúp đỡ các công ty
- d) Điều tiết tiền tệ

Câu 438: Trong các điều kiện để doanh nghiệp được phát hành chứng khoán ra công chúng, điều kiện nào là quan trọng nhất?

- a) Có ban Giám đốc điều hành tốt
- b) Có sản phẩm nổi tiếng trên thị trường
- c) Có tỷ lệ nợ trên vốn hợp lý
- d) Quy mô vốn và kết quả hoạt động trước khi phát hành

Câu 439: Khi lãi suất thị trường tăng lên, giá trái phiếu sẽ:

- a) Tăng

- b) Giảm
- c) Không thay đổi

Câu 440: Một nhà đầu tư muốn thu được lợi vốn thì khi nào là thời điểm tốt nhất để mua trái phiếu

- a) Khi lãi suất cao và dự kiến sẽ giảm xuống
- b) Khi lãi suất thấp và dự kiến sẽ tăng lên
- c) Khi lãi suất ổn định và dự kiến sẽ không đổi
- d) Khi giá trái phiếu thấp và lãi suất dự kiến sẽ tăng lên

Câu 441: Chức năng chính của tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán là:

- a) Tư vấn
- b) Chuẩn bị hồ sơ xin phép phát hành
- c) Định giá chứng khoán phát hành
- d) Bao tiêu một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán phát hành

Câu 442: Giả sử chỉ số DowJones công nghiệp ngày giao dịch t là 12060 điểm và tổng giá của 30 loại chứng khoán hợp thành là 3015 USD. Tính hệ số chia của ngày giao dịch t

- a) 4
- b) 0,15
- c) 100,5
- d) 0,25

Câu 443: Giả sử giá đóng cửa của chứng khoán A trong phiên giao dịch trước là 9.800 đồng, đơn vị yết giá là 100 đồng, biên độ giao động giá là 5%. Các mức giá mà nhà đầu tư chứng khoán có thể đặt lệnh trong phiên giao dịch tới là:

- a) 9310, 9819, 1000, 10290
- b) 9300, 9700, 9800, 10200
- c) 9500, 9700, 9900, 1000, 10400
- d) 9400, 9500, 9600, 9700, 10200

Câu 444: Xác định giá mở cửa theo các lệnh sau đây:

Bên bán		Giá	Bên mua	
	Số lượng		Số lượng	
	1000	10.000		
	200	10.100	100	
	300	10.200	500	
	400	10.500	800	
	100	10.600	700	
	1300	10.700	300	
	900	10.800	100	
	0	10.900	200	
	200	11.100	0	
	0	11.300	500	
	200	11.400	0	

Giá mở cửa là:

(Biết rằng giá đóng cửa ngày hôm trước là 10.500 đồng)

Câu 445: Một trong các điều kiện nào dưới đây chưa phải là điều kiện tối thiểu của việc phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng ở Việt Nam

- a) Mức vốn điều lệ tối thiểu là 10 tỷ VND

- b) Kinh doanh có lãi trong năm gần nhất
- c) Đội ngũ lãnh đạo của công ty có năng lực quản lý tốt
- d) Tối thiểu 20% vốn cổ phần phát hành ra công chúng

Câu 446: Các tổ chức có thể tham gia hoạt động trực tiếp trên thị trường chứng khoán tập trung là:

- I. Các nhà đầu tư có tổ chức
 - II. Các nhà đầu tư cá thể
 - III. Các công ty chứng khoán
 - IV. Các ngân hàng thương mại được UBCKNN cấp phép
- a) Chỉ có I
 - b) Chỉ có II
 - c) Chỉ có III
 - d) Không có câu nào đúng

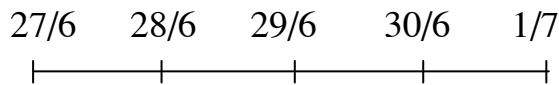
Câu 447: Khi công ty không có lãi, nó sẽ:

- a) Trả cổ tức cho cổ phiếu thường
- b) Trả lãi trái phiếu
- c) Trả cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi
- d) Không phải trả lãi và cổ tức

Câu 448: Việc tách cổ phiếu trong tổ đại diện để tính đủ số giá chứng khoán theo phương pháp Dow Jones sẽ làm cho hệ số chia:

- a) Tăng
- b) Giảm
- c) Không đổi

Câu 449: Hãy xác định ngày giao dịch chứng khoán không có cổ tức tại sơ đồ dưới đây. Biết rằng ngày kết thúc năm tài chính là 30/6 và thời gian thanh toán là T + 3



Ngày đ-ký Ngày đứng Đại hội

Câu 450: Theo pháp luật Việt Nam các tổ chức được phép phát hành cổ phiếu là:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn
- b) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa
- c) Công ty cổ phần và doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa
- d) Công ty cổ phần

Câu 451: Việc phát hành cổ phiếu làm tăng:

- a) Nợ của Công ty
- b) Tài sản của công ty
- c) Vốn cổ phần của công ty
- d) Cả b và c

Câu 452: Một cổ phiếu bán theo quyền mua cổ phiếu mới với giá 90.000đ/01 CP, nhưng hiện nay, giá thị trường là 100.000đ/CP, theo điều lệ của công ty cứ 05 cổ phiếu cũ được mua một cổ phiếu mới. Vậy giá của quyền là:

- a) 3.000đ
- b) 2.000đ
- c) 20.000đ
- d) 10.000đ

Câu 453: Trình tự chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư lần đầu và đăng ký việc thành lập quỹ:

1. Công ty quản lý quỹ công bố việc phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư trên báo chí (Trong vòng 5 ngày sau khi được UBCKNN cho phép phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư lần đầu).
2. Niêm yết bản cáo bạch tóm tắt tại trụ sở công ty quản lý quỹ
3. Chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư thông qua ngân hàng giám sát (trong vòng 45 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép phát hành)

4. Quỹ đăng ký thành lập chính thức (nếu đủ các tiêu chí quy định cho đợt phát hành lần đầu) và tiến hành hoạt động đầu tư
5. Báo cáo phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư cho UBCKNN
- 1, 2, 3, 5 và 4
 - 5, 2, 3, 4 và 1
 - 1, 5, 2, 4 và 3
 - 3, 5, 4, 2 và 1

Câu 454: Nghĩa vụ nào sau đây không thuộc nghĩa vụ của thành viên:

- Nộp phí thành viên, phí giao dịch, phí sử dụng hệ thống giao dịch
- Nghĩa vụ đóng góp lập quỹ hỗ trợ thanh toán
- Nghĩa vụ nộp báo cáo tài chính bán niên
- Nghĩa vụ báo cáo Giám đốc hoặc nhân viên kinh doanh của thành viên là đối tượng chịu sự điều tra

của cơ quan pháp luật hoặc chịu dự phán quyết của tòa án

Câu 455: Mục đích của công tác thanh tra giám sát là:

- Giúp các tổ chức cá nhân hoạt động đúng pháp luật
 - Đảm bảo thị trường chứng khoán hoạt động an toàn công khai, công bằng và hiệu quả
 - Bảo vệ quyền hợp pháp của người đầu tư
 - Góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý
- Chỉ I
 - Chỉ I và II
 - Chỉ I, II và III
 - Cả I, II, III và IV

Câu 456: Tổ chức phát hành bị đình chỉ giấy phép phát hành trong những trường hợp sau:

- Không thực hiện việc bổ sung sửa đổi hồ sơ xin phép phát hành theo thông tư 01 Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước.
 - Tài sản của tổ chức phát hành bị tổn thất, bị phong tỏa, bị tịch thu có tỷ lệ tương đương hơn 10% trên tổng giá trị cổ phiếu hoặc trái phiếu được phép phát hành.
 - Tổ chức phát hành vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán gây thiệt hại nghiêm trọng cho nhà đầu tư.
- I và II
 - II và III
 - I và III
 - I, II và III

Câu 457: Quy định về vốn khả dụng của Công ty Chứng khoán với tỷ lệ là:

- 5%
- 6%
- 8%
- 10%

Câu 458: Điều kiện cơ bản để thành lập và xin cấp phép hoạt động công ty chứng khoán

- Phải tuân thủ luật công ty
 - Giám đốc công ty phải là người có quốc tịch Việt Nam
 - Điều kiện về cán bộ: có đa số nhân viên kể cả các nhân viên cao cấp của công ty, có lý lịch cá nhân tốt, được trang bị tốt kiến thức về kinh doanh chứng khoán và nắm vững pháp luật về ngành chứng khoán.
 - Điều kiện về tài chính: thể nhân và pháp nhân tham gia thành lập công ty chứng khoán phải có thực lực tốt về tài chính.
- Chỉ có I, III và IV
 - Chỉ có I, II và III
 - Chỉ I, II và IV
 - Cả I, II, III và IV

Câu 459: Công ty chứng khoán không được:

- Dùng quá 70% vốn điều lệ để đầu tư vào bất động sản và mua sắm trang thiết bị.
- Đầu tư vượt quá 20% tổng số chứng khoán đang lưu hành của một công ty niêm yết.

III. Đầu tư vượt quá 15% tổng số chứng khoán đang lưu hành của một công ty niêm yết.

IV. Bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng vượt quá 4 lần hiệu số giữa giá trị tài sản lưu động và tổng nợ ngắn hạn.

- a) Chỉ có I và II
- b) Chỉ có II và III
- c) Chỉ có II, III và IV
- d) Tất cả I, II, III và IV

Câu 460: Người hành nghề kinh doanh chứng khoán được phép:

- a) Cùng làm việc hoặc góp vốn vào hai hoặc nhiều công ty chứng khoán
- b) Cho mượn giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán
- c) Tham gia các hoạt động kinh doanh chứng khoán
- d) Làm giám đốc, thành viên hội đồng quản trị hoặc cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu

quyết của 1 tổ chức phát hành.

Câu 461: Những điều kiện cơ bản để được phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, trong đó bao gồm:

I. Có mức vốn điều lệ tối thiểu 5 tỷ đồng

II. Có ít nhất 2 năm liên tục gần nhất kinh doanh có lợi nhuận.

III. Có ít nhất 20% cổ phần bán cho ít nhất 100 người ngoài tổ chức phát hành và số cổ đông sáng lập nắm giữ tối thiểu 20% cổ phần.

IV. Giá trị cổ phiếu xin phát hành thêm không lớn hơn giá trị cổ phiếu đang lưu hành.

- a) Chỉ có I
- b) Chỉ có II, III và IV
- c) Chỉ có I, II và III
- d) Cả I, II, III và IV

Câu 462: Trong thời gian Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét đơn xin phép phát hành cổ phiếu và trái phiếu của công ty cổ phần, công ty không được phép thực hiện một số việc sau, ngoại trừ:

I. Cho công chúng biết ngày phát hành ra công chúng

II. Công ty tổ chức quảng cáo trực tiếp hay gián tiếp việc chào mời công chúng mua cổ phiếu hay trái phiếu.

III. Công ty sử dụng bản cáo bạch gửi lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thăm dò thị trường.

IV. Công ty sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng để thăm dò thị trường.

- a) Chỉ có III
- b) Chỉ có II
- c) Chỉ I và IV
- d) I, II, III và IV

Câu 463: Khi gây thiệt hại cho các thành viên lưu ký, Trung tâm giao dịch chứng khoán

- a) Không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với các thành viên lưu ký
- b) Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại đã gây ra cho các thành viên lưu ký.
- c) Chỉ chịu một phần nhỏ trách nhiệm đối với các thành viên lưu ký mà thôi
- d) Tất cả đều sai

Câu 464: Bản cáo bạch phải có đầy đủ chữ ký của các thành phần sau đây, ngoại trừ... có thể là không cần thiết:

- a) Kế toán trưởng
- b) Trưởng ban kiểm soát
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị
- d) Tổ chức bảo lãnh phát hành
- e) Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị
- f) Giám đốc (hoặc Tổng Giám đốc)

Câu 465: Tổ chức phát hành đăng ký niêm yết chứng khoán sau 1 năm kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành hoặc tổ chức có chứng khoán niêm yết bị hủy bỏ niêm yết, muốn xin niêm yết lại phải đáp ứng các điều kiện sau đây, loại trừ:

- a) Hoạt động kinh doanh có lãi vào thời điểm xin phép niêm yết hoặc niêm yết lại.

b) Các nguyên nhân hủy bỏ niêm yết đã được khắc phục

c) Mức vốn điều lệ tối thiểu: 10 tỷ đồng Việt Nam

d) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính 2 năm phải là: "*Chấp nhận toàn bộ*" hoặc "*Chấp nhận có ngoại trừ*".

Câu 466: Hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Thông tư số 01/98/TT-UBCK ngày 13/10/1998 của tất cả các tổ chức kinh tế nhất thiết phải có:

I. Bản cáo bạch

II. Điều lệ công ty

III. Cam kết bảo lãnh phát hành

IV. Báo cáo tài chính 2 năm liên tục gần nhất có kiểm toán

a) Chỉ có I

b) Chỉ có I và II

c) Chỉ I, II và III

d) Cả I, II, III và IV

Câu 467: Những trường hợp nào sau đây Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể tạm ngừng giao dịch, loại trừ:

a) Khi phát hiện chứng khoán giả mạo trên thị trường

b) Khi có tin đồn gây biến động lớn về giá và khối lượng giao dịch

c) Giá một loại chứng khoán tăng hoặc giảm tới mức giới hạn cho phép trong 3 ngày giao dịch liên tiếp kèm theo biến động về khối lượng giao dịch.

d) Tổ chức niêm yết bị đình chỉ hoạt động kinh doanh chính từ 3 tháng trở lên

Câu 468: Chứng chỉ quỹ đầu tư bị hủy bỏ niêm yết trong những trường hợp nào sau đây:

I. Quỹ bị giải thể

II. Số người đầu tư là dưới 100 người trong thời hạn quá 1 năm

III. Thời gian hoạt động còn lại của quỹ là 3 tháng

IV. Giá chứng chỉ quỹ đầu tư giảm trên 50% mỗi năm trong 2 năm liên tục

a) Chỉ I và II

b) Chỉ I và III

c) Chỉ II, III và IV

d) Chỉ I, II và IV

Câu 469: Lợi ích đối với các nhà đầu tư khi việc đầu tư thông qua quỹ:

I. Không có rủi ro

II. Đảm bảo đầu tư có hiệu quả hơn

III. Giảm được chi phí giao dịch và nghiên cứu

a) Chỉ I

b) Chỉ I và II

c) Chỉ II và III

d) Cả I, II và III

Câu 470: Ngân hàng thương mại xin cấp giấy phép hoạt động lưu ký phải đáp ứng các điều kiện sau, ngoại trừ:

a) Đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam

b) Làm ăn có lãi từ 5 năm trở lên

c) Phải có tối thiểu hai nhân viên nghiệp vụ và phải có một người trong Ban giám đốc phụ trách

d) Phải có cơ sở vật chất kỹ thuật đủ để đảm bảo thực hiện dịch vụ lưu ký

Câu 471: Các hành vi nào sau đây được coi là vi phạm nguyên tắc giao dịch chứng khoán:

I. Mua thấp bán cao

II. Giao dịch nội gián

III. Lũng đoạn thị trường

Câu 472: Khi công ty tuyên bố phá sản, cổ đông thường sẽ được

a) Nhận lại vốn ban đầu

b) Nhận những gì còn lại sau khi thanh toán các khoản nợ và cổ phiếu ưu đãi

c) Nhận được giá trị ghi trong sổ sách

d) Không nhận được gì

Câu 473: Khi công ty không có lãi, nó sẽ

- a) Trả cổ tức cho cổ phiếu thường
- b) Trả lãi trái phiếu
- c) Trả cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi
- d) Không phải trả lãi và cổ tức

Câu 474: Cổ phiếu và trái phiếu

- a) Có lãi suất cố định
- b) Có thu nhập theo hoạt động của công ty
- c) Được quyền bầu cử tại Đại hội cổ đông
- c) Không có câu nào đúng

Câu 475: Một sự giảm xuống của lãi xuất thị trường sẽ làm cho giá trái phiếu

- a) Tăng
- b) Giảm
- c) Không đổi
- d) Gấp đôi

Câu 476: Ai là người chia quyền sở hữu trong công ty

- I. Cổ đông thường
 - II. Cổ đông ưu đãi
 - III. Người nắm giữ trái phiếu
- a) Chỉ I
 - b) Chỉ II
 - c) I và II
 - d) I, II và III

Câu 477: Có 3 nhà đầu tư đặt lệnh tại cùng một giá. Nhà đầu tư a và b là khách hàng đặt lệnh và nhà đầu tư c là công ty chứng khoán. Kết quả trên sổ lệnh như sau:

Bán	Giá	Mua
	50.600	200
200	50.400	1000
700	50.200	500(a); 300(b); 900(c)
400	50.000	500
700	49.800	100
	49.600	200
	49.400	300

Giá mở cửa là:

- a) 50.400
- b) 50.200
- c) 50.000

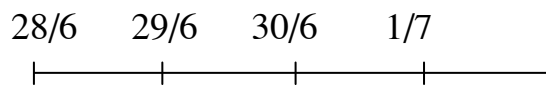
Kết quả của lệnh được thực hiện của 3 nhà đầu tư như sau:

- I. a mua được 500, b mua được 100, và c mua được 100
- II. a mua được 500, b mua được 100 và c không mua được cp nào
- III. a mua được 200, b mua được 200 và c mua được 200

Câu 478: Thị trường chứng khoán nước A mới được thành lập thường xuyên có sự mất cân đối, cầu lớn hơn cung. Hãy xác định giá đóng cửa của thị trường trên cơ sở bảng sổ lệnh sau đây (biết rằng giá tham chiếu là 50.000đ)

Bán	Giá	Mua
700	50.600	300
300	50.400	500
400	50.200	100
	50.000	
300	49.800	500
200	49.600	200
400	49.400	

Câu 479: Hãy xác định ngày giao dịch chứng khoán không có cô tức tại sơ đồ dưới đây. Biết rằng ngày kết thúc năm tài chính là 30/6 và thời gian thanh toán là T + 2



Ngày đ-ký Ngày đứng Đại hội
ds cổ đưng số cổ đưng đồng cổ
cũn cũn đưng hơp

Câu 480: Thị trường chứng khoán sơ cấp là gì?

- Là nơi các doanh nghiệp huy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu hoặc các loại chứng khoán khác
- Là nơi mua bán các chứng khoán kém chất lượng
- Là nơi giao dịch các chứng khoán đã phát hành
- Là thị trường chứng khoán chưa phát triển

Câu 481: Ý nghĩa của việc phân biệt giữa phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng

- Để phân biệt quy mô huy động vốn
- Để phân biệt đối tượng và phạm vi cần quản lý
- Để phân biệt loại chứng khoán được phát hành
- Để phân biệt hình thức bán chứng khoán: bán buôn hay bán lẻ

Câu 482: Tại sao việc phát hành chứng khoán ra công chúng phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp phép?

- Để việc quản lý các công ty phát hành được tốt hơn
- Để bảo vệ các nhà đầu tư lớn
- Để đảm bảo chỉ những công ty làm ăn tốt và nghiêm chỉnh mới được huy động vốn qua công chúng
- Để Ủy ban chứng khoán nhà nước giám sát hoạt động của công ty

Câu 483: Trong các điều kiện để doanh nghiệp được phát hành chứng khoán ra công chúng, điều kiện nào là quan trọng nhất?

- Có ban Giám đốc điều hành tốt
- Có sản phẩm nổi tiếng trên thị trường
- Có tỷ lệ nợ trên vốn hợp lý
- Quy mô vốn và kết quả hoạt động trước khi phát hành

Câu 484: Tài liệu nào là quan trọng nhất trong hồ sơ đăng ký phát hành ra công chúng

- Bản cáo bạch
- Các báo cáo tài chính
- Các báo cáo về hoạt động của công ty
- Đơn xin phát hành

Câu 485: Nghĩa vụ cơ bản của công ty có chứng khoán phát hành ra công chúng là gì?

- Tổ chức kinh doanh tốt
- Công bố thông tin chính xác, trung thực một cách thường xuyên và bất thường
- Đảm bảo cho cổ phiếu của công ty luôn tăng giá

d) Trả cổ tức đều đặn hàng năm

Câu 486: Mục đích chủ yếu của công ty phát hành chứng khoán ra công chúng là gì?

- a) Để chứng tỏ công ty hoạt động hiệu quả
- b) Để tăng danh tiếng của công ty
- c) Huy động vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực quản lý
- d) Tăng số lượng cổ đông của công ty

Câu 487: Điền vào những điều sau đây liên quan đến hệ thống giao dịch đối mặt tại sàn

- I. Các lệnh đã qua môi giới tại sàn và đã trực tiếp tới người chuyên gia
- II. Nó có thể dùng cho lệnh thị trường và lệnh giới hạn
- III. Nó có thể được dùng cho các lô tròn và phần lẻ

- a) I và II
- b) I và III
- c) I, II và III

Câu 488: Một khách hàng ra một lệnh dừng bán để bán với giá $43 \frac{1}{2}$. Lô chứng khoán sau cùng trước khi lệnh đó được đưa vào được bán với giá 44. Các lô chứng khoán sau khi lệnh đó được đưa vào được bán với giá $43 \frac{3}{4}$, $43 \frac{1}{2}$, $43 \frac{3}{8}$ và $43 \frac{5}{8}$

Giao dịch sẽ thực thi ở giá:

- a) $43 \frac{3}{4}$
- b) $43 \frac{1}{2}$
- c) $43 \frac{3}{8}$
- d) $43 \frac{5}{8}$

Câu 489: Thành viên nào của sở giao dịch có thể thực hiện các lệnh giùm cho các thành viên khác của sở giao dịch với bất cứ loại chứng khoán, nào là:

- a) Môi giới tại sàn
- b) Môi giới của môi giới
- c) Chuyên gia
- d) Cả ba

Câu 490: Một khách hàng đưa vào một lệnh giới hạn ở giá $66 \frac{3}{4}$, giá đóng cửa cho cổ phiếu này của ngày là $66 \frac{3}{4}$. Khi khách hàng gọi đến công ty chứng khoán để kiểm tra xem lệnh đã được thực hiện chưa thì người môi giới báo cáo rằng: "Không có gì được thực hiện". Nguyên nhân có thể là do:

- a) Có một lệnh đến trước lệnh của khách hàng đó với giá $66 \frac{3}{4}$
- b) Giá giới hạn chưa đạt tới
- c) Các lệnh thị trường khác đến trước lệnh của khách hàng đó
- d) Không có điều nào ở trên giá đó

Câu 491: Nếu một khách hàng đưa ra một lệnh "Có hiệu lực cho đến khi hủy bỏ" để bán 100 cổ phiếu của công ty XYZ với giá giới hạn dừng 37

- a) Đây là lệnh mở
- b) Lệnh trở thành một lệnh thị trường khi cổ phiếu đạt tới giá 37
- c) Khách hàng được đảm bảo bán cổ phiếu ở giá 37
- d) Đây là một lệnh có hiệu lực trong ngày

Câu 492: Lô bán sau cùng của cổ phiếu XYZ ở giá 35. Một chuyên gia có các lệnh mua 900 cổ phiếu trên sổ của anh ta với giá 35, và 600 cổ phiếu bán ở giá $35 \frac{3}{4}$. Người chuyên gia có thể bán cổ phiếu riêng của anh ta ở giá:

- a) $34 \frac{7}{8}$
- b) $35 \frac{1}{2}$
- c) $35 \frac{3}{4}$
- d) $35 \frac{7}{8}$

Câu 493: Thị trường thứ ba liên quan với:

- a) Chứng khoán OTC
- b) Chứng khoán đã đăng ký
- c) Chứng khoán đã đăng ký được giao dịch tại (thị trường) OTC
- d) Cả ba

Câu 494: Lệnh nào trong các lệnh sau đây có thể được người chuyên gia chấp nhận:

- I. Một lệnh được đưa vào với tính chất có hiệu lực cho đến khi hủy bỏ
 - II. Một lệnh được đưa vào với tính chất có hiệu lực trong tuần
 - III. Một lệnh được đưa vào với tính chất có hiệu lực trong ngày
 - IV. Một lệnh mà trao cho người chuyên gia tùy ý về giá và thời gian
- a) I và II
 - b) II và III
 - c) I, III và IV
 - d) I, II, III và IV

Câu 495: Một nhà kinh doanh đưa vào một lệnh có tính chất thực hiện ngay hoặc hủy bỏ để mua 1000 cổ phiếu ở giá 20.

Một báo cáo gửi trở lại nói rằng 500 cổ phiếu đã được thực hiện. Có bao nhiêu cổ phiếu mà người đầu tư có thể mua?

- a) 500 cổ phiếu ở giá 20 hoặc tốt hơn
- b) 500 cổ phiếu ở giá thị trường
- c) 1000 cổ phiếu ở giá 20
- d) Không có gì, vì tất cả 1000 cổ phiếu không được thực hiện

Câu 496: Xác định giá mở cửa theo các lệnh sau đây:

Bên bán		Giá	Bên mua	
Số lượng	Lũy kế		Lũy kế	Số lượng
1000	1000	Thị trường	5500	
200	1200	101	5500	
300	1500	102	5500	
400	1900	105	5500	
100	2000	106	5500	700
1300	3300	107	4800	300
900	4200	108	4500	100
	4200	109	4400	200
200	4400	111	4200	
	4400	113	4200	500
200	4600	114	3700	
400	5000	115	3700	100
	5000	116	3600	700
	5000	117	2900	900
	5000	118	2000	500
	5000	119	1500	200
	5000	120	1300	800
	5000	Thị trường	500	500

Khi:

- a) Giá đóng cửa phiên giao dịch trước là 106:
- b) Giá đóng cửa phiên giao dịch trước là 115:
- c) Giá đóng cửa phiên giao dịch trước là 110:

Câu 498: Nếu một nhà phân tích muốn đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (đáo hạn trong vòng 1 năm 0 của công ty, trong các chỉ số sau đây chỉ số nào được ông ta quan tâm nhất:

- a) Chỉ số hiện hành (Current ratio)
- b) Chỉ số nhanh (Quick ratio)
- c) Chỉ số vòng quay hàng tồn kho
- d) Chỉ số nợ trên vốn sở hữu

Câu 499: Công ty cổ phần XYZ có thu nhập trên mỗi cổ phiếu là 4USD và hiện chỉ cổ tức cho cổ đông là 2 USD/1 cổ phiếu. Giá bán 1 cổ phiếu trên thị trường của công ty XYZ là 56 đô. Chỉ số giá cả trên thu nhập của công ty XYZ là:

- a) 2 trên 1
- b) 9.3 trên 1
- c) 14 trên 1
- d) 28 trên 1

Câu 500: Công ty cổ phần ABC phát hành trái phiếu trị giá 100.000.000USD, mệnh giá trái phiếu là 1000 USD, sử dụng ảnh hưởng của đợt phát hành này đối với bản cân đối tài sản công ty thể hiện như sau:

- I. Tăng vốn lưu động
- II. Tăng tổng cộng nợ
- III. Tăng tổng cộng tài sản có
- IV. Tăng vốn cổ đông
- b) I và II
- c) I, II và III
- d) I, II, III và IV

Câu 501: Nếu một nhà phân tích kỹ thuật nhìn vào đồ thị để xác định mức ủng hộ, anh ta sẽ chọn điểm mà tại đó giá cổ phiếu:

- a) Ngừng gia tăng
- b) Ngừng giảm
- c) Tương đối ổn định
- d) Đạt đến điểm mới

Câu 502: Căn cứ vào phân tích kỹ thuật mô hình đầu và hai vai hướng lên, xác định xu hướng:

- a) Thị trường đi xuống
- b) Thị trường đi lên
- c) Thị trường quân bình
- d) Khó dự đoán

Câu 503: Một nhà phân tích kỹ thuật sẽ xem xét tất cả các phương thức, ngoại trừ phương thức sau:

- a) Lý thuyết người mua bán các cổ phiếu lẻ (dưới 100) luôn sai lầm
- b) Chỉ số giá cả - thu nhập của các cổ phiếu Dow Jones
- c) Lưu lượng cổ phiếu bán khống

Câu 504: Hãy xác định trong ba câu hỏi từ a đến c sau đây, trường hợp nào thể hiện xu hướng thị trường đang đi lên hoặc đang đi xuống (bullish or bearish)

- a) Chỉ số bình quân công nghiệp Dow Jones và chỉ số bình quân Dow Jones của ngành vận tải cả hai có xu hướng đi lên
- b) Số lượng bán khống của thị trường chứng khoán New York tăng 25% so với tháng trước
- c) Doanh thu của các cổ phiếu bán lẻ tăng đáng kể trong vài tuần qua

Câu 505: Theo luật công ty, công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp:

- a) Có trên 7 người góp vốn, mang tính đối vốn
- b) Có trên 2 người góp vốn, mang tính đối vốn
- c) Có trên 7 người góp vốn, mang tính đối nhân và đối vốn
- d) Cả 3 đều sai

Câu 506: Sau khi có Luật Công ty, trong thực tế hiện nay, công ty cổ phần ít được thành lập so với công ty trách nhiệm hữu hạn vì:

- a) Có chi phí thành lập cao và thủ tục phức tạp
- b) Khó kêu gọi cổ đông góp vốn
- c) Mới lạ nên chưa dám thành lập
- d) Cả ba đều sai

Câu 507: Một trong các nhược điểm trong hoạt động của công ty cổ phần là:

- a) Tách rời quyền sở hữu và quyền điều hành
- b) Thiếu động lực và sự quan tâm cá nhân, vì trách nhiệm chung trong thua lỗ
- c) Không giữ được bí mật trong kinh doanh và tài chính
- d) Tương đối ít được tín nhiệm trong cấp tín dụng

Câu 508: Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu:

- a) Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát
- b) Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị chọn Giám đốc và Ban kiểm soát
- c) Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- d) Cả ba đều sai

Câu 509: Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước như lâu nay là:

- a) Giải thể DNNN và thành lập lại theo dạng công ty cổ phần có nhà nước tham gia góp vốn
- b) Chuyển thể DNNN thành công ty cổ phần có nhà nước tham gia góp vốn
- c) Chuyển thể DNNN thành công ty cổ phần mà nhà nước vẫn giữ một tỷ lệ vốn góp trong cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần.
- d) Cả ba đều đúng

Câu 510: Theo pháp luật Việt Nam các tổ chức được phép phát hành trái phiếu là:

- a) Doanh nghiệp tư nhân
- b) Công ty cổ phần và doanh nghiệp nhà nước
- c) Công ty trách nhiệm hữu hạn
- d) Công ty cổ phần

Câu 511: Theo pháp luật Việt Nam các tổ chức được phép phát hành cổ phiếu là:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn
- b) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa
- c) Công ty cổ phần và doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa
- d) Công ty cổ phần

Câu 512: Hiện nay ở Việt Nam, Ủy ban chứng khoán nhà nước quản lý:

- a) Việc phát hành chứng khoán
- b) Việc phát hành chứng khoán ra công chúng
- c) Việc phát hành chứng khoán ra công chúng và phát hành chứng khoán riêng lẻ
- d) Việc phát hành chứng khoán của Chính phủ

Câu 513: Việc phát hành cổ phiếu làm tăng:

- a) Nợ của công ty
- b) Tài sản của công ty
- c) Vốn cổ phần của công ty
- d) Cả b và c

Câu 514: Việc phát hành trái phiếu làm tăng:

- a) Nợ của doanh nghiệp
- b) Tài sản của doanh nghiệp
- c) Vốn cổ phần của doanh nghiệp
- d) Cả b và c

Câu 515: Hiện nay ở Việt Nam, trong quy định về việc phát hành chứng khoán ra công chúng, thì tỷ lệ chứng khoán phát hành ra bên ngoài tối thiểu phải đạt là:

- a) 30%
- b) 20% hoặc 15%
- c) 20%

d) 15%

Câu 516: Bản cáo bạch là:

- a) Một bản báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức phát hành
- b) Một văn bản chào bán chứng khoán ra công chúng
- c) Là một tài liệu trong hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán ra công chúng
- d) Cả b và c

Câu 517: Tổ chức, cá nhân nào chịu trách nhiệm chính về những sai sót trong hồ sơ xin phép phát hành:

- a) Tổ chức phát hành chứng khoán
- b) Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán
- c) Những người tham gia vào việc soạn thảo hồ sơ xin phép phát hành
- d) Cả a, b và c

Câu 518: Hiện nay ở Việt Nam phương thức bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng được phép là:

- a) Bảo lãnh theo phương thức chắc chắn
- b) Bảo lãnh cố gắng tối đa
- c) Bảo lãnh theo phương thức tất cả hoặc không
- d) Cả ba phương thức trên

Câu 519: Những chứng khoán nào được phép niêm yết tại Trung tâm giao dịch:

- a) Trái phiếu Chính phủ
- b) Cổ phiếu của các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa
- c) Chứng khoán của các doanh nghiệp đã được UBCKNN cấp giấy phép phát hành ra công chúng
- d) Cả a và c

Câu 520: Các khoản mục sau là tài sản, ngoại trừ:

- a) Các khoản phải thu
- b) Hàng tồn kho
- c) Lợi nhuận giữ lại
- d) Nhận hiệu thương mại

Câu 521: Câu nào trong những câu sau là đúng:

- I. Doanh thu có xu hướng làm tăng vốn chủ sở hữu
 - II. Doanh thu không làm thay đổi tổng tài sản
 - III. Cơ bản chi phí được xem như là những khoản nợ
 - IV. Chi phí có xu hướng làm giảm vốn chủ sở hữu
- a) Chỉ có I
 - b) Chỉ có III
 - c) I & IV
 - d) II & III

Câu 522: Nếu một công ty trả cổ tức sẽ ảnh hưởng đến:

- a) Làm giảm thu nhập thuần
- b) Vốn cổ đông thấp hơn
- c) Làm tăng những khoản nợ
- d) Không ảnh hưởng đến tổng tài sản

Câu 523: Bản báo cáo tài chính nào thể hiện thông tin về một doanh nghiệp tại một thời điểm:

- a) Bản cân đối tài sản
- b) Bản báo cáo thu nhập
- c) Bản báo cáo lưu chuyển tiền mặt
- d) Bản báo cáo lợi nhuận giữ lại

Câu 524: Phân loại đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn phụ thuộc vào:

- a) Số lượng tiền đầu tư
- b) Khoảng thời gian nhà đầu tư muốn thực hiện đầu tư
- c) Khoảng thời gian nhà đầu tư đã thực hiện đầu tư
- d) Việc đầu tư bằng nội tệ hay ngoại tệ

Câu 525: Thị trường tài chính là thị trường huy động vốn:

- a) Ngắn hạn

- b) Trung hạn
- c) Dài hạn
- d) Cả ba

Câu 526: Công cụ nào trong số các công cụ dưới đây không phải là công cụ của thị trường tiền tệ:

- a) Tín phiếu kho bạc
- b) Công trái địa phương
- c) Hối phiếu
- d) Trái phiếu phát hành mới

CÂU HỎI VỀ PHẦN PHÂN TÍCH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Câu 1: RSI giảm và cắt đường O từ trên xuống dưới, đây là tín hiệu để:

- a. Mua CP
- b. Bán CP
- c. Không mua bán gì cả vì TT đang biến động

Câu 2: Người X có mức ngại rủi ro là $A = 3$ và Y có mức ngại rủi ro $A = 5$ vậy:

- a. X có mức bù rủi ro cao hơn Y
- b. Y có mức bù rủi ro cao hơn X
- c. Không thể so sánh được.

Câu 3: Ngân hàng bạn công bố lãi suất gửi tiết kiệm trả trước là 10%/năm, Is này tương đương với lãi suất trả sau là:

- a. 11%
- b. 11,1%
- c. 21%
- d. không phương án nào đúng

Câu 4: Một điểm A của 1 chứng khoán nằm phía trên đường thị trường chứng khoán SML thì điểm này biểu thị:

- a. TT đánh giá cao A
- b. TT đánh giá thấp A
- c. Không thể dùng để biết TT đánh giá như thế nào về A từ thông tin trên

Câu 5: Nếu 2 CP có hệ số tương quan lớn hơn 0 thì vẫn có thể kết hợp với nhau thành 1 cặp để tham gia vào 1 DMĐT để giảm rủi ro của DM đó:

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 6: Đối với người quản lý đầu tư trái phiếu chủ động và dự đoán lãi suất sẽ giảm mạnh, người đầu tư đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để tăng lãi suất đầu tư:

- a. Mua trái phiếu dài hạn, bán TP ngắn hạn
- b. Mua TP ngắn hạn, bán TP dài hạn
- c. Không mua bán gì cả vì TT đang phạm phù, không ổn định.

Câu 7: Rủi ro của đầu tư CK là:

- a. Sự mất mát tiền của khi đầu tư vào CK

- b. Sự không ổn định của tiền lãi đầu tư sau TTCK
- c. Không có phương án nào đúng

Câu 8: Ngân hàng bạn đang xem xét để đầu tư vào 1 CP có lợi suất mong đợi là 50%. Lãi suất tín phiếu kho bạc là 8,5%. Lãi suất đầu tư bình quân của TT cổ phiếu là 30%. CP đang xem xét có hệ số rủi ro β gấp 2 lần rủi ro của CP thị trường. Bạn khuyên lãnh đạo nên:

- a. Đầu tư
- b. Không đầu tư
- c. Không xác định được và không có lời khuyên

Câu 9: Bạn đang sở hữu 1 lượng TP chuyển đổi của VCB. TP này đang được giao dịch ở giá 200.000đ cho 1 TP mệnh giá 100.000đ. Người sở hữu TP này được dùng mệnh giá để mua CO VCB khi cổ phần hoá với giá đấu thầu bình quân. Giả sử khi đấu giá để CP hoá, VCB có giá đấu thầu bình quân là 200.000 đ/1 CP. Theo bạn:

- a. Giữ TP sẽ lợi hơn.
- b. Bán TP sẽ lợi hơn
- c. Không thể xác định phương án nào lợi hơn

Câu 10: Việc tăng lãi suất theo yêu cầu sẽ làm cho giảm hệ số P/E của Công ty

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 11: Mô hình tăng trưởng bất biến cổ tức vẫn có thể được ứng dụng được nếu mức tăng trưởng cổ tức $g = 0$.

- a. Đúng

Câu 12: Chỉ tiêu đo độ rủi ro của đầu tư chứng khoán là:

- a. Hệ số Beta (β)
- b. Độ lệch chuyển (δ)

Câu 13: Giá trị độ lồi của trái phiếu:

- a. Chỉ lớn hơn 0.

Câu 14: Bạn đang xem xét đầu tư vào một cổ phiếu cho lợi suất mong đợi là 38% và mức rủi ro là 15%. Mức lợi suất cơ bản bạn mong muốn khi đầu tư vào cổ phiếu này là lãi suất kho bạc 8,5%. Bạn là người có mức ngại rủi ro $A = 2$. Bạn có đầu tư vào cổ phiếu trên không?

- A. Có (vì $U = E(R) - 0.5 A \sigma^2$)

Câu 15: β trong mô hình CAPM có thể có giá trị:

- a. Bằng 0
- b. Lớn hơn 0

Câu 16: β trong mô hình CAPM > 1 có nghĩa là:

- d. cổ phiếu đang xem xét có mức rủi ro $>$ bình quân T^2

Câu 17: Quan sát đồ thị nâng cao về giao dịch một loại cổ phiếu chúng ta thấy những chỉ tiêu sau:

- Đường biểu thị giá cắt trung bình động ít (MA10) và trung bình cộng nhiều kỳ (MA25) từ trên xuống.

- MA10 cắt MA25 từ trên xuống
- Chỉ tiêu divergence âm
- Chỉ tiêu sức mạnh tương đối (RSI) đổi chiều từ (+) sang (-)

Các trường hợp trên khuyên nhà đầu tư nên:

a. Mua chứng khoán

Câu 18: Ngân hàng dự kiến công bố lãi suất gửi tiết kiệm trả sau là 11% năm. Nếu áp dụng hình thức trả lãi trước thì 11% trên tương đương với mức lãi suất trả trước là:

a. 10%

Lãi suất trả trước bao giờ cũng nhỏ hơn lãi suất trả sau.

Lãi suất trả trước = lãi suất trả sau / 1 + lãi suất trả sau = 11/1.11 = 9.9

Câu 19: Mức ngại rủi ro của bạn càng thấp thì bạn cần mức bù rủi ro.

a. Càng bé

Câu 20: Nếu hai cổ phiếu có hệ số tương quan về mức sinh lời lớn hơn 0 thì không thể kết hợp với nhau thành một cặp để tham gia vào 1 DMDT để giảm rủi ro của danh mục đó.

a. Đúng.

Câu 21: Đường chứng khoán (SML) giống đường thị trường với (CML) ở chỗ:

a. Điều biểu thị mối quan hệ rủi ro và lãi suất đầu tư

b. Điều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro.

Câu 22: GDP tính theo phương pháp sản phẩm bao gồm:

a. Tích lũy, tiêu dùng, xuất khẩu, nhập khẩu.

Câu 23: Đường trung bình động (MA30) cắt đường VN Index từ dưới lên, đây là tín hiệu thị trường:

a. lên

Câu 24: Đường trung bình động (MA30) cắt đường VN Index từ trên xuống, đây là tín hiệu khuyên nhà đầu tư nên

Mua cổ phiếu

Câu 25: Đối với người quản lý đầu tư trái phiếu: chủ động và dự đoán lãi suất sẽ giảm mạnh, người đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để tăng lãi đầu tư.

a. Mua trái phiếu dài hạn và bán trái phiếu ngắn hạn.

Câu 26: Khi lãi suất thị trường tăng thì người kinh doanh trái phiếu chủ động nên:

a. Mua trái phiếu ngắn hạn và bán trái phiếu ngắn hạn

Câu 27: Khi lãi suất thị trường giảm thì người kinh doanh trái phiếu chủ động nên:

a. Mua trái phiếu dài hạn và bán trái phiếu ngắn hạn

Câu 28: Người đầu tư hay dùng thông số sau để so sánh với lãi suất ngân hàng khi đầu tư vào cổ phiếu.

a. Chỉ số DIV/P

Câu 29: Sự tăng lên của tỷ lệ cổ tức của công ty và giá trị cổ phiếu của công ty đó có quan hệ ngược chiều nhau:

b. Sai (vì $P_0 = D_0 (1 + g) / r - g \rightarrow$ quan hệ cùng chiều P)

Câu 30: Một số rủi ro mà không thể kiểm soát được là

1. Rủi ro về lãi suất

3. Rủi ro về sức mua

Câu 31: Độ tín nhiệm của công ty X là AAA và công ty Y là BBB

a. Mức rủi ro của Công ty X < Công ty Y

Câu 31: Độ tín nhiệm của công ty X là AAB và công ty Y là AAA

a. Mức rủi ro của Công ty X > Công ty Y

Câu 33: Khi phân tích cổ phiếu của công ty, nhà phân tích kỹ thuật ít đề cập tới.

a. Tỷ lệ vốn trên nợ

Câu 34: Một số nhà phân tích kỹ thuật, nhận thấy khi các CK được ô ạt màu vào là dấu hiệu của thị trường

a. Kết thúc thị trường giá xuống

Câu 35: Mô hình đầu vào và 2 vai đảo ngược là dấu hiệu

a. Giá tăng

Câu 36: Hình thái dang trung bình của lý thuyết thị trường hiệu quả cho chúng ta biết rằng giá cả của thị trường:

a. Phản ánh tất cả tin tức biết được trên thông tin mà những tin tức này đã được công bố ra công chúng.

Câu 37: Những tuyên bố nào sau đây trong trường hợp lý thuyết về thị trường hiệu quả tồn tại:

a. giá cả của CK phản ánh hoàn toàn những thông tin đã nhận được

Câu 38: Nhà phân tích cơ bản thường không quan tâm đến 2 trong số các yếu tố sau:

a. Lãi suất ngắn hạn và khối lượng giao dịch

Câu 39: RSI giảm và cắt đường 0 từ trên xuống, đây là tín hiệu để

b. Mua cổ phiếu (RSI bị gh 2 đường là 30 và 70 nếu lên trên đường 70 thì bán và xuống dưới đường 30 nên mua).

Câu 40: Một điểm A của một chứng khoán nằm phía trên đường thị trường chứng khoán (SML) thì điểm này biểu thị:

a. Thị trường đánh giá cao A

Câu 41: Sự rủi ro của đầu tư chứng khoán là

b. Sự không ổn định của tiền lãi đầu tư vào TTCK

(Sự không ổn định trong thu nhập khi đầu tư TTCK)

Câu 42: Một nhà phân tích muốn đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (30 ngày) của một công ty, trong các hệ số sau, hệ số nào được nhà phân tích quan tâm nhất?

a. Hệ số thanh toán nhanh (Quick ratio)

Câu 43: Trái phiếu coupon dương (> 0), thời gian đáo hạn bình quân của trái phiếu này:

a. nhỏ hơn thời gian đáo hạn.

Câu 44: Việc tăng lãi suất theo yêu cầu sẽ làm giảm hệ số P/E của Công ty

a. Đúng (vì $P/E = \text{Giá Chính phủ trên LN} = P/E$, $P_0 = \text{DIV}_1 (1 + g)r - g$ do vậy R tăng thì P giảm).

Câu 45: Nghiên cứu đã chứng tỏ rằng, nếu đầu tư vào cổ phiếu có PE thấp là PP tốt để thắng trên thị trường.

a. Đúng (vì $P/E = \text{Giá Chính phủ trên LN} = P/E$) ????

Câu 46: Bạn đang SH 1 TP chuyển đổi của CB, TP được giao dịch tại giá 200.000đ (cho TP mệnh giá 100.000đ). Người SH này được dùng mệnh giá này để mua cổ phiếu của VCB khi cổ phần hoá với đầu giá bình quân, giá sử VCB có giá đầu thầu bình quân là 200.000đ, theo bạn:

a. Bán trái phiếu có lợi hơn???

Câu 47: Khi lãi suất TT tăng thì giá TP giảm, để tính giá trị giảm người ta trừ khỏi giá trị ban đầu ảnh hưởng theo thời gian đáo hạn bình quân điều chỉnh (MD) và theo độ lồi.

a. Đúng

Câu 48: Ngân hàng bạn đang xem xét đầu tư vào 1CP X, lãi suất mong đợi là 11%, lãi suất tín phiếu kho bạc 8%, lãi suất đầu tư bình quân của thị trường cổ phiếu là 12%, CP đang xem xét có hệ số rủi ro $\beta = 1/2$ của bình quân thị trường, bạn khuyên lãnh đạo nên **đầu tư vì**

$$E(R) = R_f + \beta (R_m - R_f) = 0.08 + 0.5(0.12 - 0.08) = 10\% < 11\%.$$

Câu 49: β của Ck A trong mô hình CAPM như sau:

- $\beta > 1$ A có mức bù rủi ro > hơn bình quân thị trường
- $\beta < 1$ A có mức bù rủi ro < bình quân thị trường
- $\beta = 0$ A độc lập với thị trường (CK phi rủi ro)
- $\beta < 0$ Ck dao động ngược chiều thị trường.

Câu 50: Tỷ số PE/g của cổ phiếu A

- $-0,5 < mua < 0,65$
- $-0,65 < giữ < 1$
- $-1 < bán < 1,2$
- $1,3 < bán gấp < 1,7$

Câu 51: Chỉ tiêu Momentum của một cổ phiếu

- Nên mua khi Momentum > 0
- Nên bán khi Momentum < 0

Câu 52: Giá trị độ lồi của trái phiếu

- **Chỉ luôn > 0**

độ lồi càng lớn thì lãi suất càng cao

Câu 53: Một số rủi ro không thể kiểm soát được là:

1. Rủi ro lãi suất
2. Rủi ro kinh doanh
3. Rủi ro sức mua
4. Rủi ro tài chính
 - a. Chỉ 1 & 2
 - b. Chỉ 2 & 3
 - c. Chỉ 1 & 3

Câu 54: Độ tín nhiệm của công ty X là AAA, công ty Y là BBB

- a. Mức bù rủi ro công ty A > của công ty Y
- b. Mức bù rủi ro của công ty X < của công ty Y

c. Không xác định

Câu 55: Hệ số bê ta (β) trong mô hình CAPM có thể có giá trị như sau:

- a. $\beta < 0$
- b. $\beta = 0$
- c. $\beta > 0$
- d. Chỉ có b & c
- e. tất cả

Câu 56: Khi phân tích cổ phiếu 1 công ty, nhà phân tích kỹ thuật ít đề cập đến:

- a. Khối lượng giao dịch của công ty
- b. Mô hình lập biểu đồ
- c. Tiền lời bán khống (học thuyết bán khống)
- d. Tỷ lệ vốn/Nợ

Câu 57: Một số phân tích kỹ thuật nhận thấy một chứng khoán được ồ ạt mua vào khi:

- a. Giá thị trường bắt đầu lên.
- b. Giá thị trường bắt đầu xuống.
- c. Kết thúc thị trường giá lên
- d. Kết thúc thị trường giá xuống

Câu 58: Mô hình đầu và 2 vai đảo ngược là dấu hiệu:

- a. Giá tăng
- b. Giá giảm
- c. Giá không tăng, không giảm

Câu 59: Hình thái dạng trung bình của lý thuyết thị trường hiệu quả cho ta biết giá cả của cổ phiếu:

- a. Phản ánh tất cả thông tin về giá chứng khoán trong quá khứ.
- b. Phản ánh tin tức có thể biết trên thị trường đã được công bố ra công chúng.
- c. Phản ánh thông tin chung và riêng.

Câu 60: Những tuyên bố nào là đúng trong trường hợp lý thuyết thị trường hiệu quả tồn tại:

- a. Những sự kiện trong tương lai dự đoán là hoàn toàn chính xác.
- b. Giá cả chứng khoán phản ánh hoàn toàn những thông tin có thể nhận được.
- c. Giá cả chứng khoán thay đổi với những lý do không rõ ràng.
- d. Giá cả chứng khoán không giao động.

Câu 61: Nếu hai cổ phiếu có hệ số tương quan về mức sinh lời lớn hơn không thì không thể đưa vào với nhau trong DM ĐT để giảm rủi ro của danh mục đầu tư.

- a. Đúng
- b. Sai
- c. Không xác định

Câu 62: Mô hình tăng trưởng bất biến cổ tức có thể ứng dụng được nếu mức tăng trưởng cổ tức = 0.

- a. Đúng
- b. Sai

c. Tùy thuộc tình huống

Câu 63: Chỉ tiêu đo độ rủi ro của nhà đầu tư chứng khoán là:

- a. Hệ số β
- b. Hệ số tương quan (ρ) [lý thuyết: $\rho = \text{correl} = \text{Cov}(R_a, R_b) / (\sigma_a \cdot \sigma_b)$]
- c. Phương sai (σ^2)
- d. a & b
- e. a & c

Câu 64: Giá trị độ lệch của trái phiếu:

- a. Chỉ > 0
- b. Chỉ < 0
- c. Tùy thuộc từng trường hợp

Câu 65: Ngân hàng bạn dự kiến công bố lãi tiết kiệm trả sau là 11%/năm. Nếu áp dụng hình thức trả lãi trước thì 11%/năm tương đương với lãi là bao nhiêu?

- a. 10,11%
- b. 10%
- c. 9.5%
- d. Các phương án trên đều sai.

Câu 66: Đường biểu thị giá cắt đường trung bình động ít kỳ MA15 (15 ngày) và trung bình động nhiều kỳ MA50 (50 ngày) từ trên xuống, khuyên nhà đầu tư nên:

- a. Mua chứng khoán
- b. Bán chứng khoán
- c. Không mua và không bán chứng khoán.

Câu 67: Sự tăng lên của tỷ lệ cổ tức của công ty và giá trị cổ phiếu của công ty có quan hệ ngược chiều nhau:

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 68: Đường trung bình động (MA30) cắt đường VN-Index từ dưới lên, đây là tín hiệu khuyên người đầu tư nên:

- a. Mua cổ phiếu
- b. Bán cổ phiếu
- c. Không mua bán gì cả

Câu 69: Ngân hàng bạn công bố lãi suất gửi tiết kiệm 1 năm là 8,4%, lãi suất này tương đương với lãi suất kép 3 năm là:

- a. 25,2%
- b. 27,1%
- c. 27,4%
- d. 27,8%

Câu 70: Đường thị trường chứng khoán (SML) giống đường thị trường vốn chỗ:

- a. Điều biểu thị mối quan hệ giữa rủi ro và lãi suất đầu tư

- b. Đều có giá trị lớn hơn không.
- c. Đều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro
- d. a và c
- e. a, b và c
- f) Không có phương án nào trên đúng

Câu 71: Nếu hai cổ phiếu có hệ số tương quan lớn hơn không thì không thể đưa vào với nhau trong danh mục đầu tư để giảm rủi ro của danh mục.

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 72: Đối với người quản lý đầu tư trái phiếu chủ động và dự đoán lãi suất sẽ giảm mạnh, người dân đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để tăng lãi đầu tư:

- a. Mua trái phiếu ngắn hạn, bán trái phiếu dài hạn
- b. Mua trái phiếu dài hạn, bán trái phiếu ngắn hạn
- c. Không mua bán gì cả vì thị trường đang biến động.

Câu 73: Người đầu tư hay dùng thông số sau để so sánh với lãi suất ngân hàng khi đầu tư vào cổ phiếu:

- a. Mức trả cổ tức theo % mệnh giá
- b. Chỉ số P/E
- c. Chỉ số Div/P
- d) ROE

Câu 74: Tỷ lệ tăng trưởng cổ tức của một công ty 10% và có thể duy trì như vậy trong tương lai; tỷ lệ chiết khấu dòng thu nhập là 15%. P/E của công ty đang là 5,5. Ta có thể dự báo khả năng trả cổ tức của công ty này từ các thông tin trên là:

- a. 40%
- b. 25%
- c. 20%
- d. 75%
- e) Không đủ thông tin để dự báo.

Câu 75: Ngân hàng bạn đang xem xét để đầu tư vào một cổ phiếu có lợi suất mong đợi là 11%. Lãi suất tín phiếu kho bạc là 8%. Lãi suất đầu tư bình quân của thị trường cổ phiếu là 12%, cổ phiếu đang xem xét có hệ số rủi ro chỉ bằng một nửa của bình quân thị trường. Bạn khuyên lãnh đạo nên:

- a. Đầu tư
- b. Không đầu tư
- c. Không xây dựng được và không có lời khuyên.

Câu 76: GDP tính theo phương pháp sản phẩm bao gồm:

- I. Tích lũy (S)
- II. Tiêu dùng (C)
- III. Xuất khẩu (E)
- IV. Nhập khẩu (I)

- a- I và II
- b- II và III
- c- I, II và III
- d- Tất cả

Câu 77: Đường trung bình động MA 30) cắt đường Vn - Index từ dưới lên, đây là tín hiệu khuyên nhà đầu tư nên:

- a. Mua cổ phiếu
- b. Bán cổ phiếu
- c. Không mua bán gì cả

Câu 78: Ngân hàng công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm 1 năm là 8,4%. Lãi suất này tương đương lãi suất kép 3 năm là:

- a. 25,2%
- b. 27,1%
- c. 27,4%
- d. 27,8%

Câu 79: Đường thị trường chứng khoán (SML) giống đường thị trường vốn (CML) ở chỗ:

- I. Điều biểu thị mối quan hệ giữa rủi ro và lãi suất đầu tư
 - II. Điều có giá trị lớn hơn không.
 - III. Điều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro
- a. Chỉ I và III
 - b. Cả I, II và III
 - c. Cả I, II và III đều không đúng.

Câu 80: Nếu hai cổ phiếu có hệ số tương quan về mức sinh lời lớn hơn không thì không thể đưa vào với nhau trong danh mục đầu tư để giảm rủi ro của danh mục.

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 81: Đối với người quản lý đầu tư trái phiếu: chủ động và dự đoán lãi suất sẽ giảm mạnh, người đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để tăng lãi đầu tư.

- a. Mua trái phiếu ngắn hạn, bán trái phiếu dài hạn.
- b. Mua trái phiếu dài hạn, bán trái phiếu ngắn hạn.
- c. Không mua bán gì cả vì thị trường đang biến động

Câu 82: Người đầu tư hay dùng thông số sau để so sánh với lãi suất ngân hàng khi đầu tư vào cổ phiếu:

- a. Mức trả cổ tức theo % mệnh giá
- b. Chỉ số P/E
- c. Chỉ số DIV/E
- d. ROE

Câu 83: Tỷ lệ tăng trưởng cổ tức của 1 công ty 10% và có thể duy trì như vậy trong tương lai: tỷ lệ chiết khấu dòng thu nhập là 15%. P/E của Công ty đang là 5,5. TA có thể dự báo khả năng trả cổ tức của Công ty này từ

các thông tin trên là:

- a. 40%
- b. 25%
- c. 20%
- d. 75%
- e. Không đủ thông tin để dự báo.

Câu 84: Ngân hàng bạn đang xem xét đầu tư vào một cổ phiếu cps, lợi suất mong đợi là 11%, lãi suất tín phiếu kho bạc là 8%, lãi suất đầu tư bình quân của thị trường đối với cổ phiếu là 12%. Cổ phiếu đang xem xét có hệ số rủi ro β chỉ bằng một nửa của bình quân thị trường. Ban khuyến lãnh đạo nên:

- a. Đầu tư
- b. Không đầu tư
- c. Không xác định được và không có lời khuyên

Câu 85: Sự tăng lên của tỷ lệ cổ tức của Công ty và giá trị cổ phiếu của Công ty đó có quan hệ ngược chiều nhau

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 86: Một ngân hàng cổ phần có Tổng tài sản là 200 tỷ đồng, trong đó vốn vay là 150 tỷ đồng, lãi suất thuần của ngân hàng đó năm nay có thể là 15 tỷ đồng. Tỷ lệ cổ tức dự kiến chỉ là 3 tỷ đồng. Bạn hãy dự báo mức tăng trưởng của cổ tức trong tương lai bằng các thông tin đó.

Câu 87: Một số rủi ro mà không thể kiểm soát được làm:

- 1- Rủi ro về lãi suất
 - 2- Rủi ro về kinh doanh
 - 3- Rủi ro về sức mua
 - 4- Rủi ro về tài chính
- a. Chỉ 1 và 1.
 - b. Chỉ 2 và 3_
 - c. Chỉ 3 và 5
 - d. Chỉ 1 và 3

Câu 88: Độ tín nhiệm của Công ty X là 3 chữ A, Công ty Y là 3 B

- a. Mức rủi ro của Công ty X ? Công ty Y
- b) Mức rủi ro của Công ty X < Công ty Y
- c. Không xác định

Câu 89: β trong mô hình CAPM có thể có giá trị như nhau:

- a. < 0
- b. = 0
- c. Chỉ có b và c.
- c. Tất cả

Câu 90: Khi phân tích cổ phiếu của Công ty, nhà phân tích kỹ thuật ít đề cập đến:

- a. Khối lượng công ty
- b. Mô hình và biểu đồ
- c. Tiền lời bán không
- d. Tỷ lệ vốn/nợ

Câu 91: Một số nhà phân tích kỹ thuật, nhận thấy khi các Chứng khoán được ồ ạt mua vào là dấu hiệu của thị trường:

- a. Bắt đầu thị trường giá lên.
- b. Bắt đầu của thị trường giá xuống
- c. Kết thúc thị trường giá lên.
- d. Kết thúc của thị trường giá xuống

Câu 92: Mô hình đầu vào và 2 vai đảo ngược là dấu hiệu:

- a. Giá tăng
- b. Giá giảm
- c. Giá không tăng, không giảm

Câu 93: Hình thái dạng trung bình của lý thuyết thị trường hiệu quả cho chúng ta biết rằng giá cả của thị trường:

- a. Phản ánh tất cả thông tin về giá chứng khoán trong quá khứ (yếu)
- b. Phản ánh tất cả tin tức biết được trên thông tin mà những tin tức này đã được công bố ra công chúng (bình thường).
- c. Phản ánh tất cả thông tin chung và thông tin riêng (mạnh)

Câu 94: Những tuyên bố nào sau đây trong trường hợp lý thuyết về thị trường hiệu quả tồn tại:

- a. Những sự kiện của tương lai có thể dự đoán được với mức hoàn toàn chính xác.
- b. Giá cả của chứng khoán phản ánh hoàn toàn những thông tin đã nhận được.
- c. Giá cả của chứng khoán thay đổi với những lý do không rõ ràng.
- d. Giá cả của chứng khoán không dao động.

Câu 95: Các nhà phân tích cơ bản thường không quan tâm đến hai trong số các yếu tố sau:

- I. Lãi suất ngắn hạn
 - II. Hệ số P/E
 - III. Khối lượng giao dịch
 - IV. Hệ số EPS
- a. I và III
 - b. I & IV
 - c. II & III
 - d. II & IV

Câu 96: Một số nhà rủi ro mà Công ty có thể kiểm soát được ở mức độ tương đối là:

- I. Rủi ro lãi suất
- II. Rủi ro kinh doanh
- III. Rủi ro sức mua

IV. Rủi ro tài chính

- a. I và II
- b. II & III
- c. III & IV
- d. II & IV

Câu 97: Nếu một nhà phân tích muốn đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (đáo hạn trong vòng 30 ngày) của công ty, trong các hệ số sau đây, hệ số nào được nhà phân tích đó quan tâm nhất:

- a. Hệ số thanh toán hiện thời (Current ratio)
- b. Hệ số thanh toán nhanh (Quick ratio)
- c. Hệ số vòng quay hàng tồn kho
- d. Hệ số nợ trên vốn cổ phần

Câu 98: Khái niệm "sự cân bằng thông tin hiệu quả" trong các thị trường tài chính là:

- I. Lợi nhuận ròng của các nhà đầu tư được trang bị thông tin thu được bằng với lợi nhuận ròng của các nhà đầu tư không được trang bị
- II. Giá chứng khoán hành thành một cách ngẫu nhiên, người có thông tin chẳng có lợi thế gì hơn người không có thông tin
- III. Trên thị trường số nhà đầu tư được thông báo thông tin bằng với số nhà đầu tư không được thông báo thông tin.
 - a. Chỉ I
 - b. Chỉ II
 - c. Chỉ I và II
 - d. Chỉ I, II, III

Câu 99: Một công ty có tỷ lệ nợ so với tổng tài sản là 0.4. Tổng nợ là 200 triệu. Trên lãi ròng sau thuế là 30 triệu. ROE của doanh nghiệp là:

- a. 8%
- b. 9%
- c. 10%
- d. 12%
- e. 14%
- f. Không xác định được

Câu 100: Đường trung bình động (MA) cắt đường VN-Index từ trên xuống, đây là tín hiệu của thị trường:

- a. Lên
- b. Xuống
- c. Không thể hiện gì

Câu 101: Ngân hàng công bố lãi suất gửi tiết kiệm tháng là 1%, lãi suất này tương đương với lãi suất kép năm là:

- a. 12%
- b. 12,68%

- c. 12,92%
- d. Không có phương án nào ở trên là đúng

Câu 102: Trái phiếu coupon dương (> 0), thời gian đáo hạn bình quân của trái phiếu này:

- a. Bằng thời gian đáo hạn
- b. Nhỏ hơn thời gian đáo hạn
- c. Lớn hơn thời gian đáo hạn
- d. Không có phương án nào trên đúng

Câu 103: Khi lãi suất thị trường tăng thì người kinh doanh trái phiếu chủ động nên:

- a. Mua trái phiếu dài hạn, bán trái phiếu ngắn hạn.
- b. Mua trái phiếu ngắn hạn, bán trái phiếu dài hạn.
- c. Không mua, không bán gì cả mà để cơ cấu như cũ vì thị trường đang biến động.

Câu 104: Độ tín nhiệm của Công ty X là AAB, Công ty Y là AAA

- a. Mức bù rủi ro của Công ty X lớn hơn Công ty Y
- b. Mức rủi ro của Công ty X nhỏ hơn công ty Y
- c. Mức rủi ro của hai công ty là như nhau

Câu 105: Hệ số β (bêta) của một cổ phiếu trong mô hình CAPM hơn hơn 1 có nghĩa là:

- a. Cổ phiếu đang xem xét có mức rủi ro nhỏ hơn bình quân thị trường.
- b. Cổ phiếu đang xem xét có mức rủi ro bằng rủi ro bình quân thị trường.
- c. Cổ phiếu đang xem xét có mức rủi ro lớn hơn bình quân thị trường.
- d. Không tồn tại cổ phiếu như thế này

Câu 106: Các chỉ tiêu đánh giá rủi ro là:

- a. Độ lệch chuẩn (σ)
- b. Phương sai (σ^2): là bình phương của rủi ro)
- c. Hệ số β (bê ta)
- d. Độ lỗi (C)
- e. a và c

Câu 107: Đường thị trường chứng khoán (SML) giống đường thị trường vốn (CML) ở chỗ:

- a. Điều biểu thị mối quan hệ giữa rủi ro và lãi suất đầu tư.
- b. Điều có giá trị lớn hơn không
- c. Điều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro
- d. a và c
- e. Không có phương án nào trên đúng

Câu 108: Khi dự báo lãi suất thị trường giảm thì người kinh doanh trái phiếu chủ động nên:

- a. Mua TP dài hạn, bán TP ngắn hạn.
- b. Mua TP ngắn hạn, bán TP dài hạn
- c. Không mua, không bán gì cả mà để cơ cấu như cũ vì thị trường đang biến động.

Câu 109: Gửi tiết kiệm 8000\$ trong 15 năm với lãi suất 15%, sau 15 năm đó ta có:

- a. 57103 \$

- b. 59200\$
- c. 61000\$
- d. 65095 \$
- e. 68801 \$

Câu 110: Tỷ lệ tăng trưởng cổ tức của một công ty là 11.25%, hệ số hoàn vốn chủ sở hữu là 1 có thể dự báo khả năng trả cổ tức của công ty này từ các thông tin trên là:

- a. 40%
- b. 25%
- c. 20%
- d. 75%
- e. Không đủ thông tin để dự báo

Câu 111: Bạn đang xem xét để đầu tư vào một cổ phiếu có lợi suất mong đợi là 16%. Lãi phiếu kho bạc là 7%, hệ số rủi ro β (beta) của cổ phiếu đang xem xét là 2; mức bù rủi ro cổ phiếu thường là 4%. Bạn có thể đầu tư vào cổ phiếu này không?

- a. Có
- b. Không
- c. Không xác định được.

Câu 112: Khi lãi suất trả sau là 10% thì lãi suất trả trước là:

- a. 10%
- b. 9.09%
- c. 11%

Lãi suất trả trước bao giờ cũng nhỏ hơn lãi suất trả sau

$$\text{Lãi suất trả trước} = \text{lãi suất trả sau} / (1 + \text{lãi suất trả sau}) = 10 / (1.1) = 9.09\%$$

Câu 113: Tỷ lệ chia cổ tức của một công ty CP là 2.5%, hệ số hoàn vốn chủ sở hữu là 15%, dự báo khả năng tăng trưởng của cổ tức của Công ty này từ các thông tin trên là:

- a. 40%
- b. 21,25%
- c. 20%
- d. Không đủ thông tin để dự báo.

Câu 114: Sự tăng lên của tỷ lệ cổ tức của công ty và giá trị cổ phiếu của công ty có quan hệ cùng chiều nhau:

- a) Đúng
- b) Sai

Câu 115: Đường trung bình động (MA20) cắt đường biểu hiện giá CP REE từ dưới lên, đây là tín hiệu khuyến người đầu tư nên:

- a) Mua cổ phiếu REE
- b) Bán cổ phiếu REE
- c) Không mua bán gì cả, vì giá không ổn định.

Câu 116: Ngân hàng công bố lãi suất gửi tiết kiệm tháng là 0,6%, lãi này tương đương với lãi suất kép năm là:

- a) 7,0%
- b) 7,2%
- c) 7,4%
- d) 7,6%

Câu 117: Đường thị trường chứng khoán (SML) giống đường thị trường vốn (CML) ở chỗ:

- a) Điều biểu thị mối quan hệ giữa rủi ro và lãi suất đầu tư
- b) Điều có giá trị lớn hơn không.
- c) Điều lấy các biến số độc lập và các chỉ tiêu do rủi ro
- d) a và c
- e) a, b và c

Câu 118: Các chỉ tiêu không đánh giá rủi ro là:

- a) Độ lệch chuẩn
- b) Phương sai
- c) Hệ số bê ta
- d) Độ lồi
- e) b và d

Câu 119: Sự tăng lên của tỷ lệ cổ tức của công ty và giá trị cổ phiếu của công ty có quan hệ ngược chiều nhau:

- a) Đúng
- b) Sai

Câu 120: Đường trung bình động (KA30) cắt đường Vn-Index từ dưới lên đây là tín hiệu khuyến người đầu tư nên:

- a. Mua cổ phiếu
- b. Bán cổ phiếu
- c. Không mua bán gì cả

Câu 121: Ngân hàng bạn công bố lãi suất gửi tiết kiệm 1 năm là 8,4%, lãi suất này tương đương với lãi suất kép 3 năm là:

- a) 25,2%
- b) 27,1
- c) 27,4%
- d) 27,8%

Câu 122: **** thị trường chứng khoán (SML giống đường thị trường CML ở chỗ

- a. Điều biểu thị mối quan hệ giữa rủi ro và lãi suất đầu tư.
- b. Điều có giá trị lớn hơn không
- c. Điều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro
- d. a và c
- e. a, b và c
- f. Không có phương án nào trên đúng

Câu 123: Nếu hai cổ phiếu có hệ số tương quan lớn hơn không thì không thể đưa vào với nhau trong danh mục

đầu tư để giảm rủi ro của danh mục

- a) Đúng
- b) Sai

Câu 124: Đối với người quản lý đầu tư trái phiếu chủ động và dự đoán lãi suất sẽ giảm mạnh, người đầu đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để tăng lãi đầu tư:

- a. Mua trái phiếu ngắn hạn, bán trái phiếu dài hạn
- b. Mua trái phiếu dài hạn, bán trái phiếu ngắn hạn
- c. Không mua bán gì cả vì thị trường đang biến động

Câu 125: Người đầu tư hay dùng thông số sau để so sánh với lãi suất ngân hàng khi đầu tư vào cổ phiếu:

- a) Mức trả cổ tức theo % mệnh giá
- b) Chỉ số P/E
- c) Chỉ số Div/P
- d) ROE

Câu 126: Tỷ lệ tăng trưởng cổ tức của một công ty 10% và có thể duy trì như vậy trong tương lai tỷ lệ chiết khấu thu nhập là 15%. P/E của công ty đang là 5,5. Ta có thể dự báo khả năng trả cổ tức của công ty này từ các thông tin trên là:

- a) 40%
- b) 25%
- c) 20%
- d) 7%
- e) Không đủ thông tin dự báo

Câu 127: β trong mô hình CAPM không thể có giá trị âm

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 128: Quan sát giá cổ tức trong một số phiên giao dịch liên tục gần đây chúng ta thấy giá được hình thành như sau (ngàn đồng)

58: 59: 60: 58: 56; 57: 59: 56,5: 55,5: 57: 98,5: 58. Đây là tín hiệu:

- a. Xu hướng giá xuống
- b. Xu hướng giá lên
- c. Xu hướng lúc lên xuống
- d. Không thể hiện xu hướng gì.

Câu 129: Ngân hàng bạn công bố lãi suất gửi tiết kiệm tháng là 0,8%, lãi suất này tương đương với lãi suất kép năm là:

- a. 0,9%
- b. 9,6%
- c. 10%
- d. Hơn 10%

Câu 130: Đường thị trường chứng khoán (SML) giống đường thị trường vốn (CML) ở chỗ:

- a. Điều có giá trị lớn hơn không.
- b. Điều biểu thị mối quan hệ rủi ro và lãi suất đầu tư.
- c. Điều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro
- d. a, b và c
- e. b và c
- f. Không có phương án nào đúng.

Câu 131: Nếu hai cổ phiếu có hệ số quan lớn hơn 0 thì không thể kết hợp với nhau thành 1 cặp để tham gia vào 1 danh mục đầu tư để giảm rủi ro của danh mục đó:

- a. Đúng.
- b. Sai.

Câu 132: Đối với người quản lý đầu tư trái phiếu chủ động và dự đoán lãi suất sẽ giảm mạnh. Người đầu tư đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để tăng khả năng sinh lời:

- a. Mua trái phiếu dài hạn, bán trái phiếu ngắn hạn.
- b. Mua trái phiếu ngắn hạn, bán trái phiếu dài hạn.
- c. Không mua bán gì cả vì thị trường đang phập phù, không ổn định.

Câu 133: Chỉ tiêu đo độ rủi ro của đầu tư chứng khoán là:

- a. Hệ số bê ta (β)
- b. Hệ số tương quan (ρ)
- c. Độ lệch chuẩn (δ)
- d. Phương sai (δ^2)
- e. a và c
- f. a, c và d.

Câu 134: Ngân hàng bạn đang xem xét để đầu tư vào một cổ phiếu có lợi tức mong đợi là 15%. Lãi suất tín phiếu kho bạc là 8%. Lãi suất đầu tư bình quân của thị trường cổ phiếu là 13%, cổ phiếu đang xem xét có hệ số rủi ro là 2. Bạn khuyên lãnh đạo nên:

- a. Đầu tư.
- b. Không đầu tư
- c. Không xác định được và không có lời khuyên

Câu 135: Rủi ro trong đầu tư chứng khoán là:

- a. Sự mất tiền trong đầu tư chứng khoán.
- b. Sự không may mắn trong đầu tư chứng khoán
- c. Sự không ổn định trong thu nhập khi đầu tư vào chứng khoán.
- d. a và b.
- e. Không có phương án nào trên là đúng.

Câu 136: Bạn đang xem xét đầu tư vào một cổ phiếu cho lợi suất mong đợi là 30% và mức rủi ro là 9%. Mức lợi suất cơ bản mong muốn khi đầu tư vào cổ phiếu này là lãi suất kho bạc 8%. Bạn là người có mức ngại rủi ro là 2. Bạn có đầu tư vào cổ phiếu trên không:

- a. Có.

b. Không

Câu 137: Sự tăng lên của tỷ lệ cổ tức của công ty và giá trị cổ phiếu của công ty có quan hệ cùng chiều nhau:

a. **Đúng**

b. Sai

Câu 138: Đường trung bình động (MA20) cắt đường biểu hiện giá CP REE từ dưới lên, đây là tín hiệu khuyến người đầu tư nên:

a. **Mua cổ phiếu REE**

b. Bán cổ phiếu REE

c. Không mua bán gì cả vì giá không ổn định

Câu 139:

Ngân hàng công bố lãi suất gửi tiết kiệm tháng là 0,6%, lãi này tương đương với lãi suất kép năm là:

a. 7,0%

b. 7,2%

c. 7,4%

d. 7,6%

Câu 140: Đường thị trường chứng khoán (SML) giống đường thị trường vốn (CMI) ở chỗ:

a. Điều biểu thị mối quan hệ rủi ro giữa lãi suất và đầu tư

b. Điều có giá trị lớn hơn không

c. Điều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro

d. **a và c**

e. a, b và c

f. Không có phương án nào trên đúng

Câu 141: Nếu hai cổ phiếu có hệ số tương quan lớn hơn không thì có thể đưa vào với nhau trong danh mục đầu tư để giảm rủi ro của danh mục:

a. Đúng

b. Sai

Câu 142: Đối với người quản lý đầu tư trái phiếu chủ động và dự đoán lãi suất sẽ tăng mạnh, người đầu tư đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để giảm thiểu thua lỗ đầu tư:

a. Mua trái phiếu ngắn hạn, bán trái phiếu dài hạn.

b. Mua trái phiếu dài hạn, bán trái phiếu ngắn hạn

c. Không mua bán gì cả vì thị trường đang biến động

Câu 143: Những nghiên cứu đã chứng tỏ rằng, nếu đầu tư vào những cổ phiếu có P/E thấp là phương pháp tốt để thắng lợi trên thị trường.

a. Đúng

b. **Sai**

Câu 144: Khi lãi suất thị trường tăng thì giá trái phiếu giảm. Để tính giá trị giảm, người ta trừ khỏi giá trị ban đầu ảnh hưởng theo thời gian đáo hạn bình quân điều chỉnh (MD) và theo độ lồi (convexio).

a. **Đúng**

b. Sai

Câu 145: Ngân hàng bạn đang xem xét để đầu tư vào một cổ phiếu có lợi suất mong đợi là 16%. Lãi suất tín phiếu kho bạc là 7%; Lãi suất đầu tư bình quân của thị trường cổ phiếu là 12%, cổ phiếu đang xem xét có hệ số rủi ro β là 2. Bạn khuyên lãnh đạo nên:

- a. Đầu tư
- b. Không đầu tư
- c. Không xác định được và không có lời khuyên

$$(E_{R(A)} = R_f + \beta_A)(R_M - R_f) = 7 + 2(12-7) = 17\% > 16\%$$

Câu 146:

Các chỉ tiêu không đánh giá rủi ro là:

- a. Độ lệch chuẩn
- b. Phương sai
- c. Hệ số beta
- d. Độ lỗi

e. b và d

Câu 147: Quan sát giá cổ tức trong một số phiên giao dịch liên tục gần đây chúng ta thấy giá được hình thành như sau (ngàn đồng)

58: 59: 60: 58: 56; 57: 59: 56,5: 55,5: 57: 98,5: 58. Đây là tín hiệu:

- a. Xu hướng giá xuống
- b. Xu hướng giá lên
- c. Xu hướng lúc lên xuống
- d. Không thể hiện xu hướng gì.

Câu 148: Ngân hàng bạn công bố lãi suất gửi tiết kiệm tháng là 0,8%, lãi suất này tương đương với lãi suất kép năm là:

- a. 0,9%
- b. 9,6%
- c. 10%
- d. Hơn 10%

Câu 149: Đường thị trường chứng khoán (SML) giống đường thị trường vốn (CML) ở chỗ:

- a. Đều có giá trị lớn hơn không.
- b. Đều biểu thị mối quan hệ rủi ro và lãi suất đầu tư.
- c. Đều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro
- d. a, b và c
- e. b và c
- f. Không có phương án nào đúng.

Câu 150: Nếu hai cổ phiếu có hệ số quan lớn hơn 0 thì không thể kết hợp với nhau thành 1 cặp để tham gia vào 1 danh mục đầu tư để giảm rủi ro của danh mục đó:

- a. Đúng.

b. Sai.

Câu 151: Đối với người quản lý đầu tư trái phiếu chủ động và dự đoán lãi suất sẽ giảm mạnh. Người đầu tư đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để tăng khả năng sinh lời:

- a. Mua trái phiếu dài hạn, bán trái phiếu ngắn hạn.
- b. Mua trái phiếu ngắn hạn, bán trái phiếu dài hạn.
- c. Không mua bán gì cả vì thị trường đang phập phù, không ổn định.

Câu 152: Chỉ tiêu đo độ rủi ro của đầu tư chứng khoán là:

- a. Hệ số bê ta (β)
- b. Hệ số tương quan (ρ)
- c. Độ lệch chuẩn (δ)
- d. Phương sai (δ^2)
- e. a và c
- f. a, c và d.

Câu 153: Ngân hàng bạn đang xem xét để đầu tư vào một cổ phiếu có lợi tức mong đợi là 15%. Lãi suất tín phiếu kho bạc là 8%. Lãi suất đầu tư bình quân của thị trường cổ phiếu là 13%, cổ phiếu đang xem xét có hệ số rủi ro là 2. Bạn khuyên lãnh đạo nên:

- a. Đầu tư.
- b. Không đầu tư
- c. Không xác định được và không có lời khuyên

Câu 154: Rủi ro trong đầu tư chứng khoán là:

- a. Sự mất tiền trong đầu tư chứng khoán.
- b. Sự không may mắn trong đầu tư chứng khoán
- c. Sự không ổn định trong thu nhập khi đầu tư vào chứng khoán.
- d. a và b.
- e. Không có phương án nào trên là đúng.

Câu 155: Bạn đang xem xét đầu tư vào một cổ phiếu cho lợi suất mong đợi là 30% và mức rủi ro là 9%. Mức lợi suất cơ bản mong muốn khi đầu tư vào cổ phiếu này là lãi suất kho bạc 8%. Bạn là người có mức ngại rủi ro là 2. Bạn có đầu tư vào cổ phiếu trên không:

- a. Có.
- b. Không

Câu 156: Mô hình tăng trưởng bất biến cổ tức vẫn có thể ứng dụng được nếu mức tăng trưởng cổ tức $g = 0$.

- a. Đúng
- b. Sai
- c. Lúc đúng lúc sai tùy từng trường hợp.

Câu 157: Chỉ tiêu đo độ rủi ro của đầu tư chứng khoán là:

- a. Hệ số Beta (β)
- b. Hệ số tương quan (ρ)
- c. Độ lệch chuẩn (δ)

- d. Phương sai (δ^2)
- e. a và c
- f. a, c và d

Câu 158: Công ty của bạn đang xem xét để đầu tư vào một loại cổ phiếu có lợi suất của tín phiếu kho bạc là 8%, mức bù rủi ro khi đầu tư vào thị trường cổ phiếu là 9%, cổ phiếu đang xem xét có hệ số rủi ro $\beta = 2$. Bạn khuyên lãnh đạo nếu:

- a. Đầu tư
- b. Không đầu tư
- c. Không xác định được và không có lời khuyên

Câu 159: Giá trị độ lồi của trái phiếu

- a. Chỉ lớn hơn 0
- b. Chỉ nhỏ hơn 0
- c. Lúc lớn hơn, lúc nhỏ hơn tùy từng trường hợp

Câu 160: Bạn đang xem xét đầu tư vào một cổ phiếu cho lợi suất mong đợi là 38% và mức rủi ro là 15%. Mức lợi suất cơ bản bạn mong muốn khi đầu tư vào cổ phiếu này là lãi suất kho bạc 8,5. Bạn là người có mức ngại rủi ro $A = 2$. Bạn có đầu vào cổ phiếu trên không?

- a. Có
- b. Không
- c. Không xác định

Câu 161: β trong mô hình CAPM có thể có giá trị:

- a. Nhỏ hơn 0
- b. Bằng 0
- c. Lớn hơn 0
- d. Chỉ b và c
- e. Cả a, b và c

Câu 162: Quan sát đồ thị nâng cao về giao dịch một loại cổ phiếu chúng ta thấy những chỉ tiêu sau:

- Đường biểu thị giá cắt trung bình động ít (MA10) và trung bình động nhiều kỳ (MA25) từ trên xuống.

- MA 10 cắt MA25 từ trên xuống.
- Chỉ tiêu divergence âm
- Chỉ tiêu sức mạnh tương đối (RSI) đổi chiều từ (+) sang (-)

Các trường hợp trên khuyên nhà đầu tư nên:

- a. Mua chứng khoán
- b. Bán chứng khoán
- c. Không mua bán gì cả vì giá chứng khoán không đổi.

Câu 163: Ngân hàng dự kiến công bố lãi suất gửi tiết kiệm trả sau là 11% năm. Nếu áp dụng hình thức lãi trước thì 11% trên tương đương với mức lãi suất trả trước là:

- a. 10,11%

- b. 10%
- c. 9,5%
- d. 9,4%
- e. Các phương án trên đều sai

Câu 164: Mức ngại rủi ro của bạn càng thấp thì bạn cần mức bù rủi ro

- a. Càng lớn
- b. Càng bé
- c. Chúng không có quan hệ gì với nhau

Câu 165: Nếu hai cổ phiếu có hệ số tương quan lớn hơn 0 thì không thể kết hợp với nhau thành một cặp để tham gia vào 1 DMDT để giảm rủi ro của danh mục đó.

- a. Sai
- b. Đúng
- c. Không thể xác định đúng sai

Câu 166: NH công bố LS gửi tiết kiệm tháng là 0,8%, LS này tương đương với LS kép năm là: **Trên 10%**
(Công thức: $(1 + r)^n - 1$)

Câu 167: Đường thị trường chứng khoán SML giống đường thị trường vốn CML ở chỗ:

- **Đều biểu thị mối quan hệ rủi ro và lãi suất đầu tư**
- **Đều lấy các biến số độc lập là các chỉ tiêu đo rủi ro**

Câu 168: Hai cổ phiếu có hệ số tương quan > 0 thì không thể kết hợp với nhau thành 1 cặp để tham gia vào 1 DMDT để giảm rủi ro của DM đó - **Sai.**

Câu 169: Người quản lý TP chủ động và dự đoán LS giảm mạnh, thì sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để tăng khả năng sinh lời: - **Mua TP dài hạn, bán TP ngắn hạn**

Câu 170: Người quản lý đầu tư TP chủ động và dự đoán LS sẽ tăng mạnh, người đó sẽ thực hiện đầu tư theo chiến thuật sau để giảm thiểu thua lỗ - **Mua TP ngắn hạn, bán TP dài hạn**

Câu 171: Chỉ tiêu đo độ rủi ro của đầu tư CK là:

- **Hệ số bê ta**
- **Độ lệch chuẩn**

Câu 172: Chỉ tiêu không đánh giá rủi ro là: - **Phương sai** - **Độ**

Câu 173: NH đang xem xét để đầu tư vào một CP có lợi suất mong đợi là 15%. LS phiếu kho bạc là 8%. LS đầu tư bình quân của thị trường CP là 13%, CP đang xem xét hệ rủi ro = 2. - **Nên đầu tư**

$$\{ \text{ Công thức: } r = r_f + \beta (r_m - r_f) \}$$

Câu 174: Rủi ro trong đầu tư CK là: **Sự bất bình, sự không ổn định trong thu nhập khi đầu tư vào chứng khoán**

Câu 175: Bạn đang xem xét đầu tư vào một CP cho lợi suất mong đợi là 30%, mức rủi ro là 5%. Mức lợi suất cơ bản mong muốn khi đầu tư vào CP này là LS kho bạc 8%. Bạn là người có mức ngại rủi ro = 2. Bạn có đầu tư vào CP trên không. - **Có**

Câu 176: Sự tăng lên của tỷ lệ cổ tức của Công ty và giá trị CP của Công ty có quan hệ cùng chiều nha:

Câu 177: Đường trung bình động (MA20) cắt đường biểu hiện giá CP REE từ dưới lên, đây là tín hiệu khuyến người đầu tư nên: - **Mua cổ phiếu REE**

Câu 178: Những nghiên cứu đã chứng tỏ rằng, nếu đầu tư vào những CP có P/E thấp là phương pháp tốt để thắng lợi trên thị trường: **Đúng/Sai**

Câu 179: Khi giá thị trường tăng thì giá TP giảm. Để tính giá trị giảm, người ta trừ khỏi giá trị ban đầu ảnh hưởng theo thời gian đáo hạn bình quân điều chỉnh (MD) và theo độ lồi (convexio): **Đúng**

Câu 180: Người đầu tư hay dùng thông số sau để so sánh với lãi suất NH khi đầu tư vào cổ phiếu:
Chỉ số DIV/P

Câu 181: Tỷ lệ tăng trưởng cổ tức của 1 Công ty 10% và có thể duy trì như vậy trong tương lai; tỷ lệ chiết khấu dòng thu nhập là 15%. P/E của Công ty đang là 5,5%. Ta có thể dự báo khả năng trả cổ tức của Công ty này từ các thông tin trên là: **75%**

{**Công thức: $P/E = (1-b) (1+g) / (r + g)$** }

Câu 182: RSI giảm và cắt đường 0 từ trên xuống, đây là tín hiệu để: Mua/Bán/Không gì cả.

Câu 183: Người X có mức ngại rủi ro là $A = 3$ và Y có mức ngại rủi ro $A = 5$. Thì X có mức bù rủi ro cao hơn/**Y cao hơn**/ Không thể so sánh.

Câu 184: NH công bố LS gửi tiết kiệm trả trước là 10%, lãi suất này tương đương với LS trả sau là **11%**
Công thức: $r_s = r_t (1 + r_t)^n$

Câu 185: Một điểm A của một CK nằm phía trên đường SML thì điểm này biểu thị: - **Thị trường đánh giá thấp**

Câu 186: Bạn đang sở hữu một lượng trái phiếu chuyển đổi của VCB, TP này đang được giao dịch ở giá 200.000đ (mệnh giá 100.000đ). Người sở hữu TP này được dùng mệnh giá để mua CP của VCB khi CPH với giá đấu thầu bình quân. Giả sử khi đấu giá để CPH VCB có giá đấu thầu bình quân là 200.000đ/1 CP. Theo bạn: **Bạn trái phiếu sẽ lợi hơn**

Câu 187: Việc tăng lãi suất theo yêu cầu sẽ làm cho giảm hệ số P/E của công ty: **Đúng/sai**

Câu 188: Độ tín nhiệm của Công ty X là AAA, Y là BBB: **Mức rủi ro của $X < Y$**

Câu 189: Khi phân tích CP của công ty, nhà phân tích kỹ thuật ít đề cập đến: **Tỷ lệ vốn/nợ.**

Câu 190: Một số nhà phân tích kỹ thuật, nhận thấy khi các chứng khoán được ồ ạt mua vào là dấu hiệu của thị trường: **Kết thúc thị trường xuống giá**

Câu 191: Mô hình đầu vào và 2 vai đảo ngược là dấu hiệu: **Giá tăng**

Câu 192: Hình thái dạng trung bình của lý thuyết thị trường hiệu quả cho chúng ta biết rằng giá cả của thị trường: **Phản ánh tất cả tin tức biết được trên thông tin mà những tin tức này đã được công bố ra công chúng (bình thường).**

Câu 193: Những tuyên bố nào sau đây trong trường hợp lý thuyết về thị trường hiệu quả tồn tại: **Giá cả của chứng khoán phản ánh hoàn toàn những thông tin đã nhận được**

Câu 194: Các nhà phân tích cơ bản thường không quan tâm đến hai trong các yếu tố sau:

- **Lãi suất ngắn hạn** - **Khối lượng giao dịch**

Câu 195: Nếu một nhà phân tích muốn đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (đáo hạn trong vòng 30 ngày) của Công ty, trong các hệ số sau đây, hệ số nào được nhà phân tích đó quan tâm nhất: **Hệ số thanh toán nhanh (quick ratio)**

Câu 196: Khái niệm "Sự cân bằng thông tin hiệu quả trong các thị trường tài chính là: **Lợi nhuận ròng của**

các nhà đầu tư được trang bị thông tin thu được bằng với lợi nhuận ròng của các nhà đầu tư không được trang bị thông tin

Câu 197: Một Công ty có tỷ lệ nợ so với tổng tài sản là 0,4. Tổng nợ là 200tr. Lãi ròng sau thuế là 30tr. ROE của doanh nghiệp là: **10%**

Công thức: $ROE = \text{thu nhập ròng} / \text{vốn chủ sở hữu}$

$$\text{Tổng nợ} / \text{tổng tài sản} = 0,4 \Rightarrow \text{TTS} - \text{tổng nợ} / 0,4 = 200 / 0,4 = 500$$

$$\text{Vốn chủ sở hữu} = \text{tổng TS} - \text{tổng nợ} = 500 - 300 = 200$$

$$\Rightarrow ROE = 30 / 200 = 0,15 = 15\%$$

Câu 198: Trái phiếu coupon dương, thời gian đáo hạn bình quân của trái phiếu này: **Nhỏ hơn thời gian đáo hạn**

Câu 199: Độ tín nhiệm của Công ty X là AAB, công ty Y là AAA: **Mức bù rủi ro của công ty X lớn hơn công ty Y.**

Câu 200: Hệ số β của một cổ phiếu trong mô hình CAPM lớn hơn 1, nghĩa là: **Cổ phiếu đang xem xét có mức rủi ro lớn hơn bình quân thị trường**

Câu 201: Gửi tiết kiệm 8000 trong 15 năm, với lãi suất 15%, sau 15 năm đó ta có: **65096**

Công thức: $FV = PV (1 + r)^n$

Câu 202: Tỷ lệ tăng trưởng cổ tức của 1 công ty là 11,25%, hệ số hoàn vốn chủ sở hữu là 15%. Ta có thể dự báo khả năng trả cổ tức của Công ty này từ các thông tin trên là: 25%.

Công thức: $g = ROE \cdot b \Rightarrow b = g / ROE \Rightarrow 1 - b =$

Câu 203: Cổ phiếu có lợi suất mong đợi là 16%. Lãi suất TP kho bạc là 7%, hệ số rủi ro β của CP này là 2; mức bù rủi ro của CP thường là 4%. Có thể đầu tư vào CP này không:

Có.

Công thức: $E(r_i) = r_f + \beta (r_m - r_f)$

Câu 204: Một số rủi ro mà không thể kiểm soát được là:

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về sức mua

Câu 205: Một số rủi ro có thể kiểm soát được ở mức độ tương đối là:

Rủi ro kinh doanh

Rủi ro tài chính

Câu 206: Tính giá cổ phiếu hiện nay của 1 công ty biết công ty có tỷ lệ thu nhập trên vốn sở hữu là 12,5%. Công ty chia cổ tức hàng năm là 40%. Ước tính thu nhập của 1 CP trong năm tới là 3\$. Lãi suất chiết khấu theo yêu cầu là 10%.

$ROE = 12,5\% \quad D = 40\% \quad DIV_0 = 3\$ \quad r = 10\%$

Áp dụng công thức: $P_0 = DIV_1 * (1 + g) / (r - g)$

$g = ROE * b = 12,5 * (1 - 0,4) = 7,5\%$

$\Rightarrow P_0 = 3 * (1 + 0,075) / (0,1 - 0,075) = 64,5\$$

Câu 207: Mô hình tăng trưởng bất biến cổ tức vẫn có thể ứng dụng được nếu mức tăng trưởng cổ tức $g = 0$.

a. Đúng

b. Sai

c. Lúc đúng lúc sai tùy từng trường hợp

Câu 208: Chỉ tiêu đo độ rủi ro của đầu tư chứng khoán là:

- a. Hệ số Beta (β)
- b. Hệ số tương quan (ρ)
- c. Độ lệch chuẩn (δ)
- d. Phương sai (δ^2)
- e. a và c
- f. a, c và d

Câu 209: Công ty của bạn đang xem xét để đầu tư vào một loại cổ phiếu có lợi suất mong đợi là 25%. Lợi suất của tín phiếu kho bạc là 8%, mức bù rủi ro khi đầu tư vào thị trường cổ phiếu là 9%, cổ phiếu đang xem xét có hệ số rủi ro $\beta = 2$. Bạn khuyên lãnh đạo nếu:

- a. Đầu tư
- b. Không đầu tư
- c. Không xác định được và không có lời khuyên

Câu 210: Giá trị độ lồi của trái phiếu:

- a. Chỉ lớn hơn 0
- b. Chỉ nhỏ hơn 0
- c. Lúc lớn hơn, lúc nhỏ hơn tùy từng trường hợp

Câu 211: Bạn đang xem xét đầu tư vào một cổ phiếu cho lợi suất mong đợi là 38% và mức rủi ro là 15%. Mức lợi suất cơ bản bạn mong muốn khi đầu tư vào cổ phiếu này là lãi suất kho bạc 8,5%. Bạn là người có mức ngại rủi ro $A = 2$. Bạn có đầu tư vào cổ phiếu trên không?

- a. Có
- b. Không
- c. Không xác định

Câu 212: β trong mô hình CAPM có thể có giá trị:

- a. Nhỏ hơn 0
- b. Bằng 0
- c. Lớn hơn 0
- d. Chỉ b và c
- e. Cả a, b và c

Câu 213: Quan sát đồ thị nâng cao về giao dịch một loại cổ phiếu chúng ta thấy những chỉ tiêu sau:

- Đường biểu thị giá cắt trung bình động ít (MA10) và trung bình động nhiều kỳ (MA25) từ trên xuống.

- MA 10 cắt MA25 từ trên xuống.

- Chỉ tiêu divergence âm

- Chỉ tiêu sức mạnh tương đối (RSI) đổi chiều từ (+) sang (-)

Các trường hợp trên khuyên nhà đầu tư nên:

- a. *Mua chứng khoán*
- b. Bán chứng khoán

c. Không mua bán gì cả vì giá chứng khoán không đổi

Câu 214: Ngân hàng dự kiến công bố lãi suất gửi tiết kiệm trả sau là 11% năm. Nếu áp dụng hình thức trả lãi trước thì 11% trên tương đương với mức lãi suất trước là:

- a. 10,11%
- b. 10%
- c. 9,5%
- d. 9,4%
- e. Các phương án trên đều sai

Câu 215: Mức ngại rủi ro của bạn càng thấp thì bạn cần mức bù rủi ro

- a. Càng lớn
- b. Càng bé
- c. Chúng không có quan hệ gì với nhau

Câu 216: Nếu hai cổ phiếu có hệ số tương quan lớn hơn 0 tình hình không thể kết hợp với nhau thành một cặp để tham gia vào 1 DMDT để giảm rủi ro của danh mục đó.

- a. Sai
- b. Đúng**
- c. Không thể xác định đúng sai

Đáp ỏn bỗ sung:

				Cơ bản													
1	d	51	c	101	a	151	b	201	c	251	b	301	d	351	b	401	a
2	a	52	a	102	d	152	b	202	b	252	c	302	a	352	a	402	d
3	b	53	e	103	c	153	d	203	a	253	c	303	b	353	a	403	
4	a	54	a	104	b	154		204	a	254	b	304	c	354	c	404	e
5	c	55	d	105	c	155	d	205	a	255	c	305	c	355		405	b
6	c	56	V	106	d	156	b	206	b	256	c	306	b	356		406	c
7	d	57	d	107	c	157	b	207	c	257	a	307	b	357	d	407	b
8	b	58	tự	108	d	158	b	208	c	258	d	308	d	358	b	408	d
														vô hạn			
9	b	59	d	109	a	159	b	209	b	259	d	309	c	359		409	a
10	b	60	b	110	d	160	b	210	d	260	c	310	d	360		410	d
11	b	61	b	111	d			211	b	261	d	311	d	361	d	411	d
12	d	62	a	112	d	162	c	212	a	262	c	312	d	362	b	412	
13	d	63		113	b	163	c	213	d	263	c	313	b	363	d	413	d
14	b	64	c	114	a	164	c	214	a	264	d	314	c	364	b	414	a
15	a	65	d	115	d	165	a	215	b	265	a	315	a	365	a	415	
16	c	66	d	116	a	166	d	216	c	266	a	316	c	366	a	416	b
17	c	67	d	117	c	167	d	217	a	267	b	317	b	367	c	417	a
18	b	68	c	118	a	168	a	218	c	268	a	318	c	368		418	b
19	b	69	d	119	a	169	d	219	b	269	c	319	d	369	d	419	
20	c	70	e	120	c	170	c	220	b	270	b	320	d	370	d	420	b
21	b	71	c	121	b	171	b	221	a	271	b	321	c	371		421	a
22	c	72	a	122	d	172		222	d	272		322	a	372	b	422	d
23	c	73	d	121	d	173	c	223	a	273	b	323	a	373	a	423	d
24	a	74	a	122	d	174	c	224	c	274	d	324	c	374	a	424	b
25	b	75	b	123	d	175	b	225	c	275	b	325	c	375		425	d
26	b	76	c	124	d	176	b	226	b	276	a	326	d	376	a	426	a
27	a	77	b	125	d	177	b	227	c	277		327	a	377	a	427	c
28	c	78	b	126	c	178	a	228	a	278	d	328	b	378	c	428	a
29	d	79	c	127	d	179	a	229	d	279	c	329	c	379	c	429	c
30	d	80	d	128	b	180	a	230	a	280	c	330	a	380		430	c
31	b	81	b	129	a	181	d	231	a	281	c	331	a	381	b	431	b
32	b	82	c	130	b	182	c	232		282	a	332	a	382	b	432	a
33	a	83	d	131	c	183	b	233	c	283	b	333		383		433	a
34	c	84	a	132	d	184	c	234	a	284	b	334	d	384	c	434	b
35	d	85	a	132	10700	185	a	235	b	285		335	d	385	c	435	c
36	c	86	b	133	a	186	b	236	b	286	d	336	d	386	a	436	
37	a	87	b	134	d	187	c	237	a	287	a	337	b	387	a	437	b
38	b	88	c	135	c	188	a	238	b	288	d	338	c	388	d	438	d
39	b	89	d	136	c	189	a	239	b	289	c	339	a	389	c	439	b
40	a	90	c	137	a	190	d	240		290	a	340	d	390	d	440	a
41	a	91	a	138	27/6	191	d	241	b	291	b	341	a	391	d	441	b
42	a	92	d	139	d	192	d	242	b	292	d	342	b	392	c	442	
43	a	93	c	140	d	193	b	243	b	293	b	343		393	b	443	d
44	b	94	c	141	b	194	d	244	b	294	b	344	a	394	b	444	
45	d	95	d	142	c	195	d	245		295	a	345	c	395	c	445	a
46	c	96	a	143	c	196	b	246	c	296	c	346	d	396		446	d
47	b	97	b	144	b	197	d	247	a	297		347	a	397	d	447	b
48	a	98	d	145	b	198	a	248	a	298	c	348	d	398	b	448	a
49	d	99	b	146		199	a	249	c	299	a	349	b	399	c	449	
50	c	100	c	147	10700	200	d	250	b	300	b	350	d	400		450	d
				148	a												
				149	b												
				150	b												

Phân tích

1	a	51		101	b	151	a	201	
2	b	52		102	b	152	e	202	
3	a	53	c	103	b	153		203	
4	b	54	b	104	b	154	d	204	
5	b	55	e	105	c	155	a	205	
6	a	56	d	106	e	156	a	206	
7	a	57	d	107	d	157	e	207	a
8	b	58	a	108	a	158		208	e
9	b	59	b	109	d	159	a	209	b
10	a	60	b	110		160	a	210	a
11	a	61	a	111	a	161	d	211	a
12		62	a	112	b	162		212	d
13	a	63	e	113		163	b	213	a
14	có	64	a	114	b	164	b	214	b
15	b	65	b	115		165	b	215	b
16	d	66	b	116	c	166		216	b
17	a	67	b	117	d	167		217	
18	a	68	a	118	e	168	đúng	218	
19	a	69	c	119	b	169		219	
20	a	70	d	120	a	170		220	
21	ab	71	a	121	c	171		221	
22	a	72	b	122	d	172		222	
23	a	73	c	123		173	18%	223	
24		74	b	124	b	174		224	
25		75	a	125	c	175		225	
26		76	d	126	b	176	sai	226	
27		77	a	127	b	177		227	
28		78	c	128	c	178	đúng	228	
29		79	a	129	d	179		229	
30		80	a	130	e	180		230	
31		81	b	131	a	181		231	
32		82	a	132	a	182	mua	232	
33		83	b	133	e	183		233	
34		84	a	134	b	184		234	
35		85	b	135	d	185		235	
36		86	24%	136	a	186	lợi hơn	236	
37		87	d	137	a	187		237	
38		88	b	138	a	188		238	
39		89	c	139	c	189		239	
40	thấp	90	d	140	d	190		240	
41	b	91	d	141	a	191		241	
42		92	a	142	a	192		242	
43		93	c	143	b	193		243	
44		94	b	144	a	194		244	
45		95	d	145	a	195		245	
46		96	d	146	e	196		246	
47		97	b	147	c	197		247	
48		98	d	148	d	198		248	
49		99	c	149	e	199		249	
50		100	b	150	a	200		250	